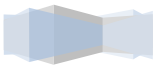


# **Chiến tranh Việt Nam trên báo Spiegel**

**1968**

*Phan Ba dịch*

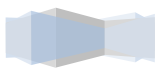
*Tập tài liệu này do Phan Ba dịch và thực hiện. Các bạn có thể tự do sử dụng nó cho các mục đích cá nhân và phi thương mại nhưng xin đừng sửa chữa bất cứ điều gì. Xin cảm ơn.*



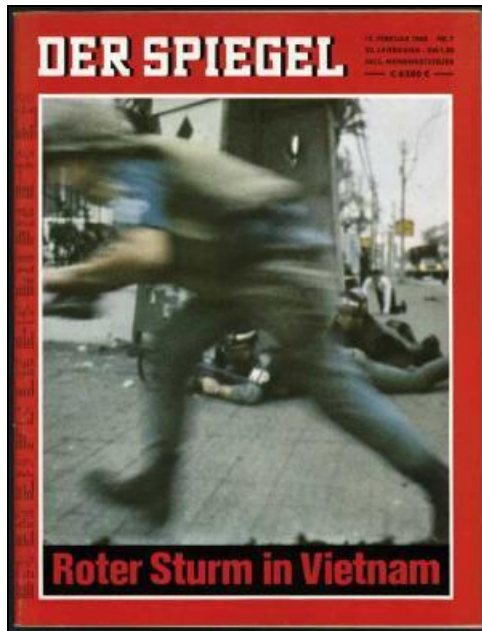
## Mục lục

Những tội phạm dửng dảm .....	5
Giới hạn của quyền lực.....	18
Sau bảy giờ chỉ còn được phép chết .....	23
Nấp sau những bồn hoa.....	26
Cố gắng cuối cùng.....	30
Giết chết lòng nhân đạo.....	33
Hai chiếc xe tăng trên nóc hầm .....	36
Một Verdun ở Việt Nam.....	39
"Thần Chiến tranh giúp những người Cộng Sản" .....	43
Khi mùa mưa đến .....	46
Thời điểm thử thách của Hoa Kỳ .....	48
Tìm Việt Cộng bằng que dò mạch nước .....	52
Không đủ lính.....	55
Chết ở Việt Nam vì độc giả .....	58
Con đường đi lên của Westmoreland .....	60
Còn phải đổ nhiều máu.....	63
Ở bất kỳ nơi nào và không ở đâu cả .....	66
Quyền lực và đạo đức.....	70
Cuộc chiến nhỏ của người Bắc Việt ở Paris .....	72
Những tiếng hô Hồ Chí Minh.....	75
Thuyết dẫn đường sai lầm trong chính trị của Hoa Kỳ.....	78
Việt Cộng dư thừa vũ khí .....	87
Những dấu hiệu nhỏ bé của hòa bình .....	89
Chiến tranh ác liệt hơn trước .....	92
Cuộc chiến tranh ném bom của Mỹ.....	96
Vào Dinh Tổng Thống sau nửa đêm.....	101
Bốn sự công bằng.....	103
Chiến tranh và tham nhũng ở Việt Nam .....	105





## Những tội phạm đùng cảm



*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 7 năm 1968 (12.02.1968)*

Trận tấn công bắt đầu trên nghĩa trang, vũ khí xuất hiện từ trong những ngôi mộ.

Một trận dịch kỳ bí dường như đang lây lan trong thủ đô Sài Gòn của Nam Việt Nam trong những ngày cuối cùng của năm Mùi Phật giáo: đám tang đi xuyên qua thành phố lớn này nhiều hơn là bình thường, người Việt thương tiếc đặt quan tài nhiều hơn là bình thường.

Nhưng cái được cho là sự thương tiếc đẩy lại là lòng căm thù, trong các quan tài không có xác chết.

Khi Sài Gòn chào mừng năm Thân mới với pháo hoa trong đêm rạng sáng ngày thứ Ba trước nữa, có những

bóng người đầy bí mật mở mộ cũng như quan tài ra và lên đi với những gì ở trong đó: với súng máy được tra dầu tốt và với đạn dược.

Cả chùa và nhà tư nhân cũng là kho vũ khí – như chùa Ấn Quang trong khu Chợ Lớn của người Hoa, như căn nhà số 266 trên đường Trần Quý Cáp, chỉ cách bản doanh của người lính Hoa Kỳ cao cấp nhất ở Việt Nam, tướng William C. Westmoreland, một vài khu phố.

Vũ khí vừa mới được phân chia ra thì cơn bão đổ đã bắt đầu ở Việt Nam.

50.000 Việt Cộng (viết tắt của Việt Nam Cộng Sản) của Nam Việt Nam tấn công vào 30 trong số 44 tỉnh lỵ, chiếm cơ quan nhà nước và nhà máy, cố thủ trong khách sạn và sân sau.

Họ treo lá cờ đỏ-xanh của cuộc cách mạng họ lên Đại Nội của thành phố hoàng đế Huế cổ xưa, họ tấn công vào các thành phố đã được cho là tuyệt đối an toàn, và khiến cho Sài Gòn trở thành thành phố nguy hiểm nhất của đất nước bị chia cắt này. "Tôi tin rằng Hà Nội (đang bị Hoa Kỳ ném bom) còn an toàn hơn cả Sài Gòn trong tuần này", một người Canada từ Ủy ban Kiểm soát Quốc tế cho Đông Dương nói.

Trong đêm đó, 19 người Việt Cộng đã bắn vỡ bức tường bảo vệ tòa nhà giống như một pháo đài của Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn. Mãi sau sáu giờ chiến đấu, người Mỹ mới chiếm lại được khu đất đó. Việt Cộng trong những chiếc xe limousine Toyota của Nhật đã chạy đến trước Radio Saigon và chiếm lấy đài phát thanh này. Hòa tiền rơi xuống sân bay.

Không nơi nào là an toàn trước Việt Cộng. Họ bắt buộc tướng Mỹ Westmoreland phải tìm nơi nương náu trong một công sự không có cửa sổ. Họ đẩy đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker đến một chỗ ẩn nấp ở ngoại ô. Họ khiến cho Việt Nam cũng trở thành chiến trường cho 350.000 người lính đẩy trong số trên 500.000 lính Mỹ ở Việt Nam, những người mà cho tới nay đã sống ở hậu phương cách xa tiếng súng bắn.

Trong một tuần duy nhất có 416 người lính Mỹ hy sinh – Hoa Kỳ chưa từng bao giờ bị tổn thất nhiều như thế trong vòng bảy ngày. Trong "tuần lễ của những sự ngạc nhiên" này (thiếu tướng Mỹ Chaisson), dường như Việt Nam đã chìm vào trong máu và tro và nước Mỹ đã bị đẩy đến bờ vực của một chiến bại.



Thành viên của tiểu đoàn 30 Biệt Động Quân QLVNCH duy trì liên lạc vô tuyến trong lúc đang di chuyển chống Việt Cộng gần Sài Gòn vào lúc Tết. Ngày 31 tháng 1 năm 1968. Ảnh: The Vietnam Center and Archive, số hiệu VA035205

Tuy là Việt Cộng không thể đuổi nửa triệu lính Mỹ được trang bị tốt nhất ra khỏi đất liền của miền Viễn Án – và có lẽ họ cũng không chờ đợi việc này. Việc mà những người Cộng Sản Việt Nam dự tính nhiều hơn là giới chính khách Mỹ sẽ hoài nghi các tướng lĩnh quá lạc quan của nước Mỹ và dân chúng Mỹ sẽ thúc giục tổng thống của họ chấm dứt cuộc phiêu lưu không có triển vọng ở Việt Nam.

Người Mỹ đã không chuẩn bị trước cho một cuộc tập kích ở cường độ này. Tuy là hai tuần trước cơn bão đỏ, Tướng William ("Westy") Westmoreland đã thông báo trước cho các viên chỉ huy của ông ấy một "cuộc tổng tấn công lớn của Việt Cộng và người Bắc Việt trước, trong hay ngay sau Tết"; tuy là người đứng đầu Công giáo Nam Việt Nam Nguyen Gian Hien đã giải thích sau này rằng: "Các tướng lĩnh của chúng tôi biết rằng Việt Cộng sẽ tấn công Sài Gòn, người dân trên đường phố biết điều đấy, tôi biết điều đấy" – nhưng khi Thiếu tướng Frederick C. Weyand, sếp của lực lượng Hoa Kỳ trong mười một tỉnh quanh thủ đô, tập hợp lực lượng của ông ấy lại sau cuộc tấn công đầu tiên của Việt Cộng, ông ấy chỉ có được gần 300 lính. Những người khác – cũng như phần lớn người miền Nam Việt Nam – đang nghỉ phép năm mới.

Trong lúc đó, tướng lĩnh Mỹ ở Việt Nam đang nhìn trừng trừng lên phương Bắc, nơi những người anh em đỏ của Việt Cộng đang chuẩn bị cho trận đánh lớn: 40.000 người lính Bắc Việt

trong những bộ quân phục màu xanh ô liu đe dọa căn cứ Khe Sanh của Hoa Kỳ với xe tăng Xô viết, hỏa tiễn, đại bác 152 milimét và súng phóng hỏa. Ở đó, họ muốn chuẩn bị trận Điện Biên Phủ của họ cho người Mỹ.

Nhưng trận đánh lớn vào Khe Sanh còn chưa đến. Việt Cộng đến thay vào đó. Từ nhiều tuần nay họ đã lên vào thủ đô từng hai người một hay ba người một – tổng cộng là 5000 người –, từ nhiều tuần nay họ đã chuẩn bị ở khắp nước cho cuộc tấn công của họ.

Bây giờ, trong điệu vũ và sự náo động của đêm Giao Thừa, họ tấn công. Họ ẩn núp trong những đồng đồ nát và những công trình xây dựng còn thô sơ, chiếm cả nhiều khu trong thành phố – như khu phố người Hoa Chợ Lớn trong Sài Gòn – biến công sở và chùa thành nơi bắn cho xạ thủ của họ.



Một người lính của QLVNCH đang nhắm bắn các vị trí của Việt Cộng ở Chợ Lớn trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Ảnh: The Vietnam Center and Archive, số hiệu VA000403.

Ở Đà Lạt, họ tấn công một vị trí đóng quân của quân cảnh Mỹ và chiếm nội thành. Ở Pleiku họ còn tiếp nhận cả chính quyền tỉnh: trong khi viên tỉnh trưởng đang thị sát các công sự bảo vệ chống Việt Cộng thì đối thủ của ông ấy, tỉnh trưởng trong bóng tối của Việt Cộng, đã chiếm lấy tòa nhà của chính quyền.

Việt Cộng tiến quân ở khắp nơi trong nước – nhưng tướng Hoa Kỳ Westmoreland đánh giá trận tấn công của họ là "một thất bại đắt giá" và còn khẳng khái thêm một lần nữa, rằng bây giờ "cuối cùng Việt Cộng cũng đã hết hơi".

Người lính cao cấp nhất của Hoa Kỳ ở Việt Nam dường như không thể tưởng tượng được rằng những chiến binh chân đất trong rừng rậm với súng ống cá nhân có thể làm tê liệt cỗ máy quân sự đầy, cái mà nước Mỹ đã thiết lập ở Việt Nam trong vòng hai năm rưỡi vừa qua.

"Quân địch sẽ luôn luôn thất bại", Lyndon B. Johnson cam đoan với người dân của ông ấy, "vì người Mỹ chúng ta sẽ không bao giờ nhượng bộ."

Và thật sự là quân địch đã mất hàng chục ngàn người trong những năm vừa qua, những nơi ẩn nấp của họ trong rừng rậm đã bị máy bay ném bom tám động cơ B-52 và máy bay tiêm kích Phantom nhanh gấp hai lần âm thanh tấn công không ngưng nghỉ, đàn ông, phụ nữ và trẻ em bị cháy vì bom napalm. Người Mỹ đếm xác chết – thường hay đếm quá nhiều – và tin rằng cả đến một quân đội du kích cũng không thể nào chịu đựng được những tổn thất như thế về lâu dài.

Nhưng tính tình Á châu và tinh thần cách mạng Cộng Sản đã kết nối với nhau trong Việt Cộng trở thành một khối đồng nhất, không thể hiểu được đối với các quốc gia văn minh và không thể làm cho suy yếu được đối với những đoàn máy bay ném bom.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Bắc Việt, Tướng Giáp: "Trong mỗi một phút có hàng trăm nghìn người chết ở khắp nơi trên thế giới. Sự sống hay cái chết của hàng trăm, hàng nghìn hay hàng chục nghìn người có ý nghĩa rất nhỏ bé trong thực tế – ngay cả khi đó là người dân của chúng tôi."

Quân đội Đức đã phải tiến hành cuộc chiến tranh chống du kích của họ ở Nga với những thiếu thốn về quân lực, không có trực thăng và tàu đệm khí. Người Mỹ tin vào sức mạnh của vật chất. "Tính cơ động có nghĩa là gì?", một cổ vấn Hoa Kỳ hỏi năm 1963. "Tính cơ động có nghĩa là xe cộ và máy bay ... Việt Cộng không có loại nào trong hai thứ đấy. Làm sao mà họ có thể cơ động được?"

Ngược lại, trong tuần trước nữa, một sĩ quan Hoa Kỳ đã thừa nhận ở Sài Gòn: "Tôi mong ước Charlie đứng về bên phía của chúng tôi."

Charlie – người Mỹ gọi Việt Cộng như thế – không phải là những du kích quân bị cám dỗ bởi phiêu lưu mạo hiểm. Anh ta có kỷ luật, cường tín và quen chịu đựng; vì từ một thế hệ nay, anh ta sống với chiến tranh. Anh ta thuộc – ít nhất là trong nhiều đơn vị chiến đấu – vào trong số những người lính thiện chiến nhất thế giới.

Việt Cộng tiến hành cuộc nổi dậy của họ chống lại chính phủ ở Sài Gòn theo lý thuyết ba giai đoạn, thuyết mà bậc thầy du kích Mao Trạch Đông đã đưa ra cho cuộc chiến tranh du kích. Trong giai đoạn đầu, "rút lui phòng ngự", họ tự giới hạn mình ở những cuộc đột kích và phá hoại, những cái "phải phá vỡ chí khí, tinh thần chiến đấu và năng lực quân sự của đối thủ" (Mao). Giai đoạn này bắt đầu năm 1956, hai năm sau khi người Pháp rút quân.

Các chiến binh Việt Cộng di chuyển trên những con đường mòn xuyên qua rừng rậm, trong thuyền trên sông, trong xe chở hoa và rau cải. Nhưng họ cũng đi – không bị nhận ra – cả bằng xe đò.

8

Lựu đạn của họ nổ tung trong những quán cà phê của thủ đô cũng như trên những cánh đồng ruộng lúa của đồng bằng sông Cửu Long. Quân lính chính phủ rơi vào trong những hầm bẫy được bố trí một cách khéo léo, bước vào trong những bẫy mìn và bãi mìn, bị bắn bằng tên tẩm thuốc độc, bị bắt trong những cái bẫy gấu hay bị súng tự động bắn chết.





Bom nổ trước Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn vào ngày 30 tháng 3 năm 1965. 22 người chết, 183 người bị thương. Ảnh: AP / Horst Faas

Để tiêu diệt quyền lực của chính phủ Sài Gòn, Việt Cộng đã giết chết 13.000 người già nhất làng và nhân viên nhà nước trong 15.000 làng, họ hành quyết thầy giáo nhiều tới mức trong khoảng thời gian từ 1959 tới 1961 chính phủ đã phải đóng cửa tổng cộng là 636 trường học. Thay vào chỗ của những người đã bị giết chết là những người mà Việt Cộng tin tưởng. Nông dân nhận được ruộng đất của địa chủ và bắt đầu tin tưởng hay tuân theo.

Việt Cộng trở thành quyền lực tạo trật tự trong một đất nước hỗn loạn. Họ có thể di chuyển trong người dân như "cá trong nước" (Mao). Họ thành lập tổ chức chính trị của họ, Mặt trận Dân tộc Giải phóng (MTDTGP). Giai đoạn du kích của Mao đã có thể bắt đầu.

Trong thời gian này, được Mao gọi là "chiến đấu thận trọng", lực lượng của Việt Cộng đã thành công trong việc khiến cho đối phương luôn phải lo lắng, khiến cho họ mệt mỏi và "hao mòn cho tới chết vì kiệt sức", như Mao đã đưa ra.

Cuối năm 1964, hầu như không còn một đội tuần tra nào của chính phủ dám bước ra đồng quê về đêm; ngoại trừ các thành phố, Nam Việt Nam bị Việt Cộng kiểm soát. Thời điểm cho giai đoạn thứ ba của Mao – tấn công với lực lượng quân đội chính quy – dường như không còn xa nữa. Vì thế mà bây giờ tiếp nhận quyền chỉ huy chiến lược của Việt Cộng cũng là người đã từng chiến thắng người Pháp ở Điện Biên Phủ: Tướng Võ Nguyên Giáp của Hà Nội, ngày nay 56 tuổi.

Cuồng tin cũng như thông minh, Giáp, người đã bị người Pháp bắt giam ngay ở tuổi 18 vì hoạt động bí mật cho Cộng Sản, từ năm 1941 là một trong những người thân cận nhất của Chủ tịch nước Bắc Việt Nam ngày nay, Hồ Chí Minh. Ông ấy hâm mộ mãnh liệt Napoleon (ông ấy có thể phác họa ra từ trí nhớ tất cả các trận đánh của Napoleon), ông ấy căm thù mãnh liệt tất cả các kẻ thực dân đang cầm quyền, họ có đến từ Pháp, Trung Quốc hay Mỹ cũng vậy. Giáp: "Hãy tiêu diệt kẻ thù của các anh! Hãy tiêu diệt các cường quốc thực dân!"

Tờ "Economist" ở London cho ông là một "trong những nhà chiến thuật quan trọng nhất thời chúng ta, có thể so sánh với một thiên tài chiến thuật khác, con cáo già sa mạc Erwin Rommel". Qua mối liên kết với Bắc Việt Nam, Giáp đã mang lại cho Việt Cộng một cột trụ về tổ chức.

Cho tới năm 1964, lực lượng của Việt Cộng chỉ tuyển mộ từ những người tình nguyện. Trong khi Sài Gòn nhờ sự giúp đỡ của Hoa Kỳ mà có thể trả 108 Mark cho một người lính được tuyển mộ của họ thì Giáp chỉ có thể trả cho du kích của ông ấy 1,50 cho tới 2 Mark trong một tháng. Nhưng có những danh hiệu tuyên thưởng như "Dũng sĩ quyết thắng" hay "Dũng sĩ diệt Mỹ". Tuy vậy một người Việt Cộng chỉ được nhận "Huân chương Giải phóng" khi có sự đồng ý của các chiến hữu.

Người Việt tìm đến đông tới mức tuy là đã trả lương ít ỏi nhưng Giáp còn đưa ra những đòi hỏi về chất lượng cho những người lính của ông ấy nữa: họ phải cao ít nhất là 1,47 mét.

Đầu năm 1965, chính phủ được nước Mỹ hỗ trợ ở Sài Gòn sắp chấm dứt. Thương lượng với Việt Cộng dường như là lối thoát cuối cùng. Lúc đấy, Tổng thống Hoa Kỳ Johnson cuối cùng đã biến cuộc nội chiến Việt Nam trở thành cuộc chiến tranh của Mỹ: khi năm Thìn của Phật giáo kết thúc, trên 180.000 lính Mỹ đã đóng quân ở giữa vĩ tuyến 17 và đồng bằng sông Cửu Long.

Căn cứ Mỹ hình thành ở khắp nơi trong Nam Việt Nam. Với sức mạnh – lúc đầu còn kìm hãm – của cỗ máy quân sự Mỹ khổng lồ, du kích quân của Giáp phải bị đập tan.

Những gì mà người Pháp có trang bị yếu kém đã không thành công trong thời gian hơn tám năm thì những người lính Mỹ phải thành công trong một vài tháng. Vì họ mang thiết bị và niềm tự tin đến cùng. Họ không biết đến vị đắng của chiến bại.

Bị lóa mắt bởi niềm tin vào tính bất bại của Mỹ, tờ "Time" reo mừng trong tháng 10 năm 1965: "Chỉ mới vừa cách đây có ba tháng thôi, khi những người đàn ông nhỏ con mang lại cái chết trong bộ quần áo ngủ màu đen còn đi ngang dọc tùy thích qua Nam Việt Nam, cướp bóc, đốt phá, giết người ... Đất nước này đã đứng ngay trước sự sụp đổ."

"Ngày nay Nam Việt Nam đầy tràn sự kiêu hãnh và sức mạnh ... Vì hỏa lực ghê gớm của người Mỹ đã làm rún động sức mạnh của Cộng Sản nên những kẻ đi săn dững cảm như thế của ngày trước bây giờ đã trở thành những người nhút nhát bị săn lùng."

Tổng thống Johnson hứa với người dân của ông ấy: "Nước Mỹ chiến thắng các cuộc chiến tranh đã bước vào. Không có nghi ngờ gì về việc này cả." Và vào lúc ban đầu, dường như ông ấy đã nói đúng.

Với cả một đoàn máy bay trực thăng, người Mỹ đẩy lùi quân đội của Giáp, lực lượng mà vào cuối 1965 đã bước lên bậc thứ ba của chiến tranh du kích và chuyển sang đánh trận công khai tại Plei Me: trên 1500 người lính của Giáp đã tử trận. Vị tướng của họ lui về bậc thứ hai.

Người Việt Nam, bẩm sinh sợ đêm tối, học được rằng màn đêm chính là người bạn của họ: người da trắng không thể nhìn thấy gì, máy bay của họ không cất cánh.

Dưới lòng đất, Việt Cộng đào một hệ thống đường hầm rộng khắp. Họ may ba lô của họ từ những bao đựng bột mì đã lấy trộm của Mỹ, những cái thường còn mang hàng chữ "Một món quà của nhân dân Mỹ."



Máy bay trực thăng Mỹ bắn bảo vệ cho quân lính Nam Việt Nam tấn công một căn cứ của Việt Cộng ở phía Bắc của Tây Ninh gần biên giới Campuchia. Ảnh: AP Photo / Horst Faas

Họ làm những chiếc võng nylon của họ từ dù chiến lợi phẩm. Họ đeo ở dây thắt lưng của họ một bình nước, một bịch gạo và một vài quả lựu đạn, lựu đạn mà các nhà máy bí mật ở trong rừng sản xuất có cho đến 5000 quả mỗi tháng trong mỗi một nhà máy.

Việt Cộng còn biết trước cả các kế hoạch của địch thủ: mạng lưới điện thoại quân đội Mỹ "Tiger" được điều hành bởi các nữ nhân viên điện thoại người Việt.

"Khi người Mỹ tiến vào", Nguyễn Hữu Thọ nói, sếp của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, "khi họ bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh với người của họ thì người của chúng tôi đứng ở nơi mà chúng tôi muốn. Chúng tôi chiếm giữ tất cả các điểm chiến lược quan trọng, và họ không còn cách nào khác hơn là tiến hành cuộc chiến theo các điều kiện của chúng tôi."

Những người lính Mỹ có thống trị các thành phố và căn cứ đi chằng nữa, vùng đồng bằng với khoảng 10 triệu người nông dân vẫn nằm trong tay của Việt Cộng. Người Mỹ đã không thành công trong việc làm giảm thiểu con số của

- những ngôi làng do Việt Cộng thống trị
- những người lính được Việt Cộng tuyển mộ ở bên ngoài vùng ảnh hưởng của họ
- người Việt bị Việt Cộng giết chết.

Người Mỹ gửi đến đất nước này nhiều quân lính hơn nữa, và trước hết là thiết bị còn tốt hơn nữa: họ không muốn tin rằng du kích quân với vũ khí cá nhân có thể chống cự lại được với

lực lượng chiến đấu lớn nhất được tập trung lại kể từ Đệ nhị thế chiến mà hỏa lực của nó lớn gấp tám lần hỏa lực của Đồng minh LHQ trong Chiến tranh Triều Tiên.

Thế nhưng cuộc chiến khủng khiếp ở châu Á đã làm tiêu tan những thành công của người Mỹ. Trong cơn mưa bom của những chiếc máy bay Mỹ, trong hỏa lực của đại bác và hỏa tiễn Mỹ, hàng chục ngàn người đã ngã xuống – nhưng không chỉ quân du kích. Với mỗi một quả bom rơi trúng một ngôi làng, với mỗi một thương dân tử thương, sự ngờ vực, sự căm phẫn của người dân Nam Việt Nam lại tăng lên.

Vì thế mà khi những người đồng minh bảo vệ Sài Gòn và Huế yêu cầu ném bom xuống một vài khu phố trong tuần trước nữa, thì người Mỹ cũng không thực hiện những phi vụ đó. Từ nỗi lo sợ, giết chết người dân thường nhiều hơn nữa, họ dứt khoát yêu cầu phi công Nam Việt Nam hãy ném bom xuống các thành phố Nam Việt Nam.

Nhưng ở những nơi mà Việt Cộng về phần mình tiến hành khủng bố thì sự khủng bố đó lại có tác động tâm lý chống Mỹ: cho tới chừng nào mà những con người xa lạ đó còn ở trong đất nước này thì không có hòa bình – người Việt Nam hẳn cho rằng là như thế. Việt Cộng thu nhận được tân binh trong thành thị và ở nông thôn.

Theo thông tin của Thiếu tướng Sidle từ bộ tham mưu của Westmoreland, trong tháng 11 năm 1967 có tổng cộng tròn 248.000 người chiến đấu cho Việt Cộng:

- 118.000 người trong các đơn vị chính quy
- 90.000 người trong du kích quân tuy ở địa phương nhưng hoạt động chiến đấu
- 40.000 người trong hành chính và cung cấp

Tướng Sidle không tính vào lực lượng vũ trang của Việt Cộng:

- 85.000 cán bộ, trưởng làng và nhân viên thu thuế cũng như
- 50.000 dân quân, những người không tiến hành các chiến dịch mà chỉ bảo vệ làng của họ.

Theo thông tin từ Hà Nội, toàn bộ Việt Cộng – tức là kể cả cán bộ và dân quân – tạo thành bảy sư đoàn và bảy lữ đoàn. Nhiều sĩ quan của họ đã từng chiến đấu chống người Pháp. Họ xuất thân từ Nam Việt Nam, nhưng được đào tạo trong quân đội Bắc Việt Nam của Giáp.

Đồng thời, du kích quân của Giáp khai thác những nguồn thu nhập mới: những khách sạn, quán rượu mà muốn Việt Cộng dung tha phải trả tiền "an ninh" hàng tháng. Và khi nhiều cô gái Việt chiều chuộng những anh chàng lính Mỹ đã mệt mỏi vì chiến tranh, Việt Cộng cũng cùng thu tiền.

12 Nông nghiệp trong những vùng do Việt Cộng kiểm soát bị thu thuế có hiệu quả nhất. Từ 15 đến 40 Mark một hecta, thêm vào đó, khi bán người nông dân phải đưa từ hai đến bốn phần trăm tiền thuế cho những người thu tiền của Việt Cộng. Nếu một thành viên gia đình chiến

đầu cho Việt Cộng thì tiền thuế ít hơn. Cho mỗi một người con trai trong quân đội Sài Gòn, tiền thuế sẽ tăng lên để trừng phạt.

Việt Cộng luôn xuất hiện ở nơi không có người Mỹ, họ bắt buộc Tướng Westmoreland luôn luôn phải di chuyển lực lượng của mình – trung thành với học thuyết của Mao, rằng phải làm cho địch thủ kiệt quệ trong giai đoạn thứ hai của chiến tranh du kích.

Năm 1946, Hồ Chí Minh của Việt Nam đã kể lại một câu chuyện ngụ ngôn: "Có một cuộc chiến giữa hổ và voi. Nếu con hổ chỉ đứng yên trong khoảng khắc, con voi sẽ dùng ngà húc nó. Nhưng con hổ nhảy lên con voi và xé rách lưng nó mỗi lúc một nhiều hơn, cho tới khi con voi chết vì mất máu."

Tướng Giáp của ông ấy nói ít thơ mộng hơn: "Kẻ địch đứng trước một vấn đề. Nếu chúng không phân tán lực lượng của chúng ra trên khắp nước thì chúng không bao giờ có thể chiếm cứ được những vùng do chúng ta kiểm soát. Nhưng nếu chúng phân tán lực lượng ra trên khắp nước thì rồi chính chúng sẽ gặp khó khăn."

Vì: "Địch thủ có thể mạnh hơn chúng ta gấp mười lần. Nhưng khi chúng ta bắt buộc chúng phải rải lực lượng của chúng ra trên khắp nước, thì ở nơi mà chúng ta muốn tấn công chúng, chúng ta có thể mạnh gấp mười lần chúng."

Trong giai đoạn thứ ba của chiến tranh du kích, đoàn máy bay trực thăng của Mỹ đã bắt được Việt Cộng đang chuyển sang đánh trận chính quy. Sau khi lui về giai đoạn hai, kẻ địch thường thoát được trước khi các chiếc máy bay trực thăng đổ xuống.

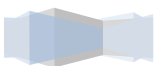
Nó vẫn mạnh và vẫn cơ động cao cho tới mức người bảo vệ Việt Nam của Mỹ, Westmoreland, phải yêu cầu ngày càng nhiều lính Mỹ hơn từ Hoa Kỳ. Ngày nay là trên 500.000.

Người đóng thuế của Mỹ phải chi trong năm trên 100 tỉ Mark – nhiều hơn ngân sách nhà nước của Bonn rất nhiều – cho chi phí của một cuộc chiến tranh mà cho tới ngày nay vẫn không được tuyên bố và các triển vọng cho một chiến thắng quân sự trong đó xấu hơn bao giờ hết.

Vì bây giờ Hồ Chí Minh của Bắc Việt Nam còn gửi cả nhiều sư đoàn qua Lào vào Nam Việt Nam. Sư đoàn mới nhất của Bắc Việt xuất hiện trong tuần trước nữa ở phía Nam của căn cứ Mỹ ở Đà Nẵng, tức là gần bờ biển, cách xa mặt trận Bắc Việt ở đường biên giới.

Và khi những chiếc máy bay ném bom Mỹ bắt đầu xới tung đất nước của Hồ Chí Minh thì các nước khối Đông Âu tổ chức một chiến dịch giúp đỡ cho các đồng chí đỏ.

Cho tới năm 1965, người Xô viết – người Albania lên án họ như thế – chỉ cung cấp được phẩm, 200 cái xe đạp và năm cái đàn accordéon. Nhưng trong năm vừa rồi, Moscow đã chi bốn tỉ Mark. Phi công và học viên phi công được đào tạo trong Liên bang Xô viết, hỏa tiễn SAM hay máy bay phản lực MIG bị phá hủy đều luôn được thay thế.



DDR [Cộng hòa Dân chủ Đức] cũng đào tạo phi công Bắc Việt (ở Zwickau và Dessau). Ở Hà Nội, hàng trăm bác sĩ từ vương quốc của Ulbricht đang băng bó các vết thương cho các đồng chí Việt Nam của họ.

Những trận ném bom rải thảm lên Bắc Việt Nam và sự phá hoại những cái đước cho là đường tiếp tế đã gây thiệt hại cho Việt Cộng còn ít hơn là cho các sư đoàn chính quy đỏ. Vì người Xô viết và người Bắc Việt Nam tuy có cung cấp vũ khí và đạn đước cho du kích quân, nhưng không nhiều như các tướng lĩnh của Mỹ tin là như thế trong lúc tìm kiếm các mục tiêu ném bom mới.



Máy bay B-52 đang ném bom. Ảnh: The Vietnam Center and Archive số hiệu VA000916

Hơn phân nửa tất cả vũ khí, những cái chĩa vào người Mỹ và đồng minh của họ, chưa từng bao giờ vượt qua vĩ tuyến 17. Bây giờ, nhà chính trị học Richard J. Barnet, dưới thời Kennedy là nhà ngoại giao trong State Department, đã phát hiện ra việc đấy. Những vũ khí đấy là do Việt Cộng chiếm đước, tự sản xuất lấy hay mua trên chợ đen trong Sài Gòn.

Barnet cũng bác bỏ điều mà các nhà ngoại giao Mỹ khẳng định từ nhiều năm nay: rằng Việt Cộng của miền Nam Việt Nam và Mặt trận Dân tộc Giải phóng bị Hà Nội chỉ huy về chính trị. "Mặt trận", người từng là phó của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ George W. Ball năm 1966 khẳng định như thế, "là một mặt tiền do Hà Nội dựng lên để hỗ trợ cho truyện hoang đường rằng cuộc nổi dậy ở Việt Nam không phải là một cuộc nổi loạn đước điều khiển từ bên ngoài."

14

Thật sự thì MTDTGP là một lực lượng chính trị độc lập – ngay khi có liên kết chặt chẽ với Hà Nội. Trong Nam Việt Nam bị chia rẽ với nhiều nhóm chính trị của nó, có lẽ họ là đơn vị lớn nhất và đoàn kết nhất. Họ có đại diện trong tất cả các quốc gia của khối Đông Âu và trong

một vài nước của thế giới thứ ba – và đấu tranh cho một chương trình chính trị có những điểm khác biệt về cơ bản với kế hoạch tương lai của Hồ Chí Minh cho Việt Nam.

Hồ muốn thống nhất toàn thể Việt Nam trở thành một nhà nước Cộng Sản có trật tự kinh tế và xã hội Xã hội Chủ nghĩa ngay sau khi người Mỹ rút quân ("Con cái chúng ta rồi sẽ ca hát và rắc hoa").

Ngược lại, đối với MTDTGP, tái thống nhất đất nước đứng mãi ở hàng thứ năm trong chương trình của họ, sau hòa bình, độc lập, dân chủ và trung lập về chính trị. "Chúng tôi sống trong miền Nam, chúng tôi thực hiện một chính sách cho miền Nam", các nhà lãnh đạo MTDTGP bảo đảm. Họ muốn tránh trở thành một vệ tinh của Hà Nội sau khi chiến thắng.

Tất nhiên là những người anh em bất cân xứng ở Hà Nội và trên những cánh đồng lúa của miền Nam, những người trong đất nước chia cắt cũng thực hành Chủ nghĩa Cộng Sản chia cắt, có một điểm chung: nổi dậy chống lại sự hiện diện của người Mỹ ở Việt Nam. Và trong cuộc đấu tranh này, Việt Cộng cũng đề cho Hà Nội, chính xác hơn: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Giáp, điều khiển.

Giáp và cố vấn của ông ấy đã tập giai đoạn thứ ba của cuộc chiến tranh du kích, trận phản công lớn, hàng tháng liền trên hộp cát – người Mỹ tin rằng mình đang có an toàn.

Ở Dak To, sau một cuộc chiến kéo dài nhiều ngày, các tướng lĩnh Hoa Kỳ đã đạt được thành công một phần, đã chiến thắng các trận đánh và tin rằng quân địch đang dần dần chuẩn bị cho các cuộc thương lượng hòa bình trong danh dự.

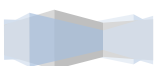
Phía sau tấm khiên của kho vũ khí khổng lồ của họ, họ chờ đợi những hơi thở cuối cùng của đối thủ và để cho những người đào ngũ lừa dối họ với những câu chuyện cổ tích sợ rùn mình về tinh thần chiến đấu tột tệ của các đơn vị Việt Cộng.

"Đã có thể nhìn thấy kết thúc của cuộc chiến", Tướng Westmoreland hứa hẹn. Sếp chương trình bình định của ông ấy, Komer, ca ngợi tiến trình bình định đang diễn ra trong đất nước. 67% của Nam Việt Nam, người Mỹ được giải thích như thế, đã không còn có Việt Cộng nữa.

Westmoreland chờ đợi một trận tấn công cuối cùng trong miền Nam. Thế nhưng Giáp lại tập trung 40.000 người Bắc Việt Nam trước Khe Sanh. Người Mỹ phải điều những lực lượng lớn đến biên giới Bắc. Giáp lên đưa Việt Cộng của ông ấy vào những chỗ trống thành hình. Pháo mừng năm mới cũng là phát súng hiệu của trận đánh tập trung lớn nhất của cuộc chiến.

Với lần tấn công vào các thành phố, Giáp "đã đạt được một chiến thắng chính trị nổi bật" (thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Edward Kennedy): nó cung cấp bằng chứng cho việc rằng Việt Cộng có thể tấn công bất cứ lúc nào và ở nơi nào mà họ muốn. Họ cho những người nông dân thấy tận mắt rằng sự bảo vệ là đáng nghi ngại cho tới đâu, sự bảo vệ mà nước Mỹ có thể thực hiện ở nông thôn một khi mà còn chẳng có khả năng giữ được các thành phố.

Giới quân sự Hoa Kỳ nói về một "hành động tuyệt vọng" và đếm được hơn 25.000 xác chết của đối phương – nhưng trong những câu chuyện cá nhân thì họ thừa nhận rằng chỉ lấy được



có 5228 vũ khí của đối phương, và con số này cho thấy một con số tổn thất thấp hơn nhiều. Những người chết còn lại hẳn là thường dân.

Ở Washington, người bạn thân cận của Kennedy lúc trước, Arthur Schlesinger, yêu cầu triệu hồi Westmoreland – ngay giữa trong trận đánh: "Tôi đau buồn khi nghĩ rằng cuộc sống của hàng ngàn người Mỹ trẻ tuổi hàng ngày được giao phó cho một người với khả năng phán đoán của Westmoreland."

Nhưng phán đoán của Westy vẫn lạc quan, cả về Khe Sanh: Tuy là quân địch mạnh hơn những người bảo vệ cứ điểm đến gấp năm lần, nhưng họ chỉ có thể tấn công vào căn cứ Hoa Kỳ sau khi "xuyên qua một hẻm núi sâu, bùn lầy, bao bọc lấy Khe Sanh. Khi quân Đỏ bị kẹt lại trong bùn lầy thì người Mỹ sẽ ném bom từ trên không và đánh tan họ."

Tất nhiên: người Bắc Việt chẳng cần phải xung phong vào Khe Sanh, họ có thể bắn nát nó ra. Những khẩu đại bác 152 milimét của họ có tầm xa gần 20 kilômét – qua bùn lầy và rừng rậm. Ngay khi chỉ bị bắn phá ở mức độ vừa phải, những người đang bị bao vây đã mất 21 người trong thứ năm vừa rồi.

Quân Đỏ đã tràn ngập cứ điểm Lang Vei quan trọng, nằm trước Khe Sanh bảy kilômét, trong tuần vừa rồi – cũng như Việt Minh chiếm tiền đồn "Beatrice" trước Điện Biên Phủ trong lần tấn công đầu tiên năm 1954. Lần đầu tiên trong cuộc Chiến tranh Việt Nam đã kéo dài 22 năm, nhà chiến lược Giáp đã để cho xe tăng xuất phát – chín chiếc PT-76 của Xô viết.

Trong lúc đấy, thiện xạ của Việt Cộng vẫn còn gìm chặt lính Mỹ và đồng minh trong các thành phố của miền Nam. Trên Đại Nội của Huế, lá cờ của Việt Cộng vẫn còn tung bay. Cuộc chiến tranh đường phố vẫn còn diễn ra ác liệt trong khu người Hoa Chợ Lớn của Sài Gòn.

Các nhà chiến lược Mỹ chỉ còn sự lựa chọn tập trung quân lực để giải tỏa các thành phố hay tụ họp mọi lực lượng để giải vây cho Khe Sanh.

Giới quân đội Nam Việt đứng bất lực trước cuộc tổng tấn công của những người đồng hương trong bí mật. Ai bị Việt Cộng ép buộc phải cung cấp đồ ăn thức uống, cuối cùng họ khuyên như thế, thì hãy bỏ thuốc ngủ vào trong thức ăn cho họ rồi tước lấy vũ khí của kẻ địch.

Trong lúc đấy, đạn của quân địch nổ tung trên phi đạo của căn cứ không quân Mỹ ở Đà Nẵng. Sở hữu phi trường này là tiền đề để 5000 người Mỹ đang bị bao vây ở Khe Sanh từ giữa tháng 1 có thể chống cự lại được. Vì từ Đà Nẵng, máy bay Hoa Kỳ mang thuốc men, vũ khí và đạn được đến đây hàng ngày.

Chúng cũng mang cả bom đến. Nhưng một phần bom rơi xuống các vị trí của Mỹ – cũng như xuống các vị trí của Pháp ở Điện Biên Phủ. Vì chiến tuyến chính của Khe Sanh bao gồm một vùng chỉ hai kilômét vuông.

16

Thêm vào đó, mùa mưa để cho những quả bom tiếp tế cũng như lính nhảy dù dễ dàng đáp xuống ở phía đối phương – cũng như ở Điện Biên Phủ.

Nhưng giới quân sự Mỹ tin chắc rằng họ sẽ không trải qua một Điện Biên Phủ thứ hai ở Khe Sanh. Họ tin chắc tới mức họ còn ký kết điều đấy với người tổng tư lệnh của họ: bị Johnson



thúc giục, các tham mưu của Liên Quân Hoa Kỳ đã bảo đảm giữ Khe Sanh bằng chữ ký của họ.

Westmoreland, được Johnson đích thân gọi điện nhiều lần, bảo đảm qua điện thoại. Tổng thống trong tuần trước nữa: "Tôi không muốn một Điện Biên Phủ khốn kiếp!"

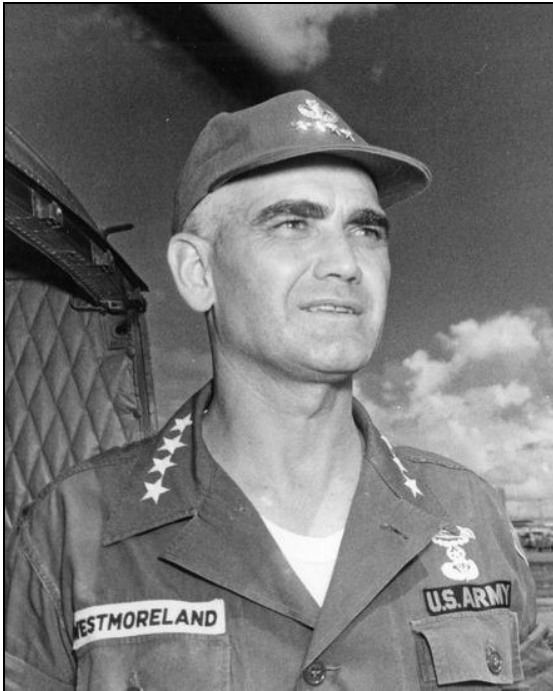
Vào thời điểm đó, Khe Sanh mới bị nã pháo có 15 ngày. Trận đánh Điện Biên Phủ kéo dài 169 ngày.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46135625.html>*



## Giới hạn của quyền lực

Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 06 năm 1968 (05/02/1968)



Tướng W. C. Westmoreland, tư lệnh Bộ chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại Việt Nam (17/10/1967).  
Ảnh: The Vietnam Center and Archive, số hiệu VA061769

*Người Cộng Sản dường như đã hết hơi rồi.*

Tướng Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt Nam (cuối tháng 1)

*Người Mỹ là dân tay mơ.*

Tướng Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Bắc Việt

Người lính cao cấp nhất của Mỹ ở Việt Nam tự chứng tỏ mình là một nhà tiên tri tồi. Lời nói của Westmoreland vừa tắt đi thì du kích quân của Giáp đã ập đến với nhiều hơn bao giờ hết.

Họ đến, 50.000 người, trong những nhóm đặc công tự sát và trong những tiểu đoàn. Với những tràng pháo đốt mà người Phật giáo ở Việt Nam mở đầu cho "năm con khỉ" của họ, họ đã khai hỏa những phát đạn đại bác chết người.

Họ xung phong vào 55 thành phố và căn cứ và khiến cho, như tờ báo quân đội Ba Lan "Zolnierz

Wolnosci" hân hoan mừng chiến thắng, "quân đội của một siêu cường quốc trở nên buồn cười."

Những loạt đạn từ các khẩu súng máy của họ, đạn súng cối của họ và lực mạnh của cuộc tấn công của họ đã xé nát sự lạc quan chính thức, cái mà các sĩ quan thông tin Mỹ lan truyền đi không biết mệt từ Việt Nam ra thế giới, dựa trên những tính toán tiến đến chiến thắng của máy tính của họ.

Trước đây nhiều tháng, người Mỹ đã tuyên bố rằng địch thủ của họ sắp sửa chết. Người Cộng Sản mất 87.543 người, chỉ riêng trong năm vừa rồi theo tính toán của Hoa Kỳ, một phần tư triệu từ 1961. Việt Cộng, phát ngôn viên của Mỹ tuyên bố như thế, ngày càng phải tuyển mộ nhiều trẻ em hơn, để lấp đầy những chỗ trống của tổn thất.

Thế nhưng kẻ địch bị tiêu hao – mà bom đã rơi trên lãnh thổ của họ nhiều hơn là trên nước Đức trong toàn Đệ nhị thế chiến – đã đột kích quyền lực quân sự mạnh nhất thế giới.

Trận tấn công đầu năm của Giáp, cái bất thành linh khiến cho toàn Việt Nam trở thành mặt trận, cũng làm lung lay cả sự lạc quan của Westmoreland. Vào thứ năm vừa rồi, khi sở chỉ huy "Pentagon Ost" của ông ấy nằm trong tầm bắn của những người tấn công đỏ, vị tướng đã linh cảm: "Sẽ còn tồi tệ hơn nữa."

Nó tồi tệ cũng đã đủ. Với súng chống tăng Xô viết, du kích quân đã bắn thủng lỗ bức tường bê tông của Đại sứ quán Mỹ trong trung tâm Sài Gòn, được xây dựng như một pháo đài tiêu tốn mất 10,4 triệu Mark.

Quân Đỏ thống trị sáu giờ liền biểu tượng cho sự hiện diện của Mỹ ở Việt Nam, rồi mãi sau đó, lính dù, lính cổ da và quân cảnh – đập xuống mái nhà của Đại sứ quán bằng trực thăng – mới có thể chiếm lại được nơi ở của người đại diện cho Johnson, Ellsworth Bunker. Cho tới cuối tuần, những người đến tòa đại sứ vẫn còn bị thiện xạ Cộng Sản nhắm bắn, những người mà đã trụ lại trong các công trình xây dựng ở quanh đó.

Một lực lượng hỗn hợp gồm người Mỹ, Hàn Quốc và Nam Việt Nam, được tăng cường bởi lính cứu hỏa Sài Gòn, tấn công hai ngày trời một ngôi nhà phụ của Dinh Tổng thống trong Sài Gòn. Rồi các du kích quân còn sống sót mới chịu đầu hàng: chín người đàn ông và một cô gái.

Máy bay ném bom phản lực Hoa Kỳ phải bỏ nài tấn công căn cứ trung tâm của chính họ: phi trường Tân Sơn Nhất ở rìa Sài Gòn mà nhiều nhóm Việt Cộng đã cho nổ tung máy bay và phóng hỏa các bể chứa nhiên liệu. Và họ còn phải ném bom thủ đô Sài Gòn nữa, nơi những nhóm lớn Việt Cộng đã trụ lại trong chùa và trong các mục tiêu quân sự mà họ đã chiếm được ở nhiều nơi.



Máy bay phản lực Phantom F-4 bị hư hỏng do trúng hỏa tiễn 122 mm trong một cuộc tập kích bằng hỏa tiễn và súng cối vào phi trường Tân Sơn Nhất ngày 18 tháng 2 năm 1968. Ảnh: The Vietnam Center and Archive, số hiệu VA045514.

Máy bay ném bom của Hoa Kỳ thả napalm xuống thành phố cao nguyên Ban Mê Thuột, đã rơi hoàn toàn vào tay của kẻ địch, và họ cũng tiến hành những phi vụ tấn công thành phố lớn

thứ hai của Việt Nam, Đà Nẵng, nơi quân Đờ đã phá hủy máy bay Mỹ có giá trị hàng trăm triệu Mark.



(NY16-Feb.1) DEATH OF A MILITARY FAMILY IN SAIGON SUBURB--South Vietnamese soldiers stand near bodies of a South Vietnamese commander of a training camp and command center and members of his family after the camp was retaken from the Viet Cong in a northern Saigon suburb today. The commander, a colonel, was decapitated by the Viet Cong and his wife and six children were machinegunned. On ground near the corpses are toys and food. At right are sandbags behind which the children hid. (AP Wirephoto via photo from Saigon) (AP Wirephoto via photo from Saigon)

Cái chết của một gia đình quân nhân ở ngoại ô Sài Gòn – lính miền Nam Việt Nam đứng gần các thi thể của một viên chỉ huy một trại đào tạo và trung tâm chỉ huy miền Nam Việt Nam và của các thành viên trong gia đình của ông ấy sau khi trại được tái chiếm lại từ Việt Cộng trong một khu ngoại ô phía bắc Sài Gòn ngày hôm nay. Chỉ huy, một đại tá, đã bị Việt Cộng chặt đầu và người vợ và sáu con đã bị bắn chết. Trên mặt đất gần các thi thể là đồ chơi và thực phẩm. Bên phải là những bao cát mà mấy đứa trẻ con đã nấp ở đấy.

Việt Cộng trong quân phục Nam Việt Nam (mà họ thắt băng tay đỏ thêm vào đó) tấn công và phá hủy các ngôi biệt thự của sĩ quan Nam Việt Nam và Đài phát thanh Sài Gòn trong trung tâm của thủ đô. Họ chặt đầu nhiều sĩ quan, những người được viên cảnh sát cao cấp nhất của Nam Việt Nam, tướng Nguyễn Ngọc Loan, trả thù cho: với khẩu súng ngắn, ông ấy bắn chết một Việt Cộng đã bị trói lại.

Trên một chợ trái cây ở ngay giữa thủ đô, du kích quân đã gài bẫy quân cảnh Mỹ: 25 quân cảnh rơi vào đó, tất cả đều bị giết chết hay bị thương.

Trong 24 của 44 tỉnh lỵ, tình trạng cũng giống như ở Sài Gòn. Trong Berlin của Việt Nam, trong Huế, thủ đô của các hoàng đế An Nam, lá cờ của Mặt trận Giải phóng đỏ bay trên Đại Nội.

Quân du kích còn tấn công vào các thành phố mà cho tới lúc đó vẫn còn chưa nghe thấy một tiếng súng nào: như Đà Lạt, nơi ẩn náu của những tướng lĩnh chuyên đảo chính đã về hưu và của những kẻ tham nhũng nhiều thành công, như một phi trường ở căn cứ Cam Ranh khổng lồ, cái đã được cho là an toàn tới mức Tổng thống Hoa kỳ Lyndon

B. Johnson đã đáp xuống đó hai lần để động viên các chiến binh Việt Nam của ông ấy.

Khắp nơi trong nước, giữa vùng phi quân sự ở phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long ở phía Nam, giữa biên Đông ở phía Đông và biên giới Lào-Campuchia ở phía Tây, đạo quân ma của tướng Giáp chỉ cho "người Mỹ thấy ranh giới quyền lực của họ một cách đau đớn" ("New York Times").

Nhưng với cuộc tấn công của họ, quân Đờ còn đạt được nhiều hơn thế: họ chứng minh rằng tất cả những thông báo thắng lợi về những vùng "an toàn" và "bình định" chỉ là những lời nói trống rỗng mà thôi; từ thứ hai vừa rồi, ở Việt Nam không có thành phố an toàn nữa.

Nhưng trước hết là: họ chứng tỏ cho người dân thấy, rằng cả chính phủ lẫn người Mỹ đều không có khả năng bảo vệ bất cứ một người nào trước du kích quân, rằng chỉ việc người Mỹ

rút quân mới có thể mang lại hòa bình. Ở nhiều nơi, người dân bày tỏ công khai thiện cảm với Việt Cộng: phụ nữ nội trợ ở Sài Gòn mang thức ăn đến cho họ, phật tử ở Huế chiến đấu sát cánh với quân Đỏ.

Trong vòng năm ngày, có gần 300 lính Mỹ và khoảng 700 lính đồng minh tử trận. Người Mỹ tính toán con số tử vong của Việt Cộng cao gấp mười lần, họ không công bố con số những người dân thường bị giết chết.

Việc người Mỹ ném bom các thành phố trong miền Nam còn làm cho dân chúng chống lại những người chiếm đóng xa lạ nhiều hơn nữa: nạn nhân của nó trong dân thường còn nhiều hơn là do du kích quân gây ra. Và các biện pháp của chính phủ Nam Việt Nam đã cô lập nhóm lãnh đạo ra khỏi nhân dân: họ tuyên bố tình trạng thiết quân luật, giới nghiêm và kiểm duyệt báo chí, để che đậy quy mô của thảm họa.

Người Cộng Sản đạt được tất cả các thành công về quân sự và tâm lý đó với những cuộc tấn công mà chính họ cũng như người Mỹ chỉ nhìn như là màn đầu của một cuộc tổng tấn công, cuộc tổng tấn công mà tướng Giáp muốn dùng nó để hiện thực lời tiên đoán của ông ấy, rằng 1968 sẽ là năm quyết định của cuộc Chiến tranh Việt Nam.

Nơi mà người ta chờ đợi trận đánh chính của người Cộng Sản thì lại là một trong những nơi yên tĩnh nhất trong tuần vừa rồi: căn cứ Khe Sanh ở cực Tây Bắc của đất nước này, nơi 8000 lính cổ da và Biệt Động Quân Việt Nam – bị ép lại với nhau trên hai kilômét vuông – đang chờ cuộc tấn công của 40.000 người Bắc Việt đang bao vây Khe Sanh từ nhiều tuần nay.



Lính Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ cố phát hiện vị trí súng cối của quân đội Bắc Việt tại Khe Sanh. Ảnh: The Vietnam Center and Archive, số hiệu VA020893

Quân Đỏ trì hoãn cuộc tấn công vào căn cứ này, cái theo các kế hoạch của Giáp phải trở thành Điện Biên Phủ của Mỹ: họ tiếp tục mang thêm đến đây hàng tiếp tế và đạn dược và, để tránh

con mưa bom không ngưng nghỉ của hàng trăm máy bay Mỹ, đào đường hầm cho đến tận hàng rào của căn cứ.

Sau cuộc tấn công bất ngờ của Việt Cộng trên khắp nước, bây giờ người Mỹ không còn chắc chắn nhiều cho lắm, rằng Tướng Westmoreland của họ nói đúng, khi ông ấy khẳng định có thể giữ được Khe Sanh.

Nhưng cuộc tiến công của quân Đỏ không chỉ hướng tới căn cứ Khe Sanh. Westmoreland hiện dự tính, như ông tuyên bố vào thứ năm vừa rồi, với một cuộc xâm lược của Cộng Sản vào các tỉnh phía Bắc của Nam Việt Nam, những cái được bảo vệ bởi một chuỗi căn cứ với 70.000 lính Mỹ, trước hết là lính Thủy Quân Lục Chiến.

Với một trận tấn công có quy mô lớn như vậy, những người Bắc Việt Nam của Tướng Giáp có thể đạt được hai mục đích:

Đánh bại lực lượng tinh nhuệ của Mỹ, lính cổ da – cái đồng thời cũng là một thành công lớn về mặt tâm lý

Qua chiếm đóng một phần của Nam Việt Nam mà thay đổi vị thế ban đầu trong các cuộc đàm phán trong tương lai – tiền đề cho một sự chia cắt Việt Nam nếu thế thì sẽ không còn nữa.

Cho tới nay, Tướng Giáp chỉ đưa ra một phần tám quân đội chính quy của ông ấy cho cuộc xâm chiếm các tỉnh ở phía Bắc. Nhiều sư đoàn khác có thể được ném vào trong trận đánh bất cứ lúc nào. Người Mỹ ngược lại đã phải rút quân từ những phần đang bị đe dọa khác của đất nước này và chống lại quân Đỏ ở Sài Gòn với lính hậu phương từ văn phòng và lính bị thương nhẹ từ bệnh viện.

Chúa tể chiến tranh cao cấp nhất của họ, Lyndon B. Johnson, dường như là thế, chỉ có hai khả năng: thương lượng trong tương lai tới đây hay leo thang chiến tranh thêm một lần nữa.

Leo thang tiếp tục không chỉ có nghĩa là phát lệnh nhập ngũ cho những người dự bị – các kế hoạch tái kích hoạt hai sư đoàn dự bị đã được chuẩn bị rồi.

Leo thang tiếp tục cũng có nghĩa là cái viễn cảnh đen tối đầy có thể trở nên hiện thực, cái mà Lyndon Johnson trong mùa Hè 1967 đã thổ lộ với con gái của ông ấy: "Bố của con có thể sẽ đi vào lịch sử như là người đã gây ra Đệ tam thế chiến."

Vì: trên những hộp cát, giới quân sự của Lầu Năm Góc đã thử hết mọi khả năng để sử dụng vũ khí nguyên tử chiến thuật ở những nơi quân địch tập trung đông như quanh Khe Sanh.

*Phan Ba dịch từ*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46135573.html>

## Sau bảy giờ chỉ còn được phép chết

Biên tập viên SPIEGEL Siegfried Kogelfranz ở Sài Gòn

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 07 năm 1968 (12/02/1968)*

Tiếp viên hàng không yêu kiều trong áo dài màu xanh lá mạ đi cùng với hành khách dưới những cái dù khổng lồ xuyên qua cơn mưa như trút nước của miền nhiệt đới vào trong căn nhà của phi trường. Chuyến taxi đi vào thành phố có giá một dollar.

Đó là Sài Gòn trong mùa Hè 1963. Quân cảnh, những vóc người nhỏ có làn da màu ô liu dưới chiếc nón to, đứng canh cổng phi trường. Chuyến taxi đi vào thành phố có giá một dollar.

Đó là Sài Gòn trong mùa Xuân 1965. Quanh căn nhà trông có vẻ ngày một tàn hơn, công binh đã đổ bê tông hàng chục kilômét đường bay và khiến cho Airport Tân Sơn Nhứt của Sài Gòn trở thành cảng hàng không nhộn nhịp nhất của thế giới. Chuyến taxi đi vào thành phố có giá mười dollar.

Đó là Sài Gòn trong năm 1967, thủ đô của một nước mà trong lúc đầy cường quốc thế giới Hoa Kỳ đang bảo vệ nó với 400.000 người lính chống lại du kích quân đỏ.

Trong tháng 2 năm 1968, chuyến taxi đi vào thành phố không mất tiền – trong một chiếc xe buýt quân đội màu xanh giữa hai chiếc Jeep với nhóm ba người trên mỗi một chiếc xe, cạnh cây súng máy sẵn sàng bắn. Nhiều lắm là nó có giá một mạng sống.



Cảnh sát Quốc gia VNCH kiểm tra nam thanh niên Việt Nam trong Tết Mậu Thân.  
Ảnh: Vietnam Center and Archive số hiệu VA000435



Vì sau năm năm giao tranh nhỏ trong rừng rậm, chiến tranh cũng đã đi vào thủ đô, cảng hàng không và trung tâm thành phố nằm trong tầm bắn của du kích Việt Cộng, không một máy bay dân sự nào còn đáp xuống Tân Sơn Nhất từ gần hai tuần nay.

Thành phố ba triệu dân, tổng hành dinh cho nửa triệu lính của quyền lực quân sự hùng mạnh nhất thế giới, nằm trong tình trạng thiết quân luật. Sài Gòn 1968 giống như Budapest 1956 hay như Madrid 1937: một thành phố bị bao vây trong cơn hấp hối.

Rào cản bằng bao cát với lính canh sẵn sàng bắn dọc theo đường phố, Jeep với lính đội nón sắt và áo chống đạn (lúc nào cũng đi hai chiếc xe với nhau), nhà cửa đã cháy rụi, mồ chôn tập thể vừa mới được lấp lại, khói, tiếng súng bắn, mùi cháy và chết chóc, cửa chớp được hạ xuống ở các cửa hiệu, tất cả những người sống trong đó đã bỏ đi.

Vào ngày kế cuối của tháng 1, cuộc chiến đã đến quá bất chợt với thành phố của những người hưởng lợi từ chiến tranh. Ở phía sau là chùa Ấn Quang. Chỉ qua một đêm, một vài ngàn du kích quân đã quét phăng đi hòn đảo của kinh doanh và giải trí ở giữa một cuộc chiến tranh bắn thiu. Con buôn chợ đen và ma cô đã biến mất. Một lệnh giới nghiêm, cái lúc đầu có hiệu lực 24 giờ trong ngày và cho đến ngày hôm nay vẫn còn có hiệu lực trong một phần của thành phố từ hai giờ trưa cho tới tám giờ sáng, làm tê liệt mọi cuộc sống.

Sau bảy giờ tối chỉ còn được phép chết trong Sài Gòn: vì bắt đầu từ bảy giờ, đô thị này là cái mà trước đây hai tuần chỉ có những tinh hẻo lánh mới là – "free strike zone". Tất cả mọi thứ chuyển động đều sẽ bị bắn mà không được cảnh báo trước.

Thành phố bị cô lập, không còn rau cải đến từ đồng bằng sông Cửu Long nữa, không có trái cây từ Đà Lạt. Giá cả tăng vọt. Nằm trong Bru điện trung tâm là 4000 bức điện tín không giao được, trên đường phố là những đồng rác cao nửa mét.

Chính phủ đã ra lệnh đốt rác. Và vì than đá – chất đốt truyền thống của người Việt – khan hiếm nên người dân trong Sài Gòn thường hay nấu những bữa ăn đạm bạc của họ trên rác đang cháy.

Họ chờ đợi trận tấn công kế tiếp của Mặt trận Giải phóng và tránh không đến gần những người Mỹ bảo vệ họ – vì điều đó có thể chết người.

Người Mỹ đã tăng cường các biện pháp an ninh của họ. Trong Trung tâm Thông tin của Hoa Kỳ, trước cuộc "briefing" hàng ngày, các nhà báo bị kiểm tra hai lần – và được cung cấp thông tin.

Thông tin tất nhiên giống như không thuộc trên Trái Đất này: trong khi nước Mỹ có thể tiếp tục thất bại trong một trận đánh chỉ cách đây vài con đường hay rơi vào một cuộc chiến tranh nguyên tử cách đây vài trăm kilômét về phía Bắc ở căn cứ Khe Sanh đang bị bao vây, giới công khai của thế giới biết được từ cửa miệng của một vị tướng và một viên đại tá, rằng

- nhân viên nhà nước đã bán 160 tấn gạo theo giá chính thức ở tại bảy nơi trong thành phố ba triệu dân này,



- giờ giới nghiêm trong một phần ba vẫn đang còn bị đe dọa của thành phố được bắt đầu muộn hơn một giờ, chuyển từ 14 sang 15 giờ,
- cảnh sát người Việt đã tịch thu được hai súng chống tăng B-40 và một khẩu súng máy và
- lần đầu tiên kể từ ngày 29 tháng 1, lại có xe đi hốt rác – chính xác là 17 chiếc, ngày mai sẽ là 42, nếu như người ta tìm được đủ tài xế.

Trong số khoảng 60 câu hỏi của nhà báo có 50 câu không được trả lời. Không ai có thể – hay muốn – nói

- có bao nhiêu thường dân đã chết vì các cuộc giao tranh trong thành phố
- con số người chạy nạn là bao nhiêu
- khi nào thì các cơ quan nhà nước lại làm việc.

Bù vào đấy, người Mỹ biết rất chính xác, rằng cho tới nay Việt Cộng đã có 24 662 người chết trong cuộc tấn công này. Và khi họ đưa ra con số này, họ đã thừa nhận một mạch, rằng nói chung là vẫn hoàn toàn không có thông tin từ nhiều quận.

Nếu đã quen biết trò chơi với những con số của Chiến tranh Việt Nam, người ta có thể đọc được từ con số vũ khí thu được rằng số liệu về người chết của quân địch hoặc là cao gấp bốn lần hoặc là thường dân bị giết chết đã bị xếp vào hàng ngũ Việt Cộng sau khi tử nạn để cho bức tranh được tốt hơn.

Cùng với hoàng hôn, từ những cuộc chạm súng nhỏ trên đường phố lại trở thành chiến tranh. Trong khi một điều hâu Mỹ đang trình bày, rằng cuối cùng bây giờ người ta sẽ cho "gooks" biết mặt, thì cửa cái và cửa sổ đã bật ra dưới sức ép của bom.

Cũng như trong lúc sấm chớp, người ta có thể đếm bắt đầu từ tia chớp cho tới tiếng nổ để đo số kilômét. Nó là hai.

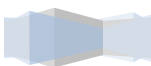
Lúc đầu ở phía Đông Nam, rồi trong Tây Bắc thủ đô, những đám cháy trên diện rộng bùng lên, bị át đi bởi những quả cầu chiếu sáng khổng lồ mà máy bay Mỹ ném liên tục từ trên trời xuống, ở giữa đấy là những dấu vết của súng đại bác.

Vào sáng ngày hôm sau Sài Gòn có thêm một vài ngàn người Sài Gòn vô gia cư nữa.

Xe tải quân đội mang quan tài đến cho những người lính đã chết, thường dân chết được thân quyến quấn vào trong chiếu và chở đi trên xe xích lô. Một chiếc xe ủi đẩy Việt Cộng chết và những xác chết không ai quan tâm đến vào trong một mồ chôn tập thể mới.

*Phan Ba dịch từ*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46135626.html>



## Nấp sau những bồn hoa

### Cuộc tấn công của Việt Cộng vào Đại sứ quán Hoa Kỳ trong Sài Gòn

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 07 năm 1968 (12/02/1968)*

"Đại sứ quán bị đánh chiếm", báo chí Đức đăng tải sau cuộc tấn công của Việt Cộng vào Tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Bài tường thuật sau đây của tờ tạp chí Mỹ "Newsweek" cho thấy: tòa nhà giống như một pháo đài đã đứng vững trước cuộc tấn công, Việt Cộng chỉ vào được đến khu vườn.



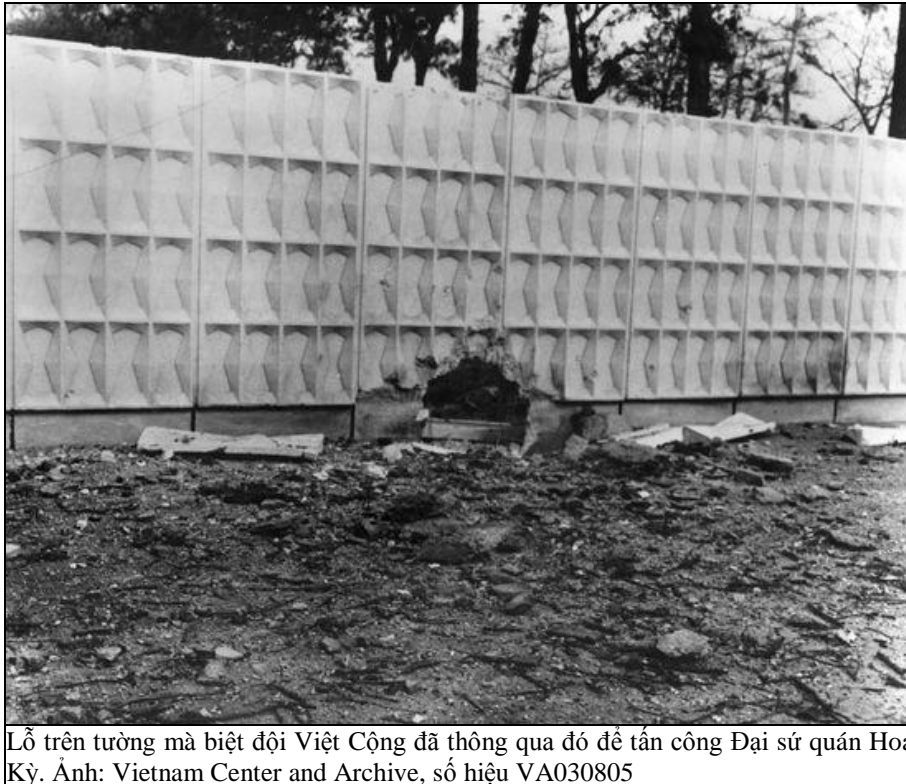
Đại sứ quán Hoa Kỳ bị hư hại vì súng cối và hỏa tiễn, ngày 31 tháng 1 năm 1968.  
Ảnh: Vietnam Center and Archive, ký hiệu VA030803

Lúc đây đã khuya, trong đêm đầu tiên của năm mới Phật giáo, Tết. Ba triệu người dân Sài Gòn phần lớn đã ngủ say – kiệt sức vì ngày lễ này, ngày mà họ đã ăn mừng với mực, mía và không biết là bao nhiêu chai bia "La Rue".

Trên đại lộ Thống Nhất rộng và được chiếu sáng, người đàn ông gầy gò mang tên Nguyen Van Muoi lái chiếc limousine Citroën màu đen của mình chạy chậm chậm ngang qua một tòa nhà màu trắng. Trên ghế sau – như một vật mang lại may mắn – là một thanh kiếm Samurai được trang trí rất nghệ thuật.

Lúc gần ba giờ sáng, Muoi tiến đến gần tòa nhà màu trắng đó thêm một lần nữa. Ông ấy nhìn đồng hồ và rồi gọi to ra cửa sổ của chiếc xe: "Tiến lên!" Theo tín hiệu đấy, 19 người Việt Cộng trẻ tuổi – tất cả đều thuộc tiểu đoàn tinh nhuệ C-10 – lao ra từ những nơi ẩn nấp của họ và chạy dọc theo con đường đến Đại sứ quán của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Hai quân cảnh Mỹ đứng canh gác tại một lối vào phụ bị giết chết ngay lập tức khi cuộc tập kích bắt đầu. Đồng thời, những người tấn công dùng một súng chống tăng 89 milimét để bắn thủng một lỗ to trong bức tường bằng bê tông-sắt bao bọc quanh khu đất của Đại sứ quán và chui qua đấy.



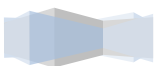
Lỗ trên tường mà biệt đội Việt Cộng đã thông qua đó để tấn công Đại sứ quán Hoa Kỳ. Ảnh: Vietnam Center and Archive, số hiệu VA030805

Sau khi đội tiên phong xâm nhập vào trong khu vườn giống như một công viên của Đại sứ quán, họ phá ổ khóa của cổng phụ trên đường Mạc Đình Chi để cho các chiến hữu của họ vào. Rồi toàn bộ nhóm người được trang bị nhiều vũ khí, một phần trong bộ pyjama đen của nông dân với băng đô, một phần mặc quần áo màu xanh lá cây, tỏa ra trong khu đất Đại sứ quán rộng 16.000 mét vuông. Chỉ trong vòng vài giây, từng người một đã bò đến vị trí đã định trước của mình, như đã học thuộc trong nhiều tháng luyện tập bí mật.

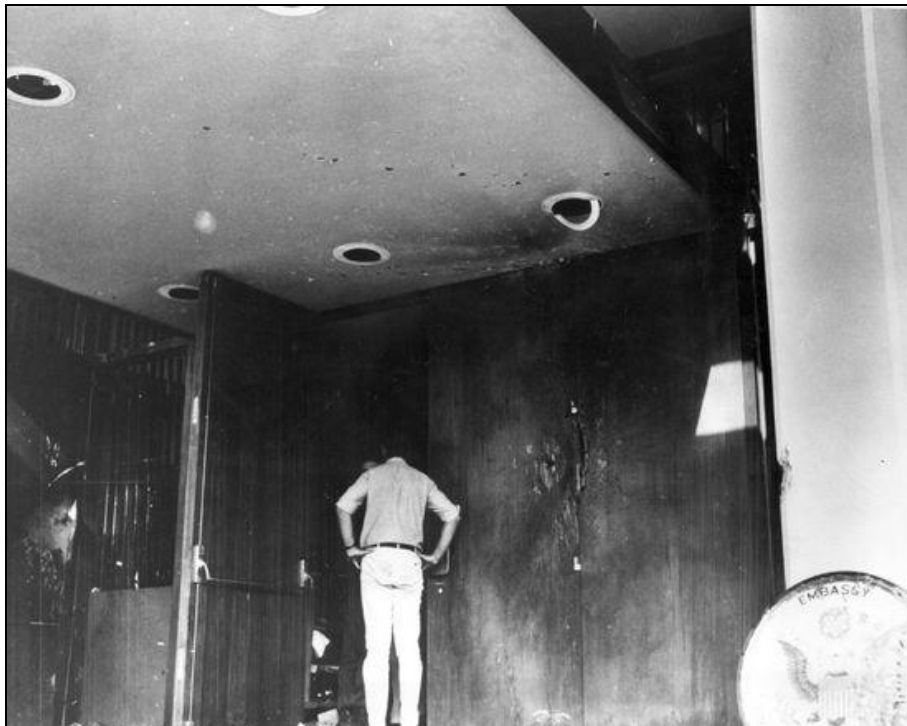
Trong tầng bốn của tòa nhà chính có sáu nhân viên dân sự Mỹ trong các gian phòng truyền tin và mã hóa; qua điện thoại họ báo tin tòa đại sứ bị bao vây. Ngay sau đó, đường dây điện thoại bị cắt đứt.

Trong tầng trệt, hai người lính canh chạy trên sàn nhà bằng đá hoa cương của gian tiền sảnh được chiếu sáng rực đến cánh cửa nặng nề bằng gỗ tếch của cửa chính. "Tiếng nổ vang khắp xung quanh tôi", trung sĩ Ronald W. Harper, 20 tuổi, nhớ lại.

"Tôi nghĩ Việt Cộng sẽ lao vào trong giây lát. Tôi đóng cửa lại. Ngay trong khoảng khắc đó, một quả đạn trúng vào cửa sổ và cửa cái. Nó làm cho chiến hữu tôi bị thương ở tay, mặt và chân và hất tôi ngã xuống đất."



Bắn bằng súng chống tăng B-40, những người khủng bố bắn thủng cánh cửa gỗ nặng thêm một lần thứ nhì, nhưng không thể phá vỡ nó được. Vì Tòa đại sứ trong Sài Gòn được xây dựng như một pháo đài.



Cửa chính vào Đại sứ quán Hoa Kỳ, ngày 31 tháng 1 năm 1968. Ảnh: Vietnam Center and Archive, số hiệu VA030825

Tòa nhà được bảo vệ bởi những tấm che nắng terracotta dày, những cái cũng được dùng như tấm chắn chống áp lực nổ. Cửa sổ được làm từ kính an toàn. Chẳng bao lâu sau đó, phe tấn công phải nhận ra rằng họ không thể vượt qua các công sự của tòa nhà này được. Đạn của họ chỉ phá vỡ từng miếng to sắc nhọn ra khỏi lưới bảo vệ và làm rơi biểu tượng quốc gia tròn và lớn từ trên lối vào đại sứ quán xuống.

Chưa đầy 20 phút sau khi cuộc tấn công bắt đầu, một "nhóm phản công" gồm sáu người của tiểu đoàn cảnh sát 716 xuất hiện trước Tòa đại sứ. Đạn của Việt Cộng bắt buộc họ phải tìm nơi ẩn nấp ở rãnh nước. Hai quân cảnh khác, đến trên một chiếc xe Jeep lao quanh góc đường với lốp xe kêu rít lên, chạy ngay vào giữa làn đạn bắn chéo cánh sẻ và bị giết chết. Bắt đầu từ đây qua suốt cả đêm, những người Việt Cộng nấp bắn từ sau những cột to hay sau những bồn hoa khổng lồ quanh Đại sứ quán.

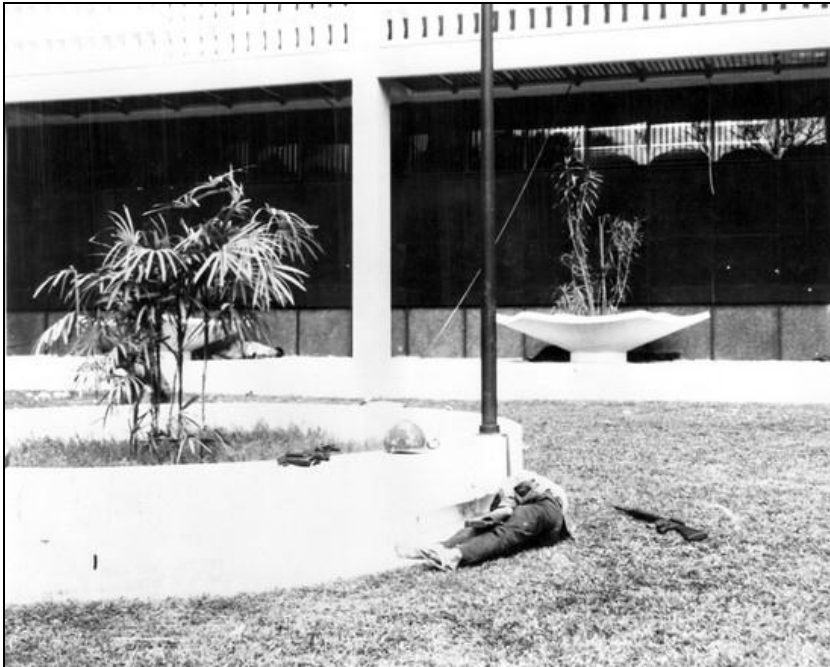
Vào lúc trời rạng sáng, thiếu tá Hillel Schwartz, 39 tuổi, một sĩ quan to khỏe, người mới vừa sang đóng quân ở Việt Nam, nhận lệnh tác chiến qua máy vô tuyến. Ông ấy phải chỉ huy cuộc tấn công bằng trực thăng đầu tiên của ông ấy trong cuộc chiến này – chống lại chính tòa Đại sứ quán của mình.

28

Các chiếc trực thăng Huey mà Schwartz với hai trung đội "Đại bàng thét" (lính dù của sư đoàn 101) ngồi trong đó đã bay đến chỉ còn cách bãi đáp trực thăng trên nóc nhà sứ quán vài mét. Họ bị những loạt đạn của Việt Cộng đuổi đi hai lần.

Cuối cùng, vài phút trước bảy giờ sáng, nhóm quân cảnh nhỏ trước Đại sứ quán xung phong vào giữa làn đạn của quân địch.

Trong khi trận chiến vẫn còn đang diễn ra, thông tin viên "Newsweek" John Donnelly lên đường đi xuyên qua các con đường đang có đánh nhau ác liệt của Sài Gòn để đến Đại sứ quán.



Một người Việt Cộng chết trong Đại sứ quán Hoa Kỳ ngày 31 tháng 1 năm 1968. Ảnh: Vietnam Center and Archive, số hiệu VA030813

trên bãi cỏ, lính quân cảnh bắn vào các cửa sổ ở dưới của căn nhà. Không thể xác định được tên Việt Cộng đang nấp ở đâu, nhưng thỉnh thoảng hắn bắn một loạt đạn, và tất cả đều nằm rạp xuống đất.

"Cuối cùng, một sĩ quan an ninh của Đại sứ quán ném lên cho đại tá Jacobson ở trên tầng hai của căn nhà một khẩu súng ngắn và nhiều quả lựu đạn cay. Hơi cay đẩy người Việt Cộng chạy lên cầu thang đến chỗ của Jacobson. Người du kích nhắm bắn viên đại tá ba lần, nhưng không trúng. Thế rồi Jacobson ngắm bắn với khẩu súng ngắn của mình (cỡ 45) và giết chết người đấy."

Sáu giờ sau khi cuộc tấn công của Việt Cộng bắt đầu, khu đất của Đại sứ quán Hoa Kỳ lại được giật ra khỏi tầm kiểm soát của quân Đỏ. Trong trận chiến, có năm lính Mỹ tử trận, tất cả 19 Việt Cộng đều bị giết chết.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 07/1968*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46135627.html>

"Khi tôi đến khu đất của Đại sứ quán, Việt Cộng chết nằm rải rác trên cỏ được cắt xén cẩn thận và trên sỏi cạnh những bồn hoa. Máu của họ chậm chạp thấm vào đất. Tất cả họ đều được trang bị bằng súng AK-47 và có ít nhất là ba khẩu chống tăng B-40.

"Quân cảnh đã đẩy một người Việt Cộng vào một ngôi biệt thự hai tầng màu trắng trong phần phía sau của khu đất, nơi đại tá George Jacobson cư ngụ. Ngôi sau những bồn hoa



## Cố gắng cuối cùng

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 08 / 1968 (19/02/1968)*

Có lẽ họ đã từng là một gia đình, cũng như những đồng đồ nát quanh họ đã từng là một thành phố. Cả hai, gia đình đây và thành phố Huế của họ, bây giờ là những phần còn lại, không biết rằng mình có sống sót hay không.

Trên lối đi bằng những tấm ván dễ gãy, bắt ngang qua đồng lộn xộn bằng thép đậy, cái đã từng là một cây cầu và bây giờ nằm trong dòng sông, có hai người già đang bò qua, đầy máu từ trên đầu xuống tới thắt lưng, bám chặt vào nhau và được một thiếu niên chống đỡ. Phía sau họ là một người đàn ông trẻ tuổi, không bị thương. Ông ấy mang theo một đứa bé gái, có lẽ là sáu tuổi và đã chết.

Họ chỉ là một gia đình trong số hàng ngàn gia đình, những người chịu đựng hay chết với thành phố của họ, nơi ngự trị xưa cũ của các hoàng đế ở miền Trung.



Người tỵ nạn chạy trốn khỏi khu vực do người Cộng Sản kiểm soát. Ảnh: Vietnam Center and Archive số hiệu VA001674

Có 3000 người trong thường dân trên toàn Việt Nam (ngoài Sài Gòn) là nạn nhân, chính phủ Sài Gòn tuyên bố như thế trong cùng ngày, của cuộc tấn công vào đầu năm của Việt Cộng – chỉ là một con số ao ước cũng như nhiều con số khác: người Mỹ ở Sài Gòn bí mật ước lượng con số nạn nhân trong thường dân là 21.000, và ít nhất là 3000 chỉ riêng ở Huế.

Nhưng có lẽ thành phố này không được Sài Gòn kể tới, mặc dù nó là thành phố lớn thứ ba của đất nước: vì Huế, thành phố của vinh quang và tinh thần của Việt Nam, nơi chủ tịch nước Hồ

Chí Minh và thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng đi đến trường, cũng là trung tâm của giới trẻ nổi loạn của nó.

Trước đây hơn 150 năm, hoàng đế Gia Long đã lần đầu tiên cai trị một nước Việt Nam thống nhất từ Huế. Từ đây, thành phố giữa dòng sông Hương và núi Ngự Bình, luôn là một biểu tượng của đất nước này.

Kháng chiến chống các ông chủ thực dân Pháp cũng đã lớn lên ở Huế – và thành phố đã bị trừng phạt trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất.

Ở Huế, Phật tử và giới trí thức đã nổi dậy chống lại viên Tư lệnh Không quân Kỳ nghe theo người Mỹ và đã phóng hỏa đốt Tổng lãnh sự quán Mỹ. Đó là một cố gắng cuối cùng, xuất phát từ thành phố cổ xưa – cái nằm giữa Sài Gòn và Hà Nội không chỉ về mặt địa lý – để tạo nên một quyền lực thứ ba, quốc gia, giữa những người Cộng Sản và những người tham nhũng.

Cố gắng này đã thất bại, và kể từ đây, người dân Huế chống người Mỹ nhiều hơn là chống người Cộng Sản. Vì thế mà quân Đỏ và quân du kích, mạnh đến ba trung đoàn, đã có thể chiếm được thành phố này như là mục tiêu chính của cuộc tấn công vào dịp Tết của họ mà không cần phải chiến đấu.



Hoàng Thành 1968. Ảnh: Vietnam Center and Archive số hiệu VA009586

Họ đã chọn Huế để làm thành trì của họ. Khi trong các thành phố bị tấn công khác chỉ còn lại thiện xạ đồ và những nhóm phá hoại, thì lá cờ Cộng Sản vẫn còn bay trên đỉnh thụ của hoàng đế trong Đại Nội.

Lính bộ binh, nhảy dù và biệt động quân Nam Việt không thể làm được việc mà các viên tướng của họ ra lệnh: chiếm lại Huế, nhanh chóng. Lính cổ da Mỹ đánh cận chiến chiếm ngoại ô ở phía nam của con sông, nhưng thất bại vì những bức tường dày gần bốn mét của Hoàng Thành.

Đó chính là bản án tử hình cho thành phố. Nó đã chảy máu trước đây từ nhiều vết thương rồi. Trường Đại học và bệnh viện tâm thần được xây dựng với sự giúp đỡ của [Tây] Đức bị tàn phá, chợ thành tro, và trong những đồng cỏ nát giữa các chiến tuyến có hàng trăm người chết, không có nước, không có thức ăn, không có trợ giúp y tế. (Các bác sĩ Đức của bệnh viện đã lọt vào tay của Việt Cộng và phải chăm sóc cho thương

binh của quân Đỏ.)

30.000 người chạy trốn, chạy bộ vào các ngôi làng và đồi núi quanh thành phố, trên thuyền xuôi theo sông, hay họ trốn vào trong những đồng cỏ nát của vùng ngoại ô. Nhưng trụ lại

trong trung tâm thành phố, được tăng cường bởi sinh viên và phật tử, là những người lính đỏ và du kích quân dưới quyền chỉ huy của một viên tướng từ Hà Nội.

Nhưng thủ đô bí mật của đất nước không được phép cứ nằm trong tay của kẻ địch. Tổng tư lệnh Hoa Kỳ Tướng Westmoreland gửi Tổng tham mưu của ông ấy, Tướng Abrams, đến Huế. Lần đầu tiên kể từ Tướng MacArthur huyền thoại của Chiến tranh Thái Bình Dương và Chiến tranh Triều Tiên, một viên tướng bộ binh tiếp nhận quyền chỉ huy Thủy Quân Lục Chiến.

Abrams quyết định: nếu như không chiếm lại được Huế thì cần phải phá hủy nó.

Biên tập viên SPIEGEL Siegfried Kogelfranz nhìn thấy người Mỹ bắt đầu thi hành bản án tử hình cho Huế như thế nào. Vào thứ tư vừa rồi, vào lúc 12 giờ 14 – ngày thứ 16 của trận đánh – những chiếc máy bay phản lực F-8 Crusader đầu tiên của Thủy Quân Lục Chiến đã từ hướng núi Ngự Bình, cái bảo vệ thành phố Huế trước những ngọn gió Nam bão tố, sà xuống các mái nhà của Đại Nội. Cầu lửa sẫm màu lóe sáng lên và rồi tạo thành những chiếc nấm bằng khói có màu đen.

Skyraider của Không quân Nam Việt Nam cố phá vỡ bức tường của Hoàng Thành bằng bom nổ, máy bay trực thăng gunship bắn hỏa tiễn và lựu đạn cay, chiến hạm Mỹ thả neo trước bờ biển và khai hỏa những khẩu đại bác 152 milimét của họ. Đó là trận oanh kích phối hợp hải lục không quân lớn nhất xuống một thành phố Nam Việt Nam.

Nhưng chỉ có thêm những người tỵ nạn và bị thương vượt qua sông – lúc nào cũng thế ở Việt Nam, trẻ em, phụ nữ, người già.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 08/1968*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46122812.html>



## Giết chết lòng nhân đạo

Phan Ba dịch từ tuần báo Die Zeit số 15 / 1968 (12/04/1968)



Bộ trưởng Bộ Giáo dục VNCH Tăng Kim Đông gắn huân chương lên quan tài của bốn bác sĩ người Đức bị giết chết ở Huế trong thời gian của cuộc tổng tấn công. Ảnh: The Vietnam Center and Archive số hiệuVA003072

*Ba bác sĩ Đức và người nữ bác sĩ, những người đã công tác nhiều năm trời ở Huế - họ đã chết. Họ đã bị Việt Cộng giết chết, được tìm thấy trong một ngôi mộ tập thể. Lời cáo phó sau đây là do Tiến sĩ H. C. Nonnemann viết, bác sĩ trưởng đầu tiên của tàu "Helgoland". Một tường thuật về công việc của ông ấy ở Việt Nam đã được xuất bản dưới tựa "Chúng tôi không hỏi họ từ đâu đến / Bác sĩ ở Việt Nam" của nhà xuất bản Hoffmann & Campe.*

Giữa tháng 3 năm 1966, tôi đáp xuống phi trường nhỏ bé ở Huế lần đầu tiên với một phần của phái đoàn chính phủ Đức. Chúng tôi muốn đến thăm các bác sĩ Đức đang giúp xây dựng Khoa Y tại trường Đại học ở đó. Từ căn nhà của phi trường mà hình dạng của nó trông hơi giống một ngôi nhà nông dân vùng Brandenburg, Giáo sư Krainick, bác sĩ nhi khoa, và Tiến sĩ Discher, bác sĩ nội khoa, bước đến phía chúng tôi.

Đối với chúng tôi thời đấy, những người mới đến Việt Nam, chuyến đi Huế trong một chiếc DC-6 của Air Vietnam dường như là nguy hiểm. Nhưng những người Đức ở Huế khẳng định với chúng tôi rằng họ có cảm giác an toàn như trong lòng của Abraham. Tuy vậy, đêm nào Tiến sĩ Discher cũng đều đưa chúng tôi trở về khách sạn trên chiếc xe Volkswagen cũ kỹ của ông ấy, khách sạn mà thật ra chỉ đi bộ vài phút là đến. Chúng tôi an toàn hơn trong chiếc ô tô của ông ấy, ông ấy thuyết phục chúng tôi: vì không ai biết chúng tôi cả, nhưng mọi người đều biết ông ấy và chiếc xe VW của ông ấy.

Lúc đó, Giáo sư Krainick và Tiến sĩ Discher cố tranh cãi cho bằng được, để có thể tiếp tục công việc của họ ở Huế. Năm năm trời, họ đã vượt qua được những khó khăn không thể tưởng tượng được, những cái đi cùng với công cuộc xây dựng khoa – ví dụ như Tiến sĩ Discher đã phải cần đến hơn một năm mới có được đường ống nước máy dẫn vào đến ngôi nhà của bệnh viện do ông chăm sóc. Nhưng những cuộc đấu tranh với các công sở ở Bonn và Sài Gòn còn khiến cho người ta kiệt sức nhiều hơn nữa. Có thời mà các bác sĩ Đức ở Huế còn chẳng biết được ai sẽ trả lương cho họ – và nói chung là liệu có hay không nữa. Chính phủ Nam Việt Nam, lúc nào cũng nghi ngờ Huế, đặc biệt là các Phật tử và sinh viên của nó, trong trường hợp tốt nhất thì biểu lộ sự lãnh đạm nghi ngờ; họ thỉnh thoảng phong tỏa các phương

tiện cần thiết và sự giúp đỡ. Và nước Cộng hòa Liên bang [Đức] có lúc không hề quan tâm đến các bác sĩ Đức.

Vì thế mà họ cố gắng dai dẳng và kiên quyết: không phải cho Bonn và không phải cho Sài Gòn, mà là vì họ đã nhận sự đau khổ của nhân dân Việt Nam làm việc của chính họ; vì trong đất nước này, một bác sĩ đứng đối diện với mười lăm ngàn tới hai mươi ngàn người dân; vì chỉ việc đào tạo bác sĩ Việt Nam về lâu dài mới cải thiện được sự chăm lo y tế cho người dân. Họ ở lại, ngay khi các khó khăn thường trông có vẻ như không thể vượt qua được. Hàng ngày, hàng tuần, họ bắt đầu lại từ đầu. Bệnh nhân và sinh viên của họ cảm ơn họ.

Rồi khi tôi trở lại Việt Nam trong tháng 9 năm 1966 với chiếc tàu bệnh viện Đức "Helgoland", một sự cộng tác thân thiện đã tự phát xuất hiện, đặc biệt là với Tiến sĩ Discher, trong phạm vi mà các khả năng thông tin ít ỏi trong đất nước này nói chung là cho phép. Tôi thường cần một lời khuyên từ những người bác sĩ có nhiều kinh nghiệm ở Việt Nam này và đã học được ở họ những điều gì đấy. Đầu năm 1967, Tiến sĩ Alteköster cũng đến Việt Nam và làm việc ở Huế.

Tôi gặp Tiến sĩ Discher lần cuối cùng trong tháng 6 năm 1967. Trên sân hiên đã được mô tả nhiều của khách sạn Continental ở Sài Gòn, chúng tôi đã lập kế hoạch để có thể đánh lừa được sự quan liêu và tiếp tục xây dựng Khoa Y ở Huế mặc cho tất cả các thất bại gây nản lòng. "Anh chắc cũng giống như tôi", Tiến sĩ Discher nói. "Một ngày nào đó, người ta nhận ra rằng mình yêu đất nước độc nhất vô nhị này và dân tộc này và gắn bó với nó."

Thời điểm rời Việt Nam của riêng tôi tiến đến gần. Trong tiệc cưới của một đồng nghiệp, ở trên sân thượng của khách sạn Caravelle, tôi đứng với Tiến sĩ Alteköster ở cạnh lan can. Từ đây, người ta nhìn ra xa khắp Sài Gòn và tỉnh Gia Định. Hỏa châu lơ lửng ở chân trời, những cái mà "spooky" – chiếc máy bay tuần tra về đêm – ném xuống thành hàng dài. "Tôi còn ở lại", Tiến sĩ Alteköster nói.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 1968, các bác sĩ Đức ở Huế mất tích; làn sóng tấn công của Mặt Trận Dân tộc Giải phóng đã tràn qua họ. Trong lúc đấy, người bác sĩ thứ tư từ Huế, bác sĩ Wulff, đã trở về châu Âu từ đầu tháng 12, đang diễn thuyết ở Đức dưới lá cờ của Việt Cộng.

Nhưng không một ai, người đã quen biết với hoàn cảnh ở đây, lại không muốn tin rằng những người mất tích chẳng bao lâu nữa sẽ xuất hiện. Họ đã sống nhiều năm trời vì người Việt kia mà? Tuần nào họ cũng chăm sóc các trạm xá trong vùng được gọi là vùng Việt Cộng kia mà? Tất cả chúng tôi đều tin rằng họ đang chăm sóc cho những người bị thương ở đâu đấy trong rừng. Đối diện với sự thật, rằng chỉ có ba bác sĩ cho vô số những người bị thương trong thành phố Huế đã bị phá hủy, là một ý tưởng khiến cho người ta lo lắng nhưng tuy vậy vẫn có thể hiểu được.

Mãi đến ngày 3 tháng 4, tin tức mới về đến Đức, rằng Giáo sư Krainick và vợ của ông, Tiến sĩ Discher và Tiến sĩ Alteköster đã được tìm thấy trong một ngôi mộ tập thể ở gần Huế, bị quân đội của Mặt trận Dân tộc Giải phóng giết chết; tức là quân đội của phong trào đấy, cái đối với nhiều người là một đại diện hợp pháp của một dân tộc mà những người bác sĩ này đã sống và làm việc cho họ nhiều năm trời.

Giới chính thức ở Bonn sững sốt và đầu tiên là có một sự tự phát: bào chữa cho chính mình. Các bác sĩ đầy đã được gọi về trước đây nhiều tháng rồi, và chỉ ở lại đây vì họ đã tự xin phép và theo quyết định riêng của họ. Người ta sẽ lo liệu cho tất cả, các thi thể và gia quyến. Người ta đang suy nghĩ, liệu sự giúp đỡ về người ở Việt Nam có thể được thay thế bằng sự giúp đỡ thuần túy về vật chất hay không.

Mỗi người sống trong thế giới của mình như thế đó. Thay thế lòng nhân đạo bằng vật chất? Những con người đầy, những con người đã không được bên nào của cuộc chiến tranh này khoan dung, đưa tiền thay vì bác sĩ?

Trong thế giới của ba người bác sĩ Đức ở Huế, cuộc sống và cái chết của họ cho thấy chỉ một điều là có ý nghĩa: tiếp tục mang ngọn đuốc đi, ở nơi mà nó đã trượt khỏi họ, tiếp tục công việc cho những người khốn cùng của thế giới này, ở nơi mà họ đã phải từ bỏ.

Trong thời mà hàng trăm ngàn người trên đường phố của châu Âu và châu Mỹ làm cho khái niệm Việt Nam ở thành câu khẩu hiệu, và biểu tình cho sự cải mới con người, ba người bác sĩ đó đã hoạt động cho tình người nhiều tới mức cây kim của chiếc cân ngã sang phía họ rất xa. Tất cả những cuộc biểu tình đó đã giữ được bao nhiêu mạng người? Mỗi một người trong số ba người bác sĩ này đã có thể giữ được bao nhiêu?

Đứng lên trên tất cả những tiếng hô Hồ Chí Minh bây giờ là tên họ của ba người bác sĩ bị giết chết và của một người phụ nữ: Elisabetha và Horst Günter Krainick, Raimund Discher và Alois Alteköster. Tên của họ đứng ở cạnh tên của Albert Schweitzer.

*Phan Ba dịch từ*

<http://www.zeit.de/1968/15/mord-an-der-menschlichkeit>



## Hai chiếc xe tăng trên nóc hầm

### Lần đánh chiếm căn cứ Lang Vei của Mỹ

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 8 / 1968 (19/02/1968)*

Trong Khe Sanh bị bao vây, một nhà báo của tạp chí "Newsweek" đã phỏng vấn những người sống sót từ tiền đồn Lang Vei của Mỹ, đã bị người Cộng sản tràn ngập vào ngày 7 tháng 2. Từ những tường thuật của nhân chứng, ông ấy tái tạo lại lần chiếm đoạt tiền đồn mà người Cộng sản lần đầu tiên đã sử dụng xe tăng trong lúc đấy:

Thất thủ Lang Vei [Làng Vây] là một sự bất ngờ tàn bạo. Trại đóng quân nhỏ của Special Forces, sáu kilômét về phía Tây Bắc của căn cứ Khe Sanh, đã lâm vào cảnh nguy hiểm chết người vào cuối tháng vừa rồi, khi vào khoảng 40.000 người Bắc Việt tiến quân bao xung quanh Khe Sanh. Tuy là lực lượng ở làng Vei – 22 Green Beret và khoảng 400 lính tình nguyện Nam Việt – có công sự bảo vệ chống những cuộc tập kích của Việt Cộng. Nhưng trại đóng quân bé tí đấy không có đủ trang bị để chống lại những cuộc tấn công tập trung lớn.

Vì Lang Vei trước hết là một điểm xuất phát cho những nhóm trinh sát sang Lào và đến đường mòn Hồ Chí Minh cũng như cho những cuộc tấn công du kích bí mật sang Bắc Việt Nam.

Trước những người Bắc Việt đang tiến đến, hàng ngàn dân thường đã chạy trốn về Lang Vei. Lang Vei phải được bảo vệ, và mặc dù yếu thế hơn về số lượng, người Mỹ tin rằng có thể giữ được trại đóng quân đấy. Họ đặt hy vọng của họ "lên những chiếc máy bay ném bom ở Đà Nẵng và các khẩu trọng pháo của Thủy Quân Lục Chiến ở Khe Sanh".

Thế nhưng người Bắc Việt không đến với một lượng lớn bộ binh như người ta đã chờ đợi, họ đến với xe tăng – một loại vũ khí mà họ chưa từng sử dụng trước đây ở Nam Việt Nam.

Khi những người bảo vệ Lang Vei nghe được tiếng động ầm ầm sau nửa đêm, lúc đầu có vài người tin rằng tiếng động đó là do một cái máy phát điện đã hỏng gây ra. Rồi họ nhận ra nguyên do thật sự: mười chiếc xe tăng, được nguy trang bằng cành cây và cây tre, lăn đến những hàng rào kẽm gai của trại.

Rằng xe tăng Bắc Việt đã xuống qua đường mòn Hồ Chí Minh, việc đấy đã được tường thuật trước đây ít lâu. Nhưng bây giờ chúng xuất hiện trước căn cứ bị bao vây đấy bất ngờ cho tới mức "chúng tôi không muốn tin vào mắt mình nữa" – như trung sĩ Nick Fragos nói, một trong số những người sống sót từ Lang Vei.

Đó là những chiếc xe tăng Xô viết hiện đại loại PT-76, xe lội nước hạng nhẹ với một khẩu pháo 76 milimét. Vỏ giáp của những xe này mỏng, và một hạ sĩ quan của Special Forces đã có thể loại ra khỏi vòng chiến đấu hai chiếc tăng với một khẩu súng chống tăng 106 milimét. (Ít nhất là năm chiếc nữa sau đấy đã bị pháo binh Mỹ và không quân phá hủy.)

Nhưng những chiếc khác đã xuyên qua được hàng rào kẽm gai; đèn pha trên tháp tăng tìm kiếm mục tiêu. Vì những người bảo vệ Lang Vei thua kém về hỏa lực nên họ không thể ngăn chặn được cuộc tấn công.

Một vài người bảo vệ Lang Vei nhảy lên xe tăng, để tiêu diệt nó với lựu đạn. Nhưng những con quái vật bằng thép đẩy cứ mở đường tiến lên mà không thể nào ngăn lại được. Fin Amerikaner gọi qua vô tuyến về Khe Sanh: "Có hai chiếc tăng nằm trên công sự của tôi." Rồi vô tuyến im bật.

Trong những giờ dài đằng đằng kế tiếp theo sau đó, nhóm Green Beret và những người đồng minh châu Á của họ đã tuyệt vọng chiến đấu dưới lòng đất để sống còn. Trung sĩ Nick Fragos và Emmanuel Phillips cũng như sáu người Mỹ khác rút lui cùng với một vài người Nam Việt vào trong công sự chỉ huy. Một chiếc xe tăng lăn lên nóc của công sự, thể như mái công sự dày hai mét bằng đất, thép và bê tông vẫn chịu được.

Bộ binh địch – một vài người trong số họ đã theo xe tăng thâm nhập vào trong trại – ném lựu đạn, chất nổ và hơi cay vào trong hố thông hơi của công sự. Chiến thuật này cũng không thành công.

Cuối cùng, sau khoảng hai giờ, những người Nam Việt Nam bỏ cuộc. Họ xung phong ra ngoài và được chào đón bằng đạn súng máy. Rồi một trong số những người lính đối phương gọi to bằng tiếng Anh vào trong công sự: "Chúng mày còn ở trong đó không?" – "Có, tao ở đây này", Fragos đáp trả. "Mày còn vũ khí không?" – "Mày còn đạn không?" – "Còn đủ cho mày."

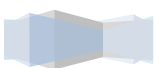
Hạ sĩ Phillips nhớ lại sau này, rằng để trả lời, người Bắc Việt đã ném cả hai kiện thuốc nổ lớn nhất của họ vào hố thông hơi: "Tí nữa thì họ đã cho nổ tung được nó." Sáu người Mỹ bị thương, họ giả vờ chết. Lúc đấy, máy bay tiêm kích Mỹ bay tấn công trên trại. Chúng phá hủy một vài chiếc tăng và với những cú bay thấp bắt quân địch phải tìm nơi ẩn nấp. Người Mỹ lợi dụng cơ hội đó để tháo chạy.

Họ bò dậy, lão đảo bước lên cầu thang và lê bước ra đến một cái trảng ở gần đó trong rừng. Một trong số tám người không đến được tới trảng. Những người khác chẳng bao lâu sau đó được máy bay trực thăng chở về đến Khe Sanh.

Theo thông tin của người Mỹ, tổng cộng có 170 người bảo vệ Lang Vei, kể cả 14 người Mỹ, về đến căn cứ Khe Sanh. Đi theo họ là một đoàn người hỗn tạp bao gồm gần 6000 người chạy tỵ nạn từ vùng Lang Vei: lính Lào, những người thuộc các bộ lạc ở trên núi, tình nguyện quân Nam Việt Nam và thường dân.

Khi những hình dáng đáng sợ đó loạng choạng về được đến Khe Sanh, chỉ huy căn cứ đại tá David Lownds vào lúc ban đầu đã không cho những người chạy nạn vào trại. Thay vì vậy, ông ấy tịch thu vũ khí của họ và chỉ định cho họ một khu đất không được bảo vệ ở ngoài vòng rào kẽm gai. Điều đấy nhìn bề ngoài trông có vẻ nhẫn tâm, nhưng có những lý do chính đáng: có thể có gián điệp của quân địch trà trộn vào trong số những người tỵ nạn. Cuối cùng, lực lượng Green Beret kiểm tra những người tỵ nạn. Những người Việt Nam đáng tin cậy được máy bay chở về nơi an toàn.

Làng Vei không quan trọng trong việc bảo vệ Khe Sanh, mặc dù nó là một tiền đồn quý giá ở gần những con đường thâm nhập của Cộng Sản. Nhưng việc sử dụng xe tăng có tác động như



một điều xấu – mặc dù các sĩ quan Mỹ tin rằng hành quân với xe tăng trên địa hình lờm chờm của Khe Sanh là rất khó khăn.

Nhưng gây bất an nhiều nhất là sự kiện, rằng người ta đã không bỏ hay tăng cường lực lượng kịp thời cho trại đóng quân nhỏ đầy người tỵ nạn đấy. "Chúng tôi tin là chúng tôi có thể giữ được nó", một sĩ quan Mỹ giải thích vắn tắt. Đúng hay không đúng: sự kiện, rằng quân đội Mỹ phải bỏ Lang Vei, đã đánh thức nỗi nghi ngại về khả năng giữ Khe Sanh của người Mỹ.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 08 / 1968*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46122811.html>

## Một Verdun ở Việt Nam

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 09 / 1968 (26/02/1968)*

### SPIEGEL phỏng vấn nhà chiến lược của Điện Biên Phủ, tướng Cogny, về Khe Sanh

Tướng Rene Cogny, 1953/54 là chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Việt Nam, đã lập kế hoạch cho cuộc phòng thủ pháo đài Điện Biên Phủ trong rừng rậm. Pháo đài bị Việt Minh Cộng Sản tràn ngập sau 169 ngày. Tướng dưới quyền Cogny, de Castries, đầu hàng.

SPIEGEL: Thưa ông, một chỉ huy người Pháp, người đã thua trận ở Điện Biên Phủ năm 1954, người đây có thể tin rằng người Mỹ sẽ thắng trận ở Khe Sanh năm 1968 không?

COGNY: Tôi tin chắc rằng người Mỹ ở Khe Sanh có thể chiến thắng, họ mạnh hơn chúng tôi ở Điện Biên Phủ tới mức không thể so sánh được. Chúng tôi không có lực lượng không quân có thể hủy diệt tất cả đây, chúng tôi còn chẳng có trực thăng nữa.

SPIEGEL: Nhưng lực lượng không quân Mỹ hủy diệt tất cả đó đã không thể ngăn chặn việc Khe Sanh bị bao vây.

COGNY: Anh chắc hẳn muốn nói rằng các tướng lĩnh bao giờ cũng làm những điều ngu ngốc giống nhau: họ bao giờ cũng ngồi ở giữa đáy của một thung lũng và để cho quân địch bao vây, kẻ ngồi ở trên các độ cao. Nhưng khi người ta hoạt động trong một địa hình không thuận lợi như thế thì người ta cần một căn cứ mà quân đội có thể rút lui về đó. Trước hết là người ta cần một đường băng cho máy bay. Đường băng có nghĩa là đáy thung lũng.



Máy bay Không quân và Hải quân Mỹ bán một hàng rào bảo vệ cho chiếc C-130 cất cánh từ căn cứ Khe Sanh. Ảnh: The Vietnam Center and Archive

SPIEGEL: Ở Điện Biên Phủ, đường băng nằm giống như nó ở dưới chân của tháp Eiffel và quân địch thì ngồi ở trên các độ cao của Trocadéro, tướng Corniglio-Moliner đã nói như thế vào thời đấy.

COGNY: Đấy là nói cường điệu thôi. Đồi núi của Điện Biên Phủ nằm cách xa hơn thế.

SPIEGEL: Bù vào đấy thì Khe Sanh chỉ chiếm một diện tích là hai kilômét vuông.

COGNY: Ít hơn ở Điện Biên Phủ nhiều đấy.

SPIEGEL: Ở đó cũng như ở Khe Sanh, các viên chỉ huy quân đội đều tin chắc rằng căn cứ kiên cố của họ cũng có thể chống cự lại được với một kẻ địch đông hơn gấp nhiều lần. Lúc bắt đầu trận đánh Điện Biên Phủ, ông còn tin rằng có thể chuẩn bị "một chiến bại hủy diệt" cho đối thủ.

COGNY: Tôi chỉ muốn giữ một căn cứ, tôi không bao giờ muốn đánh một trận đánh lớn chống lại nhiều sư đoàn – cách bờ biển 300 kilômét, với ít phương tiện như thế, như chúng tôi có vào thời đấy. Chúng tôi đã có thể cứu được Điện Biên Phủ, nếu như chúng tôi giảm gánh nặng cho pháo đài và không tự giới hạn mình ở sự phòng thủ nơi đấy. Lẽ ra chúng tôi đã phải tiến hành những chiến dịch chống lại các liên kết ở phía sau chiến tuyến của quân địch.

SPIEGEL: Với ít phương tiện như thế, như ông có theo lời của ông nói?

COGNY: Tổng tư lệnh tướng Navarre có phương tiện. Lẽ ra ông ấy đã phải ngăn chặn không cho quân địch tập trung lực lượng lại, lẽ ra ông ấy đã phải chọc tức nó và bắn vào phía sau lưng nó. Nói cách khác: trận đánh Điện Biên Phủ không được mở rộng đúng mức.

SPIEGEL: Nhưng sai lầm cơ bản nhất của Bộ Tổng tư lệnh Pháp là: đã đánh giá thấp tính cơ động chiến lược của quân địch – cũng như Bộ Tổng tư lệnh Mỹ ngày nay, đặc biệt là tính cơ động của pháo binh địch.

COGNY: Thật sự là Việt Minh đã thành công trong việc dẫn pháo binh đến, qua rừng rậm và đồi núi, và sử dụng chúng một cách kỳ lạ: thay vì đặt những khẩu pháo của họ thành những khẩu đội, như các nhà pháo binh ở khắp nơi đều làm, họ đã đào hầm và chôn đại bác vào trong những hầm kiên cố mà chúng tôi không thể bắn phá chúng được.

SPIEGEL: Người Bắc Việt dường như cũng làm y như thế ở Khe Sanh – mặc dù có không quân Mỹ.

COGNY: Chắc chắn là người Mỹ đã rất ngạc nhiên về điều đó. Họ đã tin rằng ném bom có thể ngăn chặn được mọi việc – nhưng ngay đến điều đấy cũng không đủ. Ai không đi động trong một đất nước như thế đối diện với một kẻ địch như thế, người đấy sẽ thua cuộc.

SPIEGEL: Ở Điện Biên Phủ, ông đã không cơ động. Vào ngày 19 tháng 1 năm 1954, Tổng tư lệnh không quân, tướng Fay, đã khuyên tướng Navarre và ông: "Các anh hãy biến ra khỏi cái lỗ đấy đi. Ở đây các anh sẽ thua trận." Tại sao tướng Fay thời đấy không được tướng Cogne ủng hộ?



COGNY: Tôi dự đoán có một chiến dịch để giảm gánh nặng cho Điện Biên Phủ. Ngoài ra, Điện Biên Phủ có vẻ là một pháo đài mạnh. Chúng tôi đã xây nhiều boong ke.

SPIEGEL: Tất nhiên, rất nhiều hơn là người Mỹ có ở Khe Sanh – người ta nói là chỉ có hai cái.

COGNY: Vâng, người Mỹ không đào hầm. Điều đấy là sai lầm. Họ phải đào hầm.

SPIEGEL: Lính Thủy Quân Lục Chiến không thích điều đấy.

COGNY: Nhưng tôi xin anh đấy, cứ như thể chúng tôi thích điều đấy lắm vậy. Ở Điện Biên Phủ cũng như ở Khe Sanh, người ta sử dụng quá ít bê tông. Chúng tôi phải mang mọi thứ đến bằng máy bay. Nhưng khó chuyên chở bê tông bằng đường hàng không.

SPIEGEL: Người Mỹ có đủ máy bay, nhưng họ hầu như không còn có thể đáp xuống được nữa, vì đường băng của họ bị pháo binh của quân địch quét qua.

COGNY: Bây giờ họ đang ở trong tình trạng mà chúng tôi đã ở trong đó vào cuối tháng 3 năm 1954 ...

SPIEGEL: ... năm tuần trước khi đầu hàng.

COGNY: Bắt đầu từ thời điểm đó, tình hình ở Điện Biên Phủ bắt đầu trở nên bi thảm. Vì thế mà lúc đó tôi đã yêu cầu Bộ Tổng tư lệnh một chiến dịch để phá vỡ vòng vây quanh Điện Biên Phủ và giải vây cho pháo đài. Người ta đã không nghe lời tôi. Tính bất động chính là kẻ thù của chúng tôi.

SPIEGEL: Tại sao ông không nói điều đấy cho ngài Tổng tư lệnh của ông năm 1954?

COGNY: Tôi có nói chứ. Nhưng ông ấy đã đưa ra một quyết định khác. Tôi là quân nhân, tôi đã tuân theo mệnh lệnh.

SPIEGEL: Ông muốn nói rằng: nếu như ông có vật chất của người Mỹ, trước hết là lực lượng không quân hùng mạnh đấy, thì đã có thể giữ được Điện Biên Phủ?

COGNY: Tất nhiên rồi. Lực lượng không quân của chúng tôi thật buồn cười.

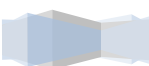
SPIEGEL: Nhưng có một điều giống nhau đến phát sợ: Bộ Tổng tư lệnh Pháp đã tin – và Bộ Tổng tư lệnh Mỹ đang tin – rằng kẻ địch có thể bị tổn thất nặng trước một pháo đài như thế, cho tới mức nó hao mòn và cuối cùng rồi yếu sức rút lui – Verdun ở Việt Nam.

COGNY: Đúng thế.

SPIEGEL: Nhưng bây giờ thì người Việt Nam đang đưa một trận đánh hao mòn ra cho người Mỹ. Lực lượng ở Khe Sanh mất mỗi ngày 40 người lính, trong khi con bả thật ra là còn chưa bắt đầu.

COGNY: Và tuy vậy tôi vẫn không tin rằng cỡ máy quân sự Mỹ có thể tan vỡ ở Khe Sanh.

SPIEGEL: Nhưng ở đó người Mỹ chỉ có phân nửa số quân lính mà ông có ở Điện Biên Phủ.



COGNY: Những gì chúng tôi có là một đạo quân viễn chinh hỗn tạp, đã rất mệt mỏi. Tin thần của người lính không còn tự tin nữa.

SPIEGEL: Thế thì nếu như ông là Tổng tư lệnh của người Mỹ, ông cũng không ra lệnh rút bỏ Khe Sanh?

COGNY: Chắc chắn là không. Khe Sanh đã trở thành một biểu tượng. Nếu như người ta bỏ nó, thì đã nhận lấy một chiến bại ngay từ đầu rồi.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel:*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-62347151.html>

## "Thần Chiến tranh giúp những người Cộng Sản"

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 09 / 1968 (26/02/1968)*

Thiếu tướng Robert E. Cushman của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ ở Nam Việt Nam chỉ còn nói một cách trừu tượng. "Thần Chiến tranh giúp những người Cộng Sản", ông ấy buồn rầu nói – và đã nói đúng.

Ánh lửa cháy của các thành phố Việt Nam đã chiếu sáng một chiến trường đáng sợ vào cuối tuần rồi: với nửa triệu lính ở Việt Nam, quyền lực quân sự mạnh nhất thế giới đang hoạt động ở rìa của một thảm họa quân sự. Tất cả mọi vị trí dường như đã tan biến, tất cả những nguyên tắc của nghệ thuật chiến tranh dường như không còn có hiệu lực nữa. Việt Nam phát đi tín hiệu đất đang chìm xuống.

Trong những đồng đồ nát của Huế, cỗ máy chiến tranh của Mỹ bốn tuần liền không thể nghiền nát được quân địch đã bị cô lập trong một pháo đài 150 tuổi.

Trong pháo đài Khe Sanh bị cô lập trong rừng thì quân địch lại thành công trong việc bóp nghẹt trung tâm của cỗ máy chiến tranh này với một phần của ba sư đoàn – trong số đó là một sư đoàn chính quy từ Bắc Việt Nam.

Đạn súng cối nổ trong tổng hành dinh của Tổng tư lệnh Mỹ tướng Westmoreland.

Người Mỹ bỏ trống nhiều đoạn của đất nước này để bảo vệ các thành phố – nhưng Việt Cộng vẫn tập kích họ. "Những tên khốn kiếp đấy đã mang chúng tôi vào chính xác ở trong tình trạng mà chúng tôi muốn tránh nó trong mọi trường hợp", một đại tá của Thủy Quân Lục Chiến ở Đà Nẵng thừa nhận với SPIEGEL. "Chúng đã gìm chặt chúng tôi lại trong các căn cứ của chúng tôi. Nếu đi ra ngoài, chúng tôi có nguy cơ đối đầu với một lực lượng mạnh hơn và trong lúc đó còn mất cả căn cứ đã bỏ trống."

Tướng Westmoreland đã muốn tìm và diệt kẻ địch theo nguyên tắc "search and destroy". Chiến lược này, đã là công thức chiến thắng của Westmoreland bốn năm trời, đã sụp đổ. Từ cuối tháng 1, người Mỹ không còn cần tìm quân địch nữa. Việt Cộng và người Bắc Việt ở khắp mọi nơi.

Ba tháng sau khi Westmoreland gọi tình hình chiến sự là "rất khuyến khích", ông ấy đã phải xin thêm quân lính. Trong những chiếc máy bay vận tải phản lực khổng lồ C-141 và Boeing 707 bị trưng dụng của "PanAmerican" lính cổ da mới đã đáp xuống Đà Nẵng trong tuần vừa rồi. Họ cần phải làm giảm gánh nặng cho các sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến đang bị một cuộc tấn công lớn của người Bắc Việt đe dọa ở phía Bắc của Nam Việt Nam.

Ba ngày sau khi Đại sứ Mỹ Bunker giải thích trên kênh truyền hình Mỹ ở Sài Gòn, rằng cuộc tấn công của Cộng Sản đã củng cố cho chính phủ Sài Gòn, ông ấy mời đại sứ của các quốc gia đồng minh vào tòa đại sứ đã được sửa chữa của ông ấy để nghe ý kiến của họ về tình hình chiến sự.



Các nhà ngoại giao đều bị quan, vài người lo ngại. Đại sứ [Tây] Đức Kopf: "Chúng tôi bây giờ thật sự là đang lo lắng. Tình hình đã xấu đi và dường như ngày càng có nhiều đe dọa hơn."

Đợt tấn công thứ hai của Việt Cộng "yếu hơn đợt đầu nhiều", Tổng thống Johnson đã an ủi quốc gia của ông ấy như thế trước đây một tuần. Trong lịch sử bảy năm của cuộc Chiến tranh Việt Nam lần thứ hai, mong ước và hiện thực chưa bao giờ nằm cách xa nhau đến như thế. Các tin tức mà đài phát thanh Mỹ ở Sài Gòn lan truyền đi về sự yếu kém của quân địch cũng đã cảnh báo một cuộc tấn công lần thứ ba của quân Đỏ chống lại thành phố.

Trong thực tế, đợt thứ nhất, thứ nhì và đợt thứ ba có thể có là một cuộc tấn công không gián đoạn, một nỗ lực to lớn của Việt Cộng. Họ đẩy quốc gia mà người ta cho rằng nước Mỹ đang chiến đấu cho nó ở Việt Nam vào tình trạng hấp hối.

Thay vì tập hợp toàn bộ lực lượng lại với nhau trong cơn khủng hoảng, chính phủ ở Sài Gòn lại cho bắt giam người lãnh đạo Phật tử quá khích Thích Trí Quang và qua đó lại khiến cho nhiều Phật tử chống lại mình.

Thay vì tổ chức cuộc chiến đấu chống tròn 20.000 quân Đỏ đã tiến quân đến trước Sài Gòn, nguyên thủ quốc gia Thiệu lại làm sống dậy cuộc đấu tranh chống Kỳ, đối thủ cũ và là phó của ông ấy.

Thay vì phải tránh mọi bất hòa với người Mỹ ngay chính trong lúc này, Sài Gòn đã khiến cho những người bảo vệ nó phải bất ngờ với những hành động tuyệt vọng: Hoa Kỳ không được tham khảo ý kiến trước khi bắt giam Thích Trí Quang cũng như trước khi ban hành một sắc luật ở Huế mà theo đó Việt Cộng bị bắt cần phải được xử tử hình công khai.

Hà Nội đe dọa trả thù – không phải ở người Việt mà là ở người Mỹ bị bắt. Nước Mỹ phải đền cho tội của mình và cho tội của người khác. Nó đã chảy máu nhiều như chưa từng có. Trong tuần trước đây nữa, 543 người Mỹ đã hy sinh, từ đầu năm là 2242. Bây giờ Tổng thống Johnson đang cân nhắc để gửi thêm nhiều lính nữa cho Westmoreland của ông ấy – "nhiều như ông ấy cần". Các công ty hàng không Mỹ phải thay đổi kế hoạch bay của họ – vì thiếu phi công. 350 người lái máy bay của lực lượng trừ bị đã được gọi nhập ngũ.

Các Tham mưu trưởng và Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng trong Hạ Viện Hoa Kỳ, L. Mendel Rivers, đã khuyên Tổng Thống nên nhắm đến việc tổng động viên một phần.

Johnson phải ban bố nó, khi châu Á bắt buộc ông phải mở một mặt trận thứ nhì, cái mà Tổng Thống của Hoa Kỳ còn lo sợ hơn cả cuộc tấn công vào Sài Gòn hay Khe Sanh: Bắc Triều Tiên, nước đã cướp chiếc tàu do thám "Pueblo" của Mỹ và gửi những nhóm đặc công xuống miền Nam, có thể kích động người Nam Hàn tấn công vào bất cứ lúc nào. Cả hai sư đoàn Hoa Kỳ, cho tới nay đang kim hãm tinh thần tấn công của Nam Hàn, rồi phải ra chiến trường với đồng minh của mình.

44

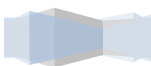
Ở Triều Tiên cũng như ở Khe Sanh, người Cộng Sản quyết định quy mô hoạt động của Mỹ. Họ chủ động, trong khi Mỹ phản ứng.

Người Cộng Sản đã đấu tranh và chịu đựng – trong cuộc chiến tranh đầu tiên của lịch sử mà có thể theo dõi được qua truyền hình – để có được sự đồng cảm và kính trọng của ý kiến thế giới, trong khi thế lực đứng đầu của Phương Tây ngày càng không đáng tin hơn, về đạo đức cũng như về quân sự. Ngay những người Đức trung thành với Mỹ cũng đã rời xa ngọn cờ trong thâm tâm.

Một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến mà người của ông ấy chết trong những bức tường bốc khói của Huế, hy vọng trong tuần rồi rằng vẫn còn có thể dẫn dắt thần chiến tranh về đúng phía. Trong cơn tức giận bất lực về những người Cộng Sản đang bảo vệ Đại Nội, những người chống cự lại hơi cay và napalm, ông ấy hỏi: "Tại sao chúng ta không quăng một quả bom nguyên tử vào trong cái ổ khôn nạn đấy?"

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 09 / 1968:*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46135721.html>



## Khi mùa mưa đến

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 05 / 1968 (29/01/1968)*

Những người lính Thủy Quân Lục Chiến đầy mồ hôi, luôn nấp tránh đạn súng cối, kéo bốn chiếc thùng gỗ lớn ra khỏi khoang chở hàng của một chiếc máy bay vận tải C-123.

Mấy chiếc thùng chứa hai ngàn kí lô bao nhựa màu xanh sẫm với một cái khóa kéo dọc theo chiều dài: "body bags" – bao đựng xác chết, gửi về "Đội ghi nhận liệt sĩ thứ năm" của căn cứ Khe Sanh ở tận cùng Tây Bắc của Nam Việt Nam.

Khe Sanh đã yêu cầu những cái bao đấy, vì căn cứ này dự đoán sẽ có nhiều chết chóc. Khe Sanh đang chờ trận đánh có lẽ là lớn nhất của Chiến tranh Việt Nam.

Ngay trong mùa Xuân vừa rồi đã có trên một ngàn người lính hy sinh trên những đồi núi hoang dại quanh Khe Sanh. Hai tuần liền, lính Thủy Quân Lục Chiến đã tấn công lên các điểm cao quan trọng về mặt chiến lược quanh cứ điểm, những nơi mà người Bắc Việt đã trú lại ở trên đó. Khi cuối cùng rồi những người lính cổ da cũng chiếm được các điểm cao 881 Bắc, 881 Nam và 881, hình ảnh của những đỉnh cao bị bom đạn cày nát, bị napalm đốt cháy, đầy xác người, giống như những hình ảnh từ các trận đánh lớn trên Thái Bình Dương của Đế nhị Thế chiến – từ Okinawa, Iwo Jima và Guadalcanal.

Vào đêm trước của trận đánh mới, những hồi tưởng về một trận đánh khác ngày càng xuất hiện thường xuyên hơn: về Điện Biên Phủ, pháo đài ở trong rừng cách Khe Sanh 500 kilômét về phía Tây Bắc mà lần thất thủ nó năm 1954 đã dẫn đến việc người Pháp rút quân ra khỏi Đông Dương.

Cũng người đàn ông đấy, người chiếm được Điện Biên Phủ, bây giờ đang chỉ huy các sư đoàn đổ trước Khe Sanh: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Bắc Việt, Tướng Giáp. Quanh căn cứ được bảo vệ bởi 5000 lính Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, ông ấy đã tập trung nhiều quân lính hơn bao giờ hết trong Chiến tranh Việt Nam lần thứ hai.

Hai sư đoàn với trên 20.000 người đã bao vây Khe Sanh: sư đoàn 325C và 304. Một sư đoàn nữa đứng sẵn sàng ở bên kia biên giới Bắc Việt Nam, một sư đoàn thứ tư đang tập trung trên lãnh thổ Lào chỉ cách Khe Sanh hơn chục kilômét.

Người Bắc Việt được trang bị tốt hơn bao giờ hết. Họ có pháo binh cho tới cỡ 152 mm, hỏa tiễn, và lần đầu tiên máy bay trinh sát Hoa Kỳ còn nhìn thấy cả xe tăng ở bên quân Đỏ.

Trận tấn công được chuẩn bị nhiều tháng trời. Lực lượng của Giáp đã tăng cường tiếp tế qua Đường mòn Hồ Chí Minh nhiều cho tới mức người Mỹ có quá ít máy bay để mà có thể phá rối sự thâm nhập một cách có hiệu quả, mặc dù họ đã bay luân phiên: trong tháng 12, họ ném bom Đường mòn Hồ Chí Minh 8722 lần trên lãnh thổ Lào, trong cùng thời gian đó, Bắc Việt Nam chỉ bị tấn công 5692 lần.

Để mở rộng đường tiếp tế và bảo đảm an toàn cho những vùng đất hành quân, người Bắc Việt đã bắt đầu một chiến dịch ở Lào và xua đuổi lực lượng Hoàng gia thân Mỹ ra khỏi toàn Bắc và Đông Lào.

Phan Ba | <http://phanba.wordpress.com>



Khe Sanh bị bao vây đúng hạn: mùa mưa bắt đầu trong vùng đất Đông Dương này vào cuối tháng 1. Hai tháng liền, nó phủ lên đất những làn sương mù dày đặc và những lớp mây thấp hầu như suốt ngày, những cái làm tê liệt máy ném bom của Mỹ.

Vì thế mà người Mỹ cố ném bom thật nhiều để phá vỡ cuộc tấn công trước khi nó bắt đầu và trước khi mùa mưa đến: vào thứ năm vừa qua, máy bay ném bom Mỹ đã tiến hành trên 300 lần oanh kích chống lại vòng vây bao quanh Khe Sanh, vào ngày thứ sáu 480 lần mà trong đó đến cả máy bay vận tải cũng được sử dụng để ném bom.

Một lữ đoàn của sư đoàn Không Kỳ thứ Nhất với 5000 người và 150 chiếc máy bay trực thăng được ném vào gần Khe Sanh để tăng cường.

Nhưng quân Đỏ cứ tiến đến gần căn cứ mà không nao núng. Người Mỹ đã phải rút lui ra khỏi nhiều tiền đồn.

Vào cuối tuần rồi, quân tấn công đã ở gần cho tới mức họ có thể bắn phi trường của căn cứ từ khoảng cách 1500 mét bằng súng cối nhỏ. Một tổ súng máy hạng nặng, trụ gần như ở rìa của đường băng, đã bắn hạ ba chiếc máy bay Hoa Kỳ trong vòng bốn ngày.

Người Mỹ chờ cuộc tấn công lớn vào cuối tuần này – khi lần ngưng bắn kéo dài 36 tiếng đồng hồ nhân dịp Tết, năm mới Phật giáo, chấm dứt. Trong 36 giờ hòa bình đó, các sĩ quan Hoa Kỳ lo ngại, người Cộng sản có thể chuẩn bị những việc cuối cùng mà không bị phá rối.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 05/1968*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45465080.html>



## Thời điểm thử thách của Hoa Kỳ

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 10/1968 (04/03/1968)*

Hai thiếu tá Hoa Kỳ đầu tư tiền lương của họ vào Việt Nam: trên những ngọn núi gần thành phố biển Qui Nhơn, họ mua một căn trại. Sau khi chiến thắng, họ dự định sẽ mở rộng nơi đây thành một ngôi nhà săn bắn – cho khách du lịch, những người muốn đi săn cọp trong rừng rậm Việt Nam.

Từ đầu tháng 2, hai người sĩ quan muốn bán lại nơi đó. Họ không còn tin vào một cuộc đi săn cọp ở Việt Nam nữa. Họ không còn tin vào chiến thắng nữa.

Họ không phải là những người Mỹ duy nhất đang hoài nghi. Tờ "Wall Street Journal" bảo thủ, cho tới nay kiên quyết đi theo lá cờ sao và sọc ở Việt Nam, đã hạ cờ vào tuần rồi: "Nhân dân Mỹ tốt hơn là nên chuẩn bị cho khả năng, rằng toàn bộ sự việc đây sẽ thất bại – chính phủ của chúng ta có làm gì cũng mặc."

Đại sứ trước đây của Mỹ ở Nhật, Edwin O. Reischauer, người được xem là một trong những người am hiểu châu Á tốt nhất của Hoa Kỳ, cho rằng đã thua cuộc chiến này rồi, ít nhất là khi xét đến mục đích của cuộc chiến vào lúc ban đầu: giữ một nhà nước không Cộng Sản, ổn định ở Nam Việt Nam:

Vùng đồng bằng (nơi mà 70% của tất cả 17 triệu người Nam Việt Nam vẫn còn sống ở đây) hầu như là lãnh thổ không tranh cãi của Việt Cộng; người Cộng Sản có thể bổ sung kho dự trữ, thu thuế và tuyển mộ lính mới một cách yên tĩnh hơn bao giờ hết.

Trong phần đất quan trọng nhất của Nam Việt Nam, đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ và có mật độ dân cư đông, phần lớn thành phố đều nằm trong tay của quân Đỏ.

Thủ đô Sài Gòn bị cô lập, cung cấp cho thành phố ngày càng khó khăn.

Công cuộc bình định – tranh thủ người dân ở nông thôn và bình định nhiều vùng đất rộng lớn – không còn được tiến hành ở nơi nào nữa. "Chỉ nói về việc đây thôi cũng đã là hoàn toàn vô nghĩa rồi", tờ "Time" nhận định.

Ở mặt trận quan trọng nhất của cuộc chiến không còn có chiến sự nữa.

Với cú đánh lớn của mình – trận tấn công lớn nhất trong ba thập niên của Chiến tranh Đông Dương – nhà chiến lược Bắc Việt, Giáp, đã thay đổi hoàn toàn bộ mặt của cuộc chiến, ông ấy đã xóa bỏ toàn bộ những thành công của Mỹ từ năm 1965. 500.000 người lính của Westmoreland trở thành những người bảo vệ bị bao vây, chờ đợi nước cờ kế tiếp của quân địch.

Trong các tỉnh ở phía Bắc, ngay cạnh vùng đã từng là phi quân sự, có gần 30.000 lính cổ da, quân tinh nhuệ của Westmoreland. Họ bị một lực lượng đông hơn gìm chặt lại trong các căn cứ của họ.



Trước đây tám tuần, trong khuôn khổ của "Chiến dịch Scotland", họ còn có nhiệm vụ tấn công những người thâm nhập từ Bắc Việt Nam cho tới tận Lào. Ngày nay họ chỉ còn có nhiệm vụ ngăn chặn không cho pháo đài Khe Sanh đang bị bao vây ở gần biên giới Lào thất thủ – một pháo đài mà đã đánh mất ý nghĩa của nó từ lâu rồi.

Vì lúc trước, Khe Sanh đã được xây dựng để chặn con đường tiếp tế quan trọng nhất của quân địch, đường mòn Hồ Chí Minh. Những nhóm tuần tra bảy người ngày đêm tìm kiếm lực lượng quân địch thâm nhập từ Bắc Việt Nam hay Lào.

Nhưng từ sáu tuần nay, không có nhóm tuần tra nào rời căn cứ nữa. Vì mặc cho lần ném bom tập trung lớn nhất của lịch sử chiến tranh – trong hai tháng vừa qua, máy bay Hoa Kỳ đã ném một lượng nổ của hai quả bom Hiroshima xuống quanh Khe Sanh – người Bắc Việt đã tiếp cận chỉ còn cách tuyến phòng thủ của những người lính cô da một trăm mét trong tuần vừa rồi.

"Khe Sanh", tờ "New York Times" phán xét, "ngày nay chủ yếu là một vật thể của uy tín". Vì Tổng tư lệnh Mỹ ở Việt Nam, Tướng Westmoreland, đã cam kết bằng bút mực với Tổng Thống Johnson rằng có thể giữ được pháo đài này trong mọi trường hợp.

Một lời hứa hẹn được xây trên những bao cát.

Chỉ riêng việc súng cối và hỏa tiễn hàng ngày pháo kích vào căn cứ đã khiến cho hơn một trăm người chết và khoảng một ngàn người bị thương cho tới nay. Ngoài ra, Khe Sanh cũng đã đổ máu để giải vây cho các căn cứ nằm xung quanh.

Để tăng cường cho lực lượng Thủy Quân Lục Chiến, Westmoreland đã gửi 8000 người của các lữ đoàn không kỵ từ vùng cao nguyên ở Trung phần lên phía Bắc trước đây vài tuần. Bây giờ, người Cộng sản tấn công căn cứ chính Evans của họ. Chỉ trong vòng vài giờ, 22 chiếc máy bay trực thăng đã bị phá hủy. Trên cao nguyên bị quân đội bỏ trống, quân Đỏ hiện đang tiến từ biên giới Lào về hướng bờ biển.

Westmoreland không có quân lính để có thể chặn đứng cuộc tấn công được: vì những gì mà ông ấy có thì ông ấy cần không những ở phía Bắc để bảo đảm an toàn cho các căn cứ Khe Sanh và Đà Nẵng, mà cũng cần ở phía Nam để bảo vệ Sài Gòn. Thủ đô bị bao vây bởi ba sư đoàn đỏ, được trang bị súng phòng không, hỏa tiễn và xe tăng.

Trong trận tổng tấn công cho tới nay, đối thủ của Westmoreland chỉ sử dụng có một phần lực lượng của mình.

"Quân địch còn có những lực lượng lớn chưa được dùng tới", sếp của Bộ tham mưu Liên quân Hoa Kỳ, tướng Wheeler, phán đoán vào cuối tuần rồi, sau chuyến thăm Việt Nam lần thứ mười một của ông ấy. "Chúng ta phải dự tính rằng những cuộc giao tranh lớn sẽ còn kéo dài."

Tướng Wheeler nói đúng.



Cuộc tấn công vào lúc Tết được thực hiện bởi khoảng 60.000 người lính Cộng Sản. Với một vài trường hợp ngoại lệ (như cuộc tấn công vào Huế, thành phố của các hoàng đế), đây là du kích quân của Mặt trận Dân tộc Giải phóng – tức là du kích địa phương.

Phần lớn những người lính chính quy Bắc Việt được trang bị tốt (con số của họ ở Nam Việt Nam được ước lượng ở khoảng 80.000) vẫn còn chưa được sử dụng tới.

Trong những vùng biên giới của Lào và Campuchia, còn vài chục ngàn người Bắc Việt đứng sẵn sàng hành quân.

Cuối cùng, ở Bắc Việt Nam, Giáp còn hơn 300.000 người lính chính quy của Quân đội Nhân dân của ông ấy – còn chưa tính tới lực lượng dự bị của hàng triệu dân quân.

Nhà chiến lược đỏ cũng có trang thiết bị tốt hơn lúc trước, tuy hiển nhiên là thua kém người Mỹ về số lượng. Máy bay ném bom Ilyushin, lần đầu tiên được nhìn thấy ở Việt Nam trong tháng 2, có thể được sử dụng để tấn công pháo đài của lính cổ da và các căn cứ như Đà Nẵng, hỏa tiễn đe dọa Đệ Thất Hạm đội của Mỹ trong vịnh Bắc bộ; đó cũng là những đầu đạn mà người Ai Cập đã dùng chúng để đánh chìm tàu khu trục "Eilat" của Israel trong mùa Thu vừa rồi. Hoa Kỳ đang hấp tấp trang bị cho hạm đội vịnh Bắc bộ của họ vũ khí phòng không và chống hỏa tiễn.

Ngày nay, trong chiến tranh trên bộ, quân Đỏ bao vây Khe Sanh đã có hỏa lực nhiều hơn là những người Mỹ bảo vệ căn cứ. Họ tin tưởng vào không quân.

Nhưng sự thống trị của không quân đáng nghi ngờ cho tới đâu, điều này đã được những người bị bao vây ở Khe Sanh nhận ra vào tuần trước nữa, khi sương mù dày đặc của mùa mưa đã ngăn cản tất cả những lần cất cánh và hạ cánh bốn ngày liền: dự trữ lương thực của căn cứ đã teo lại còn hai khẩu phần C (chiến đấu) và một lít nước cho mỗi một người bảo vệ.

Từ nhiều tuần nay, các pháo thủ Khe Sanh chỉ còn bắn rời rạc, vì kho đạn sau khi bị bắn trúng đích đã không được làm đầy lại.

Và ngay cả khi hoạt động hết sức mình, giá trị của quyền thống trị về không quân cũng có giới hạn: như trong tuần lễ từ 12 đến 18 tháng 2, máy bay tiêm kích của "First Marine Aircraft Wing" (căn cứ chính ở Đà Nẵng) đã tấn công 1610 lần trong vùng của năm tỉnh phía Bắc Nam Việt Nam. Kết quả chính thức của Marine cho trận đánh này: 49 quân địch chết, 273 vật thể của địch quân bị phá hủy (thuộc vào trong đó cũng là những ngôi nhà bằng tre trong những vùng đất được cho là của Việt Cộng), thêm vào đó đã đánh trúng 46 boongke, ba cầu, bốn vị trí hầm hố, bốn điểm phòng không, 29 thuyền, một vị trí súng cối, một chiếc xe tăng và một tổ súng máy. Thường Việt Cộng đạt được những kết quả tốt hơn với vài vụ tập kích bằng súng cối hay hỏa tiễn.

Trong tình huống này, nước Mỹ cảm nhận mình "quá yếu để mà có thể thương lượng" ("Newsweek"). Nhưng cường quốc thế giới Mỹ còn ít muốn chấp nhận hơn nữa nỗi nhục nhã của một Dunkerque khổng lồ ở châu Á. [Trong Đệ nhị thế chiến, Dunkerque ở miền Bắc nước Pháp là nơi quân đội viễn chinh Anh quốc xuống tàu rút lui về nước.]

"Nước Mỹ sẽ không cúi mình", Tổng thống Johnson nói trong tuần rồi ở Dallas. "Mỗi một người đều có thời điểm thử thách một lần. Bây giờ nó đã đến cho nước Mỹ."

Nó đặt vị tổng thống Hoa Kỳ trước một quyết định mang lại nhiều hậu quả: không thể thắng được cuộc chiến với những phương tiện và phương pháp cho tới nay.

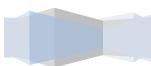
Số 10.500 người lính, những người bay sang chữ cháy ở Việt Nam trong hai tuần vừa qua, chỉ vừa thay thế được các tổn thất của người Mỹ từ đầu năm.

Vì thế mà tuần vừa rồi giới quân sự đã yêu cầu thêm 50.000 đến 100.000 người lính mới. Nhưng các nhà chiến lược Hoa Kỳ trong Pentagon-Ost – tổng hành dinh của Westmoreland đang nằm dưới đạn bắn liên hồi của quân đỏ ở phi trường Tân Sơn Nhứt – đã bí mật tính toán cho tình hình này như sau đây:

Để ngăn chặn được cuộc tấn công của Giáp mà đỉnh điểm của nó được dự tính trong khoảng từ tháng 3 cho tới tháng 5, phải cần ít nhất là 750.000 lính Mỹ – nhiều hơn một phần tư triệu so với con số đang ở Việt Nam ngày nay; đồng thời đường tiếp tế đỏ phải được tấn công có hiệu quả hơn nữa qua ném bom một cách triệt để Hà Nội và Hải Phòng. Nhưng rồi vẫn còn chưa thắng được cuộc chiến. "Nếu nó cứ tiếp tục như cho tới nay", sếp mật vụ Hoa Kỳ CIA, Richard Helms, nói, "thì cuộc chiến còn kéo dài cả trăm năm nữa."

Phan Ba dịch từ Der Spiegel 10 / 1968:

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46135809.html>



## Tìm Việt Cộng bằng que dò mạch nước

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 11 / 1968 (11/03/1968)*

Bốn tuần trước cơn bão đỏ ở Việt Nam, chiếc tàu bệnh viện Đức "Helgoland" ở Đà Nẵng nhận được một lời nói bóng gió: Vào dịp năm mới Phật giáo, "Tết", sẽ không chỉ có pháo nổ.

Tổng tư lệnh Hoa Kỳ ở Sài Gòn cũng nhận được thông tin một vài ngày trước cuộc tấn công cho tới nay là lớn nhất của người Cộng Sản, những cái ám chỉ đến một cuộc tấn công trong dịp Tết.

Bác sĩ trưởng của "Helgoland", bác sĩ Jäger, xem trọng lời nói bóng gió đó. Ông ấy điện về Bonn xin thêm tiền, nhận được qua điện tín và mua lương thực dự trữ cho bốn tuần. Khi cuộc tấn công của Việt Cộng làm tê liệt cung cấp, chiếc tàu Đức đã có thể tự cung tự cấp.



Tàu bệnh viện Helgoland của Hội Chữ thập Đỏ Đức, một tàu hành khách hạng sang trước đây nay cập cảng tại Đà Nẵng, có đội ngũ bao gồm 38 chuyên gia y tế Đức và chi phí 2.250.000 dollar để hoạt động trong một năm. Bệnh viện 150 giường của nó đã chứa hơn 4500 bệnh nhân người Việt kể từ tháng 10 năm 1966. Ảnh: Vietnam Center and Archive.

Người Mỹ ít xem trọng những lời cảnh báo đó hơn. Tuy là họ đã tăng cường canh gác trong Tòa đại sứ của họ – nhưng chỉ thêm ba người lên tổng cộng là mười hai người; khu đất của Tòa đại sứ bị Việt Cộng chiếm. Tuy là họ ban lệnh báo động có giới hạn cho các trại lính Mỹ – nhưng trong thời điểm của cuộc tấn công, lực lượng chiến đấu của Hoa Kỳ ở Sài Gòn chỉ gồm 300 người.

Trận đánh bất ngờ của quân Đỏ vào đầu năm mới phơi bày một điểm yếu quyết định của người Mỹ ở Việt Nam: thông tin thiếu sót và sai lầm của họ về quân địch, những ước lượng mâu thuẫn với nhau về lực lượng và mục đích của họ.

Lỗi hỏng thông tin của họ hay mang lại tai họa: khi bộ chỉ huy của căn cứ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ Phú Bài nhận được những tin báo đầu tiên về một cuộc tấn công của Việt Cộng vào thủ đô Huế ngày xưa của các hoàng đế trong đêm rạng sáng ngày 31 tháng 1, họ gửi một đại đội cỏ da đến thành phố cách đó 15 kilômét.

Ngay trên Quốc lộ 1 ở trước Huế, người Mỹ đã gặp phải quân địch mạnh hơn. Đại đội bị tiêu diệt gần như toàn bộ.

Mãi đến khi một đại đội tăng cường cũng bị tổn thất nặng, các sĩ quan ở Phú Bài mới lập một lực lượng vào khoảng một ngàn người.

Trận đánh ở Huế, cái vào lúc ban đầu được tiến hành với một đại đội, cuối cùng kéo dài gần bốn tuần và người ta đã phải sử dụng đến tất cả các cỡ hỏa lực có được ở Việt Nam.

Cho tới ngày nay, người Mỹ vẫn còn đoán mò về những ý định thật sự của nhà chiến lược đồ Giáp quanh pháo đài Khe Sanh mà trên 5000 lính cỏ da đã bị bao vây ở trong đó từ sáu tuần nay.

Lần bắt đầu của cuộc tấn công có quy mô lớn vào Khe Sanh đã được tiên tri tròn sáu lần. Vì những lời tiên đoán không đúng nên sĩ quan Hoa Kỳ đang nghi ngờ, liệu Giáp nói chung là có muốn tấn công hay không, hay chỉ giả vờ dọa để trói chân nhiều lực lượng Hoa Kỳ.

Và mặc dù máy bay và trực thăng Mỹ ngày đêm ở trên không với các thiết bị do thám điện tử tinh vi nhất, người Mỹ hoàn toàn bất ngờ khi người Bắc Việt tiến đến với xe tăng – đầu tiên là ở tiền đồn Lang Vei của Khe Sanh, tuần trước nữa cả ở xung quanh Sài Gòn.

Thiếu sự cộng tác giữa các cơ quan Mỹ và Việt, nhưng cả ghen tỵ tranh chấp thẩm quyền giữa các cơ quan Hoa Kỳ ở Sài Gòn, là nguyên nhân cho sự yếu kém của tình báo Mỹ ở Việt Nam.

Cuộc chiến bí mật giữa người Mỹ với người Mỹ có truyền thống: ngay từ năm 1963, nó đã dẫn tới cuộc đấu tranh công khai giữa CIA, giới ngoại giao và quân đội; người này thì chống đỡ, kẻ kia lại lật đổ nhà độc tài Diệm.

Bây giờ, các nhà tình báo và chính trị gia cãi nhau về sức mạnh của quân địch: CIA dự tính với 150.000 chiến binh đỏ, phụ trách an ninh của tổng thống Johnson Walt Rostow chỉ nhìn thấy 70.000 quân địch. Tuần rồi, Cơ quan thông tin Hoa Kỳ ở Sài Gòn thì lại ước lượng toàn bộ lực lượng của những người Cộng Sản ở con số 350.000.

Và trong khi chính trị gia Rostow – được nhà quân sự Westmoreland ủng hộ – cho rằng cuộc tấn công vào dịp Tết mà vẫn còn đang diễn ra chỉ là một lần bùng cháy cuối cùng của địch quân hầu như đã kiệt sức, sếp CIA Helms tin rằng sẽ còn những trận đánh lớn ở phía trước và nước Mỹ sẽ không thể thắng cuộc chiến này mà không cần nhiều lính thêm nữa.



Người Mỹ, đã chia rẽ với nhau, lại còn cãi nhau với người Nam Việt. Tổng tư lệnh ở Việt Nam của Mỹ Westmoreland dự tính với những cuộc tấn công ở miền Bắc – giữa các căn cứ Khe Sanh và Đà Nẵng – và tăng cường lực lượng của mình ở đó. Chính phủ Sài Gòn và Bộ tham mưu lại sợ những cuộc tấn công vào thủ đô và cao nguyên Trung phần bị quân đội bỏ trống.

Vì người Mỹ hầu như không tin vào những chỉ dẫn của họ nên người Việt trả thù: sĩ quan phản gián của Đại sứ quán Hoa Kỳ từ ba tuần nay đang hoài công cố gắng nhằm hỏi cung ba tù binh Việt Cộng quan trọng – những người sống sót của nhóm xung kích đã thâm nhập vào khu đất của Đại sứ quán Hoa Kỳ trong đêm rạng sáng ngày 31 tháng 1. Nhưng cảnh sát mật của Nam Việt đã dấu các tù binh đó đi.

Ở Khe Sanh, lính cô da dùng que dò mạch nước để tìm những đường hầm tấn công của quân đỏ, ở Sài Gòn, Bộ tư lệnh Hoa Kỳ cố tìm kiếm các kế hoạch của người Cộng sản bằng máy tính, ở Đà Nẵng người Mỹ tin vào tàu "Helgoland".

Tối tối, cứ mỗi khi chiếc tàu bệnh viện rời bến tàu vào lúc bảy giờ để thả neo qua đêm ở ngoài vũng tàu cách xa thành phố thì các sĩ quan Hoa Kỳ lại cảm thấy bất an.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 11 / 1968:*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46106641.html>

## Không đủ lính

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* số 18 / 1968 (18/03/1968)



Một người lính TQLC Mỹ đang di chuyển dưới hỏa lực súng máy 50 mm dữ dội của kẻ địch trong giao tranh trên đường phố đang diễn ra ác liệt tại Huế, thủ đô cũ của các hoàng đế.  
Ảnh: Vietnam Center and Archive.

Với số tiền đã phải chi ra trong năm 1967 cho cuộc chiến ở Việt Nam, Hoa Kỳ đã có thể trả cho mỗi một người Việt, ở Bắc và Nam, đàn ông, đàn bà và trẻ em, mỗi người 2800 Mark: gấp sáu lần thu nhập trên đầu người hiện nay ở Việt Nam.

Trong năm nay, người Mỹ còn có thể chi ra nhiều hơn nữa. Vì cuộc chiến, cái đã khiến cho người ta tốn kém trên một trăm tỉ Mark năm 1967 (và qua đó đã mang ngân sách quốc phòng Mỹ lên gần mức cao nhất trong Đệ nhị thế chiến) sẽ gây tốn kém thêm từ 24 đến 41 tỉ Mark.

Không những phí tổn và lực lượng quân đội của Hoa Kỳ ở Việt Nam đã vượt quá lần tham chiến ở Triều Tiên. Từ tuần trước nữa, tổn thất của Hoa Kỳ cũng đã cao hơn là trong Chiến tranh Triều Tiên.

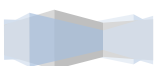
Cho tới ngày 8 tháng 3, 130.993 người Mỹ đã bị giết chết hay bị thương. Trong Chiến tranh Triều Tiên là 136.913.

Bây giờ, chiến binh cao cấp nhất của Tổng thống Johnson ở Việt Nam, tướng Westmoreland, muốn tăng cường cho đội quân viễn chinh Mỹ thêm 206.000 người lên khoảng ba phần tư triệu lính. Nhưng Johnson không có 206.000 người lính.

Lực lượng trừ bị của Lục quân Mỹ và của Thủy Quân Lục Chiến, phải cung cấp phần lớn lực lượng chiến đấu, đã kiệt quệ. Lục quân gửi 333.000 người, Thủy Quân Lục Chiến 83.000 người sang Việt Nam. Tổng cộng cả hai bên còn 125.000 người lính sẵn sàng chiến đấu – nhưng người ta cần họ cho những điểm nóng khác trong nước (như trong năm ngoái tại những cuộc nổi loạn của người da đen) và cho các chiến dịch chữa cháy trên thế giới.

Năm ngoái, Johnson đã hứa với Westmoreland của ông ấy: ông ấy sẽ "nhận được người và vật chất nhiều như ông ấy cần". Để giữ lời hứa này, Tổng Thống lẽ ra bây giờ phải tổng động viên lực lượng trừ bị với quy mô lớn.

Nhưng điều đấy sẽ có nghĩa là tăng thêm thuế và có những biện pháp tiết kiệm mới – ở một thời điểm hết sức bất lợi cho Johnson:



- 49% tất cả người Mỹ, cao nhất kể từ khi Chiến tranh Việt Nam bắt đầu, cho rằng sự tham chiến của Hoa Kỳ là một sai lầm.
- Đối thủ trong đảng của Johnson và là người chống Chiến tranh Việt Nam, đối thủ ít có khả năng thắng McCarthy, đã giật được 42% số phiếu trong những cuộc bầu cử chọn ứng viên tổng thống ở New Hampshire – ít hơn tổng thống chỉ 7%; còn hơn thế, thắng lợi của McCarthy đã khiến cho địch thủ không đội trời chung của Johnson, Robert Kennedy, cân nhắc việc tự mình ra ứng cử cho chức vụ tổng thống.
- Quốc Hội yêu cầu dứt khoát phải được tham khảo tại các quyết định về Việt Nam trong tương lai.

Nhưng ngay cả khi Johnson không muốn thua cuộc chiến hay không muốn thương lượng, ông ấy phải đưa ra "các quyết định quan trọng nhất trong thời gian giữ chức tổng thống của mình" – theo "Time".

Từ đầu năm, Bắc Việt Nam đã đưa nhiều lực lượng mạnh qua miền Đông của Lào, do quân Đờ thống trị, xuống miền Nam. Theo các thông tin mới nhất của Hoa Kỳ, đã có 14 sư đoàn chính quy Bắc Việt ở Nam Việt Nam (cuối 1967 là chín). Và trong những làng mạc mà người Mỹ và người Nam Việt Nam đã rút lui từ cuộc tấn công vào đầu năm mới, Việt Cộng tuyển mộ thêm mỗi tuần hàng ngàn du kích quân mới.

Tướng Giáp của Bắc Việt, người điều khiển lực lượng của ông ấy từ một trung tâm chỉ huy (cách căn cứ Khe Sanh của lính cõ da đang bị bao vây không xa), có thể sử dụng khoảng 230 tiểu đoàn.

Đứng đối diện với đạo quân của Giáp: 154 tiểu đoàn Nam Việt mà trong đó chỉ có 30 tiểu đoàn là có khả năng hành quân chiến đấu (số còn lại có nhiệm vụ canh phòng). Cả hơn phân nửa trong số tròn 100 tiểu đoàn chiến đấu Mỹ cũng bận bịu với các nhiệm vụ giữ an ninh trong các thành phố và căn cứ hay – như ở Khe Sanh và các cứ điểm khác ở phía Bắc – bị quân địch bao vây. Giáp không cần phải bảo vệ căn cứ và thành phố. Ông ấy có thể tấn công – bất cứ lúc nào và khi nào mà ông ấy muốn.

Nhưng người Mỹ cũng lâm vào tình trạng hiểm nghèo ngay cả khi họ cắt giảm chiến lược của họ xuống kế hoạch do tướng Gavin phác thảo trong Chiến tranh Triều Tiên: rút lui vào các thành phố và căn cứ quan trọng nhất dọc theo bờ biển, được giữ như vật thế chấp cho những cuộc thương lượng.

Những người tấn công của Giáp năm 1968 không còn là du kích quân của 1965, khi cuộc chiến của người Mỹ ở Đông Dương bắt đầu. Thời đấy, vũ khí nặng nhất của Việt Cộng là súng cối mà với nó họ phải bò cho tới khi chỉ còn cách mục tiêu hai kilômét. Ngày nay họ chiến đấu với

- Hỏa tiễn 107 milimét của Trung Quốc (cự ly tám kilômét)
- Hỏa tiễn 122 milimét của Nga (cự ly mười hai kilômét)



- Đại bác 152 milimét (cự ly 16 kilômét)



Tên lửa 122 mm và ống phóng do Liên Xô chế tạo đang được trưng bày trước nhà Quốc Hội của Nam Việt Nam. Ảnh: Vietnam Center and Archive.

Với những vũ khí đó, ngày nay người Cộng Sản có thể tấn công bất cứ căn cứ nào và bất cứ thành phố nào của Nam Việt Nam. Vì lực lượng của phe đồng minh còn xa mới đủ để bảo vệ an ninh cho một vùng mười kilômét quanh các căn cứ.

Từ cuối tháng 1, quân Đỏ đã chứng tỏ sức mạnh tấn công của mình với ba đợt tấn công bằng hỏa tiễn và súng cối. Qua đó, họ đã phá hủy hay làm hư hỏng, như mãi bây giờ mới bị hé lộ ra, một ngàn máy bay và trực thăng Mỹ.

Sau ba năm leo thang từng bước, chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á đã

"rơi vào một ngõ cụt" ("Newsweek"). Tổng thống Johnson chỉ còn biết cử chuyên gia chiến lược của mình, giáo sư Kahn, sang Việt Nam. Tình thế khó xử của Mỹ được người cố vấn cho Kennedy trước đây, Theodore Sorensen, phác họa với những câu nói: "Sự thống trị về quân sự trên khắp thế giới của chúng ta không đủ để giành lấy chiến thắng. Sự thống trị về chính trị trên khắp thế giới của chúng ta không cho phép rút lui."

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 18/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46106744.html>



## Chết ở Việt Nam vì độc giả

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 13 / 1968 (25/03/1968)



Bernhard Fall đang ăn trưa cùng với những người lính của quân đội Mỹ. Ảnh: Wikipedia.

Truyền hình dọn ra vào giờ ăn tối và báo chí đưa ra vào giờ ăn sáng những sự khủng khiếp của chiến tranh từ Việt Nam.

Chính xác và dã man như chưa từng có, một cuộc chiến thâm nhập vào trong những căn phòng khách của toàn thế giới. Người Nga và người Mỹ, người Đức và người Hoa, phụ nữ nội trợ và học sinh xem trận đánh quanh pháo đài Khe Sanh trong rừng, xem khủng bố, chết chóc và tàn phá.

Chưa từng bao giờ mà giới nhà báo lại có thể tường thuật một cách trần trụi như thế về một cuộc chiến. Tròn 600 phóng viên theo dõi mỗi một trận đánh, hành quân cùng với những nhóm tuần tra của Mỹ qua rừng rậm, bay trong những chiếc máy bay vận tải và trực thăng vào các cứ điểm bị bao vây.

Eddie Adams của hãng thông tấn Mỹ AP bấm nút chụp ảnh khi sếp cảnh sát của Nam Việt Nam, thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan, dùng súng lục bắn chết một tù binh là sĩ quan Việt Cộng. Phóng viên Mỹ bò dưới những xe tải đang đỗ lại vào lúc ba giờ sáng và quan sát từ đó một cuộc tấn công bằng hỏa tiễn lúc đêm khuya vào dinh tổng thống Nam Việt Nam.

Phóng viên truyền hình Howard Tuckner của hãng Mỹ NBC đã đến cùng với nhóm quân cảnh đầu tiên có nhiệm vụ quét sạch lực lượng Cộng Sản ra khỏi tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn. Nhóm của ông ấy vẫn tiếp tục quay phim mặc dù họ rơi vào làn đạn của cả hai bên.

Đấu tranh vì những bài phóng sự từ cuộc chiến trong rừng rậm là nguy hiểm: cho tới nay đã có mười hai nhà báo chết ở Việt Nam, trên 50 người bị thương, một phần bị thương nặng – đó là những con số chính thức: ký giả của các tờ báo, đài truyền thanh và thông tấn lớn. Nếu như kể cả các phóng viên và nhiếp ảnh gia làm việc tự do – vẫn không được biết đến – có lẽ có trên 20 nhà báo đã chết.

Đầu tháng này, nhiếp ảnh gia Mỹ Bob Ellison, 23 tuổi, đã rơi với một chiếc máy bay vận tải C-123 trên Khe Sanh; Việt Cộng đã bắn trúng chiếc máy bay trong lúc đang lượn đáp xuống pháo đài.

Nhà văn người Pháp Bernard Fall, 40 tuổi, người đi chu du ở Việt Nam từ năm 1953 và đã viết ba quyển sách về đất nước bị tàn phá này, đã giẫm lên một trái mìn trong một lần đi tuần tra và đã bị xé nát ra.

Một biên tập viên của tờ tạp chí Mỹ "Look", Sam Castan, người muốn tìm hiểu cho một phóng sự về việc người lính nghĩ gì vào lúc sắp chết, đã cùng với một trung đội bộ binh rơi vào một trận phục kích của Cộng Sản và bị trúng mảnh lựu đạn vào lưng và trúng đạn ở cánh tay. Nhà báo này đã bảo vệ mình với một khẩu súng lục – rồi một Việt Cộng đã giết chết ông ấy với một phát súng vào thái dương.



Phóng viên Việt Nam trong lúc ngưng tiếng súng: ký giả Al Webb của UPI (trái) và nhiếp ảnh gia John Schneider. Ảnh: Der Spiegel.

Nhiếp ảnh gia William Hall bị thương năm lần khi ông gặp phải những người lính đang bồn chồn lo sợ của Nam Việt Nam tại một chốt kiểm soát. Phóng viên chiến tranh Pháp Jean-Yves Gautron trúng đạn khi ông ấy muốn giúp một người lính bị thương; người quay phim của CBS, Alex Brauer, bị thương nặng quy xuống trong làn đạn súng máy.

Nhiếp ảnh gia người Nhật của UPI, Hiromichi Mine, 27 tuổi, mà ảnh của anh ấy – một chiếc máy bay Mỹ bị xé ra trên không – đã nhận Giải Báo chí Thế giới năm 1967, đã bị thương nặng tại các cuộc giao tranh trong thành phố Huế của các hoàng đế, nặng tới mức anh ấy đã qua đời không lâu sau đấy.

Ở Huế, giữa dòng sông Hương và bức tường thành của Đại Nội, cả biên tập viên Siegfried Kogelfranz của báo SPIEGEL cũng rơi vào trong làn đạn: người Mỹ bắn hơi gậy nỏ mưa, Việt Cộng bắn lựu đạn. Một quả nỏ tung bên cạnh Kogelfranz – mà không gây thương tích cho ông ấy.

Nữ nhà báo và nhà văn người Mỹ Marguerite Higgins ("Chiến trường Triều Tiên"), 45 tuổi, là phụ nữ duy nhất tường thuật từ Triều Tiên, cũng thoát khỏi chiến trường Việt Nam mà không bị thương. Nhưng vài tháng sau đó, bà ấy đã qua đời vì một bệnh nhiệt đới ở Washington.

Sau 18 tháng ở Việt Nam, phóng viên Don North của ABC xin được chuyển đi nơi khác. Cả sếp văn phòng ở Tokio của CBS, Igor Oganessoff, cũng không còn muốn tường thuật từ trong cuộc chiến về cuộc chiến.

"Người ta ở đây càng lâu", sếp văn phòng ở Hongkong của đài truyền hình Mỹ ABC Sam Jaffe, "thì càng có khả năng bị thương, bị tàn tật hay bị giết chết." Sau ba tuần tường thuật từ Việt Nam, Jaffe đã rút ra quyết định cho chính mình: "Tôi từ chối không trở lại Huế nữa."

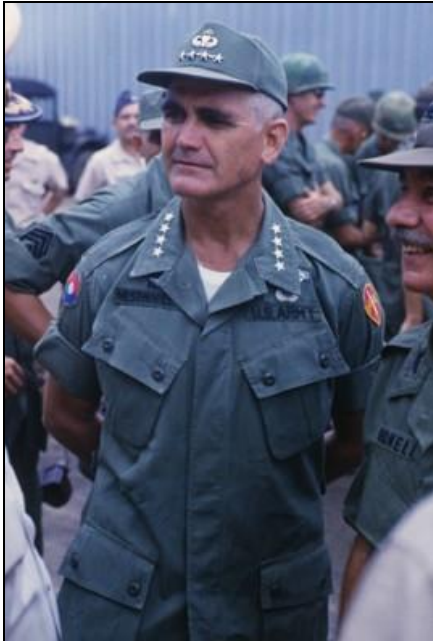
*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 13 / 1968*

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46093910.html>



## Con đường đi lên của Westmoreland

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 14 / 1968 (01/04/1968)



Tướng William C. ("Westy") Westmoreland. Ảnh: Wikipedia

Vào ngày đầu năm mới, ông ấy vẫn còn là người lạc quan. "Năm 1968", người lính Mỹ cao cấp nhất ở Việt Nam William C. ("Westy") Westmoreland dự đoán, "chúng ta có thể dự tính với những thành công lớn hơn nhiều so với năm vừa rồi." Ông ấy còn muốn gửi những người lính Mỹ đầu tiên từ Việt Nam trở về nhà trong năm 1969 nữa.

Tám tuần sau đó, sau đợt tấn công Tết mang tính hủy diệt của quân Đỏ, ông ấy nói về "một chiến bại quân sự" của địch thủ – và đồng thời yêu cầu thêm 206.000 quân lính.

Vào ngày thứ sáu trước nữa, Tổng Tư lệnh Lyndon B. Johnson của ông ấy quyết định không gửi cho ông 206.000 người lính mới, nhưng là một chức vụ mới: từ tháng 7 của năm nay, Westy sẽ là tham mưu trưởng của lực lượng trong Lầu Năm Góc.

Trên đỉnh cao đầu tiên của cuộc vận động bầu cử Mỹ, Johnson rút người đàn ông từ mặt trận về, người là hiện thân cho sự tham chiến của Mỹ và cho sự thất bại của Mỹ ở Việt Nam hơn bất cứ ai khác.

Khi Westmoreland nhận chức vụ của ông ấy năm 1964, người Việt còn chiến đấu chống người Việt và 16.500 người Mỹ thực hiện nhiệm vụ cố vấn của họ ở hậu phương. Bây giờ, khi Westmoreland đi, gần 600.000 người lính Mỹ đang chiến đấu ở Việt Nam – lực lượng quân đội Mỹ tiến hành một cuộc chiến tranh ở ngoài biên giới của Hoa Kỳ lớn thứ nhì từ trước tới nay – và chỉ một ít người Nam Việt Nam là còn chiến đấu. Phần lớn đứng nhìn người Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh của họ. Dưới Westmoreland, cuộc nội chiến đã trở thành một cuộc chiến tranh của Mỹ.

Westmoreland không tin vào những chiến thuật chiến đấu mới cho cuộc chiến tranh du kích trong rừng rậm.

Tuy là từ năm 1952 người Mỹ đào tạo cái được gọi là Special Forces cho chiến tranh du kích ở Fort Bragg, nơi chính Westmoreland đã từng là người chỉ huy của một đơn vị nhảy dù.

Nhưng Westy tin vào thuyết mà đã luôn luôn mang lại chiến thắng cho Hoa Kỳ tới lúc đó: dựa trên không quân, hỏa lực và ưu thế về vật chất.

Lính công binh Hoa Kỳ mang xe ủi đất vào trong rừng rậm; phi trường và căn cứ hình thành trong thời gian kỷ lục; cảng tàu thủy được xây dựng mới – cho sự tiếp tế khổng lồ mà đạo quân nửa triệu của Westy cần để chế ngự đối thủ, người mang đạn dược của mình đến trên lưng của những người phu khuân vác và xe đạp. Năm 1964, ở Nam Việt Nam có ba phi

trường cho máy bay phản lực, chẳng bao lâu sẽ là 14; ngày nay, máy bay vận tải lớn có thể đáp xuống 89 đường băng.

Hàng ngàn máy bay được chuyển đến Việt Nam hay đến các quốc gia bạn bè lân cận; gần hai triệu tấn bom rơi xuống Bắc và Nam Việt Nam – nhiều hơn là xuống châu Âu trong Thế chiến. Từ biển, các tàu chiến Hoa Kỳ nã một triệu lượt đạn cỡ lớn xuống kẻ địch vô hình. Trong vòng duy nhất có một năm, bộ binh đã tiêu phí 70.000 lựu đạn ném, một triệu đạn đại bác và 100 triệu phát đạn từ súng cá nhân.

Ngay đến từng quân Đỏ một cũng bị truy đuổi bằng trực thăng, bị bắn với hỏa tiễn và súng trên máy bay. Cho tới khi một du kích quân ngã xuống, trung bình phải bắn 20.000 phát đạn; một Việt Cộng chết, Lầu Năm Góc đã tính toán như thế, khiến cho Hoa Kỳ tiêu tốn gần 350.000 dollar – 1,4 triệu Mark.

Westmoreland đã ngăn chặn cuộc tiến quân của quân Đỏ như thế vào lúc đầu, nhưng rồi lại đưa ra khẩu lệnh đầy tai họa: "Search and Destroy", tìm và diệt – trên thực tế chỉ là một công thức khác cho chiến lược hao mòn kinh điển, làm cho đối thủ không còn có khả năng chiến đấu bằng cách gây tổn thất và qua đó chấp nhận hòa bình.

Khi quân địch – dù lực lượng có nhỏ cho đến đâu đi chăng nữa – được phát hiện ra bất kỳ ở đâu, máy bay ném bom Mỹ cũng tấn công, kỵ binh Hoa Kỳ xuất hành trong đội máy bay lên thẳng của họ – nhưng thường thì kẻ địch đã biến mất vào trong rừng rậm. Tất cả hỏa lực đều không đủ để vật đối thủ xuống, người phân tán ra trên khắp đất nước, có những con đường tiếp tế ngắn hơn rất nhiều và lúc nào cũng có thể lui về những nơi ẩn náu ở phía bên kia của biên giới Việt Nam.



Máy bay của Sư đoàn 1 Không Kỳ trong một chiến dịch tìm và diệt ở Bồng Sơn và An Lào. Ảnh: Patrick Christain / Getty Images

Khẩu lệnh chiến đấu "Tìm và Diệt" tan vỡ ra trong một thế tiến thoái lưỡng nan chiến lược:

Nếu người Mỹ thật sự muốn bảo vệ an toàn cho đất nước này, thì họ phải xây dựng pháo đài kiên cố tại một vài nơi như Cồn Thiên hay Khe Sanh. Lực lượng cần thiết cho việc đó lại thiếu cho "Tìm và Diệt".

"Nếu người Mỹ tập trung sức lực của họ vào việc ngăn chặn dòng chảy vũ khí và quân lính từ Bắc Việt Nam", có thể đọc được như thế trong một văn kiện tịch thu được của Bắc Việt năm 1967, "thì họ không thể giữ vững trận tuyến ở phía sau. Nhưng khi họ chống lại cuộc tiến

quân của người chúng ta trong miền Nam thì họ lại không có khả năng ngăn chặn tiếp tế từ Bắc Việt Nam."

Cuộc tấn công vào dịp Tết không chỉ ném lính Mỹ ra khỏi những vị trí được cho là an toàn cho tới lúc đó, nó cũng làm cho chiến lược chiến thắng của Westmoreland tiêu tan: lúc 40 trong số 90 tiểu đoàn chiến đấu của Hoa Kỳ đóng quân ở phía Bắc như là lực lượng chiến đấu dự bị, lúc phần lớn các lực lượng khác đang tìm du kích quân trong rừng rậm, thì người Cộng Sản xung phong vào trong các thành phố. Không phải quân du kích là nạn nhân của cách tiến hành chiến tranh Mỹ, mà chính là người Mỹ. Đồng bằng sông Cửu Long và nhiều phần đất đồng bằng rộng lớn khác đã bị mất. 14 sư đoàn Bắc Việt hoạt động trong Nam Việt Nam.

Nhưng tướng Westmoreland, mà lực lượng của ông ấy chỉ có thể giữ được Sài Gòn, Huế và Khe Sanh một cách chặt vật, vẫn còn yêu cầu: "Lực lượng đồng minh của chúng ta phải tìm kiếm quân địch, gìm chặt, chiến đấu, tiêu diệt và đồng thời bảo đảm sự an toàn cần thiết cho người dân."

Thật sự thì lực lượng đồng minh hầu như không thể tìm và diệt được nữa, mà chỉ còn quét và giữ (Clear and Hold).

Vào lúc trận tấn công dịp Tết bắt đầu, Johnson vẫn còn tin tưởng vào sự phán đoán của Westmoreland. Nhưng bây giờ, khi cơn bão Đỏ đã quét phẳng đi chương trình bình định có quy mô lớn và giật thế chủ động ra khỏi quân đội Hoa Kỳ, không thể không nhận thấy được sự thất bại của Westmoreland.

Thêm một lần nữa, Johnson đứng ra che chở cho người điều binh khiển tướng đang bị dồn ép của mình. Là người lính, ông ấy thích nhất là được Westmoreland dẫn đầu để tiến vào trận đánh, ngài Tổng Thống gọi to trong tháng 2 và phủ nhận tất cả các tin cho rằng ông ấy sẽ triệu hồi Westy.

Như vì giữ chặt vào vị tướng Việt Nam của mình đã mà chính Johnson đã lâm vào thế bí: ông ấy đã xiềng quá chặt thanh thế của mình vào cuộc chiến của Westmoreland.

"Tôi chỉ biết một con đường mà tướng Westmoreland có thể đi", trước đây vài tuần Johnson còn bảo vệ tướng Việt Nam của mình, "con đường đi lên". Thứ Sáu trước nữa, ông gửi người này đi lên con đường đấy. Tít của tờ "Saigon Daily News": "Westmoreland Kicked Upstairs" – Westmoreland bị đá lên trên.

Khi thông báo triệu hồi thống soái của mình, Johnson lôi ra khỏi túi một mảnh giấy đã nhàu nát với lời ghi chú chép tay của Robert McNamara. Trên đó, cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã đề nghị với Tổng Thống hãy thay thế Westmoreland và điều ông ấy về Washington – mười ngày trước khi cuộc tấn công vào dịp Tết bắt đầu.

Nước Mỹ cần phải tin rằng không phải Việt Cộng đã chiến thắng được vị tướng này.

## Còn phải đổ nhiều máu

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 16 / 1968 (15/04/1968)*

Năm mươi người thăm dò trong vòng ba năm đã không thể Việt Nam dẫn đến gần hòa bình thêm được một bước nào. Sau mỗi một cố gắng tiếp xúc bị thất bại giữa Washington và Hà Nội, cuộc đấu tranh lại quyết liệt hơn.



Tổng thống Johnson và tướng Westmoreland.

Trong vòng hai tuần vừa rồi, những người chiến đấu trong rừng rậm Hồ Chí Minh và Lyndon B. Johnson đã dò dẫm bước liền nhiều bước lại gần với nhau. Lần ngưng ném bom một phần của Johnson, lời yêu cầu đàm phán của ông ấy, cộng với lời tuyên bố từ bỏ không ra tranh cử, đã phá vỡ điều cấm kỵ; cả hai bên đều từ bỏ những vị trí "không thể nhượng bộ được" trước đó:

Hoa Kỳ chấm dứt cuộc chiến tranh ném bom xuống phần phía Bắc của

nước Cộng hòa đỏ mà không cần có những điều kiện tiên quyết – và qua đó đã từ bỏ lập trường đàm phán được Tổng thống Johnson tuyên bố trong mùa Thu vừa rồi ở San Antonio trong bang Texas. Hà Nội chấp nhận đàm phán – và qua đó đã rời bỏ chương trình bốn điểm của họ, cái yêu cầu chấm dứt ném bom không điều kiện và người Mỹ phải rút khỏi Việt Nam thì mới đàm phán.

Tuần vừa rồi, hai chính phủ, đã không nói chuyện với nhau ba năm trời, đã nhanh chóng đã bóng qua lại.

Sau khi Hà Nội đồng ý đàm phán, Johnson bổ nhiệm các nhà ngoại giao hàng đầu của mình Averell Harriman và người là đại sứ ở Moscow Llewellyn Thompson làm sứ giả hòa bình, nói sẽ gửi họ đến "bất cứ địa điểm nào", và hé lộ rằng ông ấy thích Genève nhất – nơi diễn ra Hội nghị Đông Dương năm 1954.

Hà Nội phản ứng với lời đề nghị tiến hành các tiếp xúc đầu tiên trên bình diện đại sứ quán. Pnom Penh là một nơi hội họp dễ chịu, thủ đô của láng giềng Việt Nam, Campuchia. Một làn sóng hân hoan vì hòa bình lan đi khắp nơi trên thế giới. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant, người cũng đã thất bại hàng chục lần trong việc làm trung gian cho Việt Nam, vui mừng: "Một bước tiến tích cực đầu tiên." Charles de Gaulle nhìn những lần tiếp xúc đầy như một "hành động của lý trí".

Nó là như thế – nhưng đến cùng với niềm hân hoan là tan vỡ ảo tưởng. Vì chẳng bao lâu sau đó người ta biết rõ rằng sẽ không có ngưng chiến ngay ngày mai ở Việt Nam, rằng sẵn sàng đối thoại chỉ là một bước đầu tiên trên một con đường nghìn dặm.

Trong khi số người dân ủng hộ Johnson tăng vọt từ 38 lên 57% sau lần loan báo hòa bình thì các thế lực đầy dã cát tiếng nói ở cả hai bên, các thế lực mà đối với họ, những người thăm dò hòa bình chỉ là một điều gây bực mình.

Các điều hâu Mỹ lo ngại Hoa Kỳ sẽ mất thanh thế ở châu Á và trên thế giới mà không bao giờ có thể bù đắp lại được. Tướng lĩnh Mỹ cảnh báo các hậu quả mang tính thảm họa cho tinh thần của các lực lượng chiến đấu. Họ không muốn yên lặng mặc nhận rằng các chính trị gia chấp nhận cuộc chiến tranh hao mòn không có kết quả trong rừng rậm này là chiến bại đầu tiên của quân đội Mỹ trong lịch sử quốc gia.

Giới tướng lĩnh cầm quyền của Nam Việt Nam hô hào phản bội to tiếng nhất. Chính phủ quân đội dựa trên lưỡi lê Mỹ ở Sài Gòn lo sợ bị người Mỹ bán đứng. Mỗi ngày nhiều lần, đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker đến gặp tổng thống – tướng Thiệu của Nam Việt Nam để giải thích các kế hoạch của Johnson cho ông ấy. Ông không thể trấn an được ông ấy, nhất là khi Thiệu phải chấp nhận cay đắng đến hai lần, vì Johnson đã không hội ý ông ấy.

Tướng lĩnh Sài Gòn cũng có cảm giác bị kẻ địch lừa bịp trong chính đất nước của mình. Ở lần ngưng ném bom của Johnson, đầu tiên là họ đã nghĩ đến một mưu mẹo tuyên truyền. Khi họ nhận ra tính nghiêm chỉnh của lời đề nghị qua lời tuyên bố từ bỏ của Tổng thống Mỹ, họ hy vọng vào sự ngoan cố của những người đồng hương Cộng Sản của họ ở phương Bắc. Nhưng khi Hà Nội nhanh chóng đổi hướng thì một bộ trưởng ở Sài Gòn đã kêu lên: "Họ điên rồi à, những người miền Bắc ấy? Tại sao họ lại phải vội đến thế?"

Bây giờ, sự chống đối của giới quân đội Sài Gòn tập trung vào việc xây tường ngăn chặn cái giải pháp thỏa hiệp đầy, cái dường như là giải pháp có thể duy nhất: Mặt trận Dân tộc Giải phóng tham gia vào trong một chính phủ liên minh ở Nam Việt Nam.

Tổng thống Thiệu cương quyết từ chối một thỏa hiệp như thế. Phó của ông ấy, Kỳ, lần đầu tiên đoàn kết với ông ấy, to tiếng: "Nếu như đã đến lúc chúng ta phải chấp nhận một chính phủ liên minh dưới sự ép buộc của Mỹ và vì vậy mà từ bỏ đất nước, thì tốt hơn là hãy mất nó trong chiến đấu."

Nhưng cả Mặt trận Giải phóng cũng không hứng thú – vì cho tới nay người ta không bàn đến sự tham gia của họ vào trong các cuộc nói chuyện giữa Hà Nội và Washington.

Trước lần đầu hàng của thế lực bảo vệ to lớn, sự run rẩy cũng len lỏi vào trong các đồng minh châu Á còn lại của Mỹ. Tổng thống Hàn Quốc Park yêu cầu hội ý với Johnson, thủ tướng Thái, thống chế Kittikachorn cảnh báo: "Nếu bây giờ Hoa Kỳ thay đổi chính sách của mình ở châu Á thì sẽ không còn ai tin tưởng họ nữa."

Người Trung Quốc đồ thì lộ rõ vẻ thù địch, những người trước nay bao giờ cũng muốn chiến đấu ở Việt Nam cho tới người Việt Nam cuối cùng. Họ cảnh báo Hà Nội trước "những mưu mẹo của tên bịp bợm Johnson", yêu cầu chiến đấu tới cùng và đe dọa cắt tiếp tế cho các đồng chí muốn thỏa hiệp.

Không chỉ những kẻ phá hoại ở cả hai bên, cả những mục đích đàm phán trái ngược nhau của các bên cũng để cho người ta lo ngại rằng sẽ còn đổ nhiều máu nữa ở Việt Nam.



Người Mỹ cố cải thiện vị trí ban đầu của họ bằng cách dùng những lời nói hùng hồn để che đậy kết quả buồn thảm của lần kiểm kê sự việc Việt Nam. Tổng thống Johnson tuyên bố vào thứ hai vừa rồi sau một cuộc trao đổi với viên tổng tư lệnh Việt Nam tạm thời của mình, Westmoreland: "Chúng ta đã giành trở lại được thế chủ động." Westy khoe khoang như thường lệ: "Về mặt quân sự, chúng ta chưa bao giờ ở trong tình thế tốt hơn."

Bắc Việt Nam thì lại cho rằng Mỹ chỉ muốn thương lượng vì đã thua cuộc rồi. Hà Nội hướng đến giải pháp cực đại: thống nhất Việt Nam dưới lá cờ đỏ.

Đầu tiên, Hồ cũng hoàn toàn không muốn nói về hòa bình. Hơn thế, những người đàm phán của Hoa Kỳ, theo như Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trinh, cần phải giải thích trong lần gặp gỡ đầu tiên rằng "khi nào thì chấm dứt vô điều kiện tất cả các cuộc ném bom và tất cả các hành động chiến tranh chống nước Cộng hòa Nhân dân Việt Nam."

Và theo ý muốn của quân Đỏ thì họ cần nên làm điều này ở Pnom Penh. Người Bắc Việt Nam không muốn đến Genève, vì nó nằm cách bộ chỉ huy ở quê hương quá xa.

Pnom Penh thì lại không thích hợp cho người Mỹ từ nhiều lý do khác nhau: thủ đô của Campuchia chỉ có đường dây điện thoại quốc tế mỗi ngày một giờ đồng hồ, và cũng chỉ từ thứ hai cho tới thứ sáu, điện tín của nó chỉ kêu lạch cạch 18 tiếng một ngày. Hoa Kỳ đã đóng cửa đại sứ quán của họ ở Pnom Penh trước đây ba năm trong một cơn giận dữ. Nhưng vì có cảm giác bị ràng buộc vào lời nói của Johnson, đàm phán ở "bất cứ nơi đâu", nên họ đã đề nghị thủ đô Vientiane của Lào như là một thỏa hiệp – với một chi nhánh có nhiều nhân viên của mật vụ Hoa Kỳ.

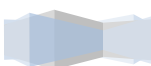
"Vì Chúa", một nhà cố vấn cho Johnson rên lên trước các nhà báo vào tuần rồi, "xin các anh hãy đừng kể lại cho người dân rằng hòa bình sẽ bùng phát ra ngay ngày mai."

Vẫn còn bắn nhau ở Việt Nam. Tuy 20.000 lính Hoa Kỳ, những người giải vây căn cứ Khe Sanh của Thủy Quân Lục Chiến sau 76 ngày bị bao vây, chỉ gặp phải sự chống cự tượng trưng của người Bắc Việt. Phần lớn các sư đoàn đỏ đã biến mất – nhưng không trở về Bắc Việt Nam, như sau này người ta biết được.

Quân Đỏ đã hành quân đến những vị trí khác mà từ đó họ đe dọa căn cứ Đà Nẵng và thành phố Huế đã bị phá hủy – những mục tiêu quan trọng hơn Khe Sanh rất nhiều.

Vì thế mà hầu như còn chưa nhìn thấy được một tia sáng hòa bình nào ở Việt Nam, nhưng hẳn là có thể cảm nhận được một linh tính cho sự chấm dứt: cuộc bùng nổ của những người hưởng lợi từ chiến tranh ở Sài Gòn chấm dứt một cách đột ngột, giá đất trong thành phố giảm 40%, chủ đồn điền và nhà máy bán đồ bán tháo sở hữu của họ: trong một nước Việt Nam đỏ, họ sẽ bị tước quyền sở hữu.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 16/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46050227.html>*



## Ở bất kỳ nơi nào và không ở đâu cả

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 17/1968 (22/04/1968)

Nghị sĩ Mỹ đề cho người ta làm nhục mình: họ mang cờ trắng trên đường đi qua vùng đất của quân địch, rồi họ ngồi trên những chiếc ghế mà quân Đỏ đã cưa ngắn đi trước đó cho hợp với kích thước của châu Á.



Trước vòng cuối. Ảnh biếm họa của tờ *Weltwoche*, số 17 / 1968.

Đó là năm 1951 ở Kaesong, khi người Mỹ, người Trung Quốc và Bắc Triều Tiên lần đầu tiên thương lượng về việc bắt đầu đàm phán để chấm dứt cuộc Chiến tranh Triều Tiên.

17 năm sau Kaesong, lại vướng vào trong một cuộc chiến tranh tâm lý với người châu Á, người Mỹ không muốn bị hạ nhục một lần thứ nhì. "Chúng ta sẽ không đi đến bất cứ nơi nào và gơ một lá cờ trắng tượng trưng", một phát ngôn của Tòa Nhà Trắng tuyên bố.

Tuy Lyndon Johnson luôn luôn quả quyết trong những tháng vừa qua, ông ấy sẵn sàng nói chuyện với Bắc Việt Nam về hòa bình ở Đông Nam Á "ở bất kỳ nơi nào và vào mọi thời điểm".

Nhưng bây giờ khi Hà Nội đề nghị đàm phán về những cuộc đàm phán ở trong thủ đô Phnom Penh của Campuchia hay ở Warszawa thì mới lộ ra rằng với "ở bất kỳ nơi nào", ông ấy hoàn toàn không có ý là "ở bất kỳ nơi nào".

Người Mỹ từ chối – không chỉ từ nỗi lo sợ trước một Kaesong thứ nhì:

Washington nhất quyết đòi hỏi một nơi hội họp mà những người đàm phán của Hoa Kỳ (và nhà báo Hoa Kỳ) tự do đi lại và gửi những bức điện tín của họ ở phía sau bức tường của một Đại sứ quán Hoa Kỳ hoàn toàn không có tình báo của đối phương. Điều đây là không thể ở Pnom Penh – vì Hoa Kỳ không có quan hệ ngoại giao với Campuchia.

Washington bị đồng minh của mình, trước hết là Nam Việt Nam và Hàn Quốc, thúc ép, rằng chỉ chấp nhận một nơi hội họp mà cả họ cũng có đại diện ngoại giao. Warszawa không phải là một trường hợp như vậy (nơi duy nhất mà người Mỹ và người Trung Quốc đã nói chuyện với nhau), vì Ba Lan không có quan hệ ngoại giao với cả hai nước đó.

Để thay thế, người Mỹ đề nghị Genève hay các thủ đô ở châu Á Vientiane (Lào), Rangoon (Miến Điện), Jakarta (Indonesia) và New-Delhi (Ấn Độ).

Nhưng người Việt Nam không muốn thế: Hà Nội liên kết Genève với những hồi tưởng đen tối như người Mỹ với Kaesong: từ lần chia cắt được quyết định ở Genève năm 1954, Hồ Chí Minh có cảm giác bị cuốn mất lần chiến thắng người Pháp của mình.

Hà Nội bị các đồng minh Trung Quốc đổ của họ gây áp lực, chỉ gửi đại diện của mình, nếu như nói chung là có gửi đi, đến một nước châu Á mà Bắc Kinh có quan hệ tốt với nước đó. Đây không phải là Lào mà cũng không phải là Miến Điện, không phải Indonesia mà cũng không phải là Ấn Độ.

Kết quả của cuộc giằng co về nơi hội họp: trong vòng mười hai ngày, các đại sứ của Washington và Hà Nội ở Lào trao đổi tám ghi chú về hội nghị và nơi họp, nhưng họ không tìm được một thỏa hiệp.

Thay vào đó, cả hai bên đẩy giá cho các cuộc đàm phán lên cao, bước đi bên cạnh "con đường ngoại giao là cả con đường của sự sẵn sàng về quân sự" (Johnson).

Tổng thống Mỹ nhượng bộ trước áp lực của các điều hâu Rusk, Westmoreland, Bunker và Rostow của mình, những người quả quyết với ông ấy rằng trong thời điểm này, chống lại những người Cộng Sản đã bị tổn thương bằng các phương tiện quân sự sẽ đạt được nhiều thành công hơn là với những cuộc đàm phán kéo dài.

Khúc mở màn hòa bình của Lyndon Johnson trong ngày 31 tháng 3 – liên kết với việc ông ấy từ bỏ ra ứng cử thêm một lần nữa – còn chưa tắt tiếng thì

Người Mỹ đã giải vây cho căn cứ Khe Sanh

Hơn 100.000 quân lính đồng minh bắt đầu chiến dịch "Toàn Thắng"

Phi công Mỹ thực hiện những cuộc công kích lớn nhất kể từ ba tháng nay ở Bắc Việt Nam. Ở Khe Sanh, nơi 80.000 tấn bom đã rơi xuống trong lúc bị bao vây, lính Mỹ hầu như không gặp phải kháng cự: đối thủ đã rút lui từ trước. Phi công trực thăng sẵn lòng từng người trốn chạy riêng lẻ một. Một thiếu úy pháo binh dùng một đại bác 105 milimét bắn 120 phát đạn vào một Việt Cộng.



Trong chiến dịch "Toàn Thắng", quân đội Mỹ, Nam Việt, New Zealand và Úc tỏa ra trong mười một tỉnh – và họ cũng chiến thắng: đối thủ đã rút lui kịp thời.



Chiến dịch Toàn Thắng II (bảo vệ Sài Gòn): một chiếc trực thăng UH-1D đang đợi chỉ huy của Đại đội D, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 12, Lữ đoàn Bộ binh nhẹ 199, để đến vùng hành quân. Ảnh: Lawrence J. Sullivan, tháng 10/1968, Vietnam Center Archiv.

Trong cuộc chiến trên không, máy bay Mỹ bay cho tới 143 phi vụ một ngày và ném bom đất nước này giữa vùng phi quân sự và vĩ tuyến 19. Tàu tuần dương "St. Paul" bắn từ biển. Thế nhưng cả bom lẫn pháo chiến hạm đều không thể ngăn chặn được cuộc tiếp tế của quân Đờ.

Qua đường mòn Hồ Chí Minh, người Bắc Việt đưa lính mới và vũ khí vào miền Nam. Ở đây, nơi người Mỹ vừa giải thoát cho 6000 người bị bao vây một vài ngày trước đó – ở Khe Sanh – lại có tử vong mới: vào ngày thứ ba tuần rồi, 19 người Mỹ chết, 56 bị thương và 14 còn được xem là mất tích.

Cả ở bên ngoài biên giới Nam Việt Nam, các lực lượng đờ cũng chuẩn bị cho một lần tấn công mới – lần này, như người Mỹ lo ngại, là chống lại Lào: họ bao vây hai thành phố Lào, tấn công quân đội Lào và còn chuyển cả vũ khí hạng nặng sang Lào, trong đó có hỏa tiễn 140 milimét, súng cối 120 milimét và pháo chống tăng.

Thêm vào đó, người Bắc Việt tăng cường lực lượng phòng không của họ: chỉ trong vòng vài giờ, họ đã bắn rơi bốn máy bay phản lực của Hoa Kỳ; thường họ chào đón những người tấn công với hàng rào phòng không.

Trong lúc đấy, Lyndon Johnson – bị thúc ép bởi phe điều hâu ở quê nhà và phe điều hâu trong phái đồng minh – cố gắng không rơi ra khỏi vai trò là tổng thống hòa bình mặc dù tăng cường sử dụng vật chất Mỹ: ở Honolulu, ông ấy cố gắng chặn bị tinh thần cho giới quân đội và đồng minh cứng rắn nhất của ông ấy, tổng thống Hàn Quốc Park, cho hòa bình.

Ông đã cho Park và mười một cố vấn của ông ấy – hình thức xoa dịu quen thuộc của Johnson – bay đến bằng một chiếc chuyên cơ của Hoa Kỳ. Thế nhưng người Hàn Quốc đấy vẫn cứng rắn: ông ấy chỉ ra đi sau khi Johnson bảo đảm với ông ấy rằng sẽ không đưa ra quyết định nào mà không hỏi ý kiến người Hàn Quốc.

Tổng thống Mỹ hoài công kêu gọi Hà Nội thêm một lần nữa, cuối cùng rồi cũng hãy chấp nhận một trong những đề nghị của Mỹ.

Để dồn ép người Bắc Việt, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Rusk mở rộng quyền danh mục những nơi hội họp của Mỹ thêm mười nước nữa, những nước mà trong đó có thể tiến hành các cuộc trao đổi đầu tiên: Ceylon, Nhật, Afghanistan, Pakistan, Nepal, Malaysia, Ý, Bỉ, Phần Lan và Áo. Paris và Budapest đề nghị được phục vụ, và cựu Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nam Việt Nam Trần Ngọc Ninh đề nghị như một sự thỏa hiệp, rằng người ta cứ đơn giản là hãy đàm phán ở vùng phi quân sự.

Thế nhưng người Cộng Sản đầu tiên chỉ trả lời qua cơ quan của Đảng, tờ "Nhân Dân": "Chúng ta yêu cầu thêm một lần nữa, rằng chính phủ Mỹ ... đồng ý bắt đầu các cuộc họp tại Pnom Penh hay Warszawa ngay lập tức."

Dur luận thế giới, tờ báo chế nhạo, sẽ bắt buộc người Mỹ đi đến bàn đàm phán. Vì theo Johnson, để đàm phán người ta chỉ cần "một căn phòng, một cái bàn và một nhóm người sẵn sàng nói chuyện với nhau trong sự tôn trọng."

"Chính phủ Johnson", nhà báo Hoa Kỳ nổi tiếng James Resten bình luận về tính không linh hoạt của người Mỹ, "một lần nữa lại gặp phải khó khăn – chỉ vì họ có khuynh hướng hứa nhiều hơn là họ muốn giữ lời."

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 17/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46106847.html>*



## Quyền lực và đạo đức

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 19 / 1968 (06/05/1968)

Không phải ở trong một góc của ở châu Á, không phải ở trong một thành trì của Cộng Sản, không phải trên một chiếc tàu của Indonesia, mà người Mỹ và người Á muốn gọi hồn về – đàm phán về lần bắt đầu của sự kết thúc Chiến tranh Việt Nam – ở Paris văn minh, rực rỡ, khoa trương.



Châu Âu, bị đẩy vào trong bóng tối, không còn thích hợp như là sân khấu cho chiến tranh nữa và chỉ vừa đủ để là nơi chốn cho hòa bình, được lựa chọn để điều chỉnh lại lý trí của thế giới này. Nó đã rơi ra khỏi khuôn khổ của nó rồi.

Nước Mỹ hãnh diện, hùng cường, chính trực đã hao mòn quyền lực và đạo đức trong cuộc chiến tranh chống lại một dân tộc bé nhỏ 16 triệu dân, để chết 21.000 người của mình và không biết bao nhiêu ngàn người xa lạ, ném bom và napalm và tuy vậy vẫn không chiến thắng.

20.000 viên đạn và 350.000 dollar đây, cái giá mà người Mỹ phải trả cho mỗi một người Việt Cộng bị giết chết, việc ngại ngùng đếm xác của những người bị giết chết một cách vô lương tâm đây đã làm biến dạng hình ảnh của nước Mỹ. 3600 chiếc máy bay bị bắn rơi đây, những chiếc B-52 tám động cơ đây, 600.000 người lính không có thành công đây đã làm biến dạng khái niệm về sức mạnh của Mỹ.

Thế lực đứng đầu của thế giới Phương Tây không còn khả năng thực hiện chức năng giữ trật tự của nó nữa, ở quê hương cũng như ở nước ngoài. Sau bốn năm ném bom và tuyên bố chiến thắng, một Tổng thống Johnson tuyệt vọng đã bắt đầu rút lui vào ngày 31 tháng 3. Ông ấy giới hạn cuộc chiến.

70

Bốn tuần liền, các đối thủ vật lộn với nhau vì địa điểm và thời gian bắt đầu đàm phán và tăng cảnh địa ngục lên một lần nữa, để đẩy giá lên: trong tháng 4, không lực Mỹ bay tấn công phần phía Nam của Bắc Việt Nam nhiều hơn là trong tháng 3 trên toàn Việt Nam. Nhưng trong một

Phan Ba | <http://phanba.wordpress.com>

ngày duy nhất, địch thủ đã bắn hạ 17 chiếc máy bay trực thăng Mỹ và lại siết chặt Sài Gòn thủ đô của Nam Việt Nam.

Từ đầu tháng 4, người Mỹ và người Việt thương lượng trong thủ đô Lào Vientiane. Thế rồi vào thứ sáu vừa rồi, vào khoảng 14 giờ Giờ chuẩn Trung Âu, Đài phát thanh Hà Nội loan báo, rằng Bắc Việt Nam đề nghị khởi đầu đàm phán sơ bộ tại Paris cho ngày 10 tháng 5 "hay một vài ngày sau đó". Một giờ sau đấy, Tổng thống Johnson tuyên bố sự "có thể chấp nhận được" của ông ấy cho "bước tiến đầu tiên" này.

Tuy vậy: "Còn nhiều nguy hiểm và khó khăn đứng trước chúng ta." Ở bao nhiêu thói quen như thế thì các khẩu đại bác tự chúng sẽ nổ súng.

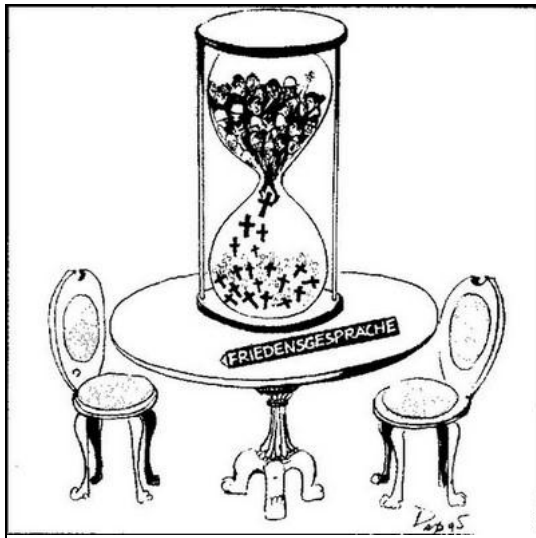
Phan Ba dịch từ Der Spiegel 19 / 1968:

<http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46039904.html>



## Cuộc chiến nhỏ của người Bắc Việt ở Paris

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 20/1968 (13/05/1968)



Đàm phán hòa bình. Ảnh: The Guardian

Trong "thủ đô của hòa bình" (theo Ngoại trưởng Pháp Couve de Murville về thành phố Paris của nước Pháp) đã có cãi nhau trước khi người ta bàn về hòa bình,

21 người đàn ông và hai phụ nữ từ Bắc Việt Nam, nhóm tiên phong cho các đàm phán về đàm phán, bắt đầu một cuộc chiến tranh nhỏ – không phải chống lại các đối thủ của họ từ Hoa Kỳ, mà chống lại chủ nhà người Pháp của họ.

Khách sạn "Lutetia" ở bờ trái sông Seine trong Khu phố La tinh không đủ sang trọng cho họ: một khi người Mỹ đã vào ở trong "Crillon" của những người nổi tiếng cạnh Place de la Concorde thì

người Bắc Việt Nam muốn ít nhất là một lâu đài nhỏ hay một ngôi nhà sang trọng cho họ.

Và đối với người Việt, "Trung tâm Hội nghị Quốc tế" ở góc đường Avenue Kleber và Avenue des Portugais – khách sạn "Majestic" trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai là tổng hành dinh của Gestapo [Mật vụ Đức] ở Pháp – không đủ đồ sộ để là khung cảnh cho các cuộc đàm phán. Nếu như họ phải ngồi vào cùng bàn với người Mỹ thì ít nhất là nó phải nằm trong một tòa nhà mang tính lịch sử nhiều hơn nữa.

Kỹ thuật viên người Mỹ bận rộn dựng một trung tâm thông tin với máy tính, dàn máy cho phiên dịch dịch đuôi và điện thoại trắng về Tòa Nhà Trắng. Trong lúc đó thì người Việt – với phát ngôn viên báo chí riêng của mình – dựng hình ảnh của mình lên.

Họ muốn tạo một bầu không khí xứng đáng từ trước hội nghị, để chứng minh cho mình và cho cả thế giới rằng về mặt ngoại giao, họ cũng ngang hàng với gã khổng lồ Mỹ, người đã không thể vật ngã họ trên chiến trường.

Họ chưa bao giờ thành công với một sự tự xác nhận mình về mặt ngoại giao như thế. Còn ngược lại nữa: từ hơn hai mươi năm nay, Hồ Chí Minh của Hà Nội đã phải chịu đựng lần chần thương vì đã thua mất trên bàn đàm phán những gì mà ông ấy đã thắng được trên chiến trường, hay là đã bị các đối thủ chơi xỏ.

Ví dụ như Hồ đã tự đi đến Pháp trong tháng 6 năm 1946 để thương lượng ở Fontainebleau về việc công nhận một nhà nước Việt Nam độc lập. Thế nhưng các cuộc đàm phán thất bại – và chẳng bao lâu sau đó, nước Pháp đã gửi quân đội đến để chống du kích Việt Minh của Hồ.

Binh lính Pháp hy sinh, tinh thần chiến đấu của Pháp đã biến mất trước khi Điện Biên Phủ thất thủ, thuộc địa của Pháp tan vỡ – nhưng người trả giá lại là Hồ.



Tại Hội nghị Đông Dương Genève năm 1954, nước Pháp thua trận vượt mặt người chiến thắng và thống nhất với người anh cả của nó: Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Kreml Molotov chấp nhận việc chia cắt Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Để đáp lại, Thủ tướng Pháp Mendès-France hứa hẹn sẽ bí mật phá hỏng hiệp định về Cộng đồng Phòng thủ châu Âu.

Khi cả thủ tướng Chu Ân Lai của Bắc Kinh cũng chấp thuận vụ mua bán đậy và từ chối giúp các du kích của Hồ, người đại diện của Hà Nội, thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày nay, tức sùi bọt mép – nhưng ông ấy đã ký.

Vì chậm lăm lăm là trong hai năm tới, trông có vẻ như vậy, Việt Nam trước sau gì cũng thuộc về Bắc Hồ: Hiệp định Genève yêu cầu bầu cử tự do cho tới tháng 7 năm 1956. Nhưng khi thời hạn cuối cùng đến, Hồ Chí Minh đứng đấy một mình: cả Xô Viết lẫn người Trung Quốc đều không yêu cầu thực hiện hiệp định.



Averell Harriman (trái) đến Trung tâm Hội nghị Quốc tế ở Avenue Kleber vào ngày 13 tháng 5 năm 1968. Ảnh: Corbis.

"Hồ Chí Minh và người của ông ấy", nhà báo Mỹ Stanley Karnov đã phán xét như thế, "có thể khẳng định rất đúng, rằng họ ... đã bị người Pháp, người Anh, người Nga và người Trung Quốc đồ đánh lừa."

Hồ không muốn bị người Mỹ "đánh lừa". Vì thế mà trong cùng thời gian đó, khi đội đàm phán tiên phong của ông ấy mở đầu một cuộc chiến nhỏ ở Paris vì các nghi lễ và dinh thự hào nhoáng, ông ấy đã đẩy cái giá lên cao hơn nữa – qua một trận đánh vào Nam Việt Nam.

Với chiến dịch "Toàn Thắng", người Mỹ và đồng minh của họ được cho là đã quét sạch du kích ra khỏi vùng quanh Sài Gòn trước đây bốn tuần (SPIEGEL 17/1968). Bây giờ, khi Xuân Thủy, người đàm phán của Hà Nội đang trên đường đến Paris qua Moscow, "Toàn Thắng" hiện hình ra như là một sự phá sản toàn bộ.

Hàng ngàn người lính Bắc Việt và du kích Việt Cộng đã thâm nhập vào thủ đô Nam Việt Nam, treo lá cờ cách mạng lên trong khu phố người Hoa Chợ Lớn, bắn mở đường vào đến gần trung tâm thành phố – được cổ vũ bởi Đài phát thanh Hà Nội: "Đừng sợ hy sinh! Tiêu diệt càng nhiều quân Mỹ càng tốt để chúng ta toàn thắng ở miền Nam!"

Những phát đạn đó không trúng người Mỹ: bốn nhà báo từ Úc và Anh bị bắn chết trên xe Jeep của họ, một đội hành hình của Việt Cộng đã giết chết bí thư thứ nhất của Đại sứ quán Đức, Hasso Freiherr Rüdiger von Collenberg.

Đại sứ Đức cho một phần ba nhân viên sứ quán bay về Bangkok, Bonn triệu hồi qua điện thoại ba người thầy dạy nghề đang công tác ở Sài Gòn về trở lại Cộng hòa Liên bang [Đức].

Lần di tản được giữ bí mật, vì theo như tiến sĩ Werner Müller, phát ngôn viên của Bộ Hợp tác Kinh tế Liên bang: "Chúng tôi phải lo ngại rằng người Việt Cộng, ngay khi biết được ý định này, sẽ thâm nhập vào nhà của những người Đức vào ban đêm và lại gây ra một cuộc thảm sát mới."

2000 lính Mỹ được cử để chiếm lại cây Cầu chữ Y ở Sài Gòn; ba trực thăng Mỹ bắn 21 hỏa tiễn vào một ngôi nhà duy nhất, để triệt hạ hai người bắn tỉa. Các chiến binh đổ lại chứng minh thêm một lần nữa, rằng họ có thể giành lấy thế chủ động vào bất cứ lúc nào tại bất kỳ địa điểm nào.

"Đường lối chiến tranh của Mỹ", phái viên của Hồ, Xuân Thủy, khoe khoang lúc đến Paris, "ngày càng phải gánh chịu những thất bại nặng nề hơn." Chỉ vì thế mà Washington mới sẵn sàng bắt đầu đàm phán sơ bộ.

Khi Xuân Thủy gặp người đàm phán phía Mỹ Averell Harriman, 76 tuổi, thì các lực lượng Đỏ đang tiến quân, lộn xộn đang thống trị trong thủ đô Sài Gòn, nên ông ấy đã có thể đàm phán từ thế mạnh.

Do vậy mà quân Đỏ đã sẵn sàng thỏa hiệp trong cuộc chiến tranh nhỏ: họ chấp nhận nguyên khách sạn Majestic là nơi hội họp và vẫn ở trong khách sạn Lutetia.

Và trước những người chủ nhà mà lính của họ đã hy sinh trong rừng rậm của Việt Nam năm 1954, những người châu Á đã cúi mình chào. Chính nước Pháp đây, nước thời trước đã bắt đầu cuộc chiến ở Việt Nam, được Xuân Thủy ca ngợi như là nơi chôn của một "truyền thống vinh quang trong cuộc đấu tranh cho độc lập, dân chủ và hữu nghị giữa các dân tộc".

Phan Ba dịch từ Der Spiegel 20/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46034519.html>

## Những tiếng hô Hồ Chí Minh

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 21/1968 (20/05/1968)*

Đêm Paris chấm dứt với âm thanh đing tai cho những người đàm phán của Hà Nội. Mỗi ngày vào lúc 7 giờ 30, đồng hồ báo thức của họ reo vang lên trong tầng một của khách "Lutetia".

35 nhà ngoại giao của Hồ Chí Minh, những người muốn giành lấy chiến thắng-hòa bình cho nước Cộng hòa của họ ở cạnh dòng sông Seine, luôn luôn cùng nhau ăn sáng. Trong phòng ăn "Babylone", họ đã thưởng thức croissant ngọt với đồ gia vị cay màu đỏ ngay từ ban sáng. Họ cùng nhau đọc báo quốc tế, rồi ông Nguyen Van Sao của họ mang giày sandal màu be đi vào vị trí của ông ấy. Được bao quanh bởi những đóa hoa layon và một bể cá vàng, người châu Á đứng từ chín đến mười hai giờ và từ 15 đến 18 giờ trong gian sảnh của khách sạn và tiếp – lúc nào cũng lần lượt – các nhà báo. Ông ấy nói không nhiều, thường là "demain" [ngày mai], và mỉm cười.



"Tôi thương lượng từ thế mạnh..." Chicago Daily News. Ảnh biếm họa của báo Der Spiegel số 21/1968.

Náo động xung quanh ông ấy là những phụ nữ Mỹ đã luống tuổi với tóc nhuộm xanh – trong tuần vừa rồi lúc nào cũng có khoảng 80 công dân Hoa Kỳ sống chung với phái đoàn Hà Nội dưới một mái nhà.

Lần đầu tiên trong đời của bà ấy, nữ trưởng ban nghi lễ Bắc Việt, Vu Thi Dat, 43 tuổi, một trong hai phụ nữ của đoàn, đến Paris. Lần đầu tiên trong đời của bà ấy, bà ấy nhìn thấy người Mỹ bằng xương bằng thịt, và đối với bà ấy họ trông có vẻ thù hằn bất thường.

Chân mang sandal, một bao gạo ở thắt lưng, súng tự động trong tay, những người Cộng Sản của Việt Nam chống lại máy bay ném bom, pháo binh, hỏa tiễn từ trực thăng và xe tăng như thế qua tất cả những năm vừa rồi. David châu Á cuối cùng đã bắt buộc Goliath Mỹ đến bàn hội nghị Paris như thế.

Người Việt Nam đứng chống lại gã khổng lồ Mỹ ở cạnh sông Seine cũng khiêm tốn tương tự như thế. Người Việt Nam mượn "cho thời gian của các cuộc đàm phán hòa bình" 19 phòng cho 35 phái viên của họ. Người Việt Nam đi trong thủ đô Pháp bằng bảy chiếc xe Citroen DS 21 màu đen và một chiếc Peugeot, mỗi vài ngày trước khi phái đoàn đến, đại diện của họ mới mua ba chiếc xe; Bộ Ngoại giao Pháp cho họ mượn ba chiếc.

Người Mỹ có thể lựa chọn trong số 40 chiếc limousine của đại sứ quán họ – từ những lý do tế nhị mà phái đoàn Mỹ không dùng đến chiếc Cadillac của viên đại sứ. Trưởng đoàn đàm phán Harriman thường đến trong một chiếc Plymouth.

Hai máy điện báo liên kết Hà Nội với đại diện của Bắc Việt Nam ở Rue Leverrier, nơi có một đội ngũ bao gồm 20 người Việt Nam làm việc. Chỉ riêng cho phòng thông tin của sứ quán họ, người Mỹ đã có 60 người. Trong khi người Việt Nam còn dùng tay để sao lại một phần tài liệu tuyên truyền của họ thì các nhà ngoại giao Mỹ chờ bằng hai chuyến Boeing máy điện thoại, giàn máy thông dịch và máy tính đến Paris.

Đại sứ quán Mỹ thuê cho các nhà ngoại giao và nhà báo 80 phòng trong "Crillon" hạng sang, cách dinh đại sứ một trăm bước. Cùng với người dẫn đầu đàm phán Averell Harriman của họ, người sống trong phòng của nhà vua ở tầng ba, có 350 phóng viên Mỹ đến Paris, trong đó là ký giả nổi tiếng Walter Lippmann.

Bắc Việt Nam đến với sáu nhà báo – chỉ riêng công ty truyền hình Hoa Kỳ NBC đã cử đến 66 người.

Trong khi ông Nguyen Van Sao một mình đứng ra với các nhà báo, State Department mượn cho đoàn ký giả một gian sảnh được đèn treo chiếu sáng trong "Crillon" (tiền thuê cho một ngày: 800 Mark). Đôi lúc, cả trưởng đoàn đàm phán Harriman cũng đến phòng báo chí vào buổi tối và xem tin tức qua truyền hình.

Người Mỹ sẵn sàng chấp nhận những lời mời đến các buổi tiệc chiêu đãi, người Việt Nam kiêng cử xã hội. Chỉ sếp của phái đoàn Xuân Thủy là đi chào hỏi, ông ấy đến thăm đại sứ Sorin của Moscow, người đại diện cho Bắc Kinh Ji Su-Tchi cũng như sếp Đảng Cộng sản Pháp Waldeck Rochert. Giáo sư Hoa Kỳ Herbert Marcuse, người thầy của những sinh viên cách mạng, đến thăm người cộng sản đầy tại nơi ở của ông ấy.

Người Bắc Việt phản ứng lại các tường thuật, rằng họ không thích khách sạn trong Paris của họ, bằng một chiến dịch của phép lịch sự châu Á. Xuân Thủy mời giám đốc khách sạn Gabriel-Cassarini và trợ lý của ông ấy đến uống rượu sâm banh đàm đạo trong phòng 117. Trong lúc đó, phó của Thủy, đại tá Văn Lâu, đi vào bếp và ca ngợi bếp trưởng Landon.

Trong khi các thành viên của phái đoàn Mỹ nhấp sâm banh trong phòng nướng thịt của khách sạn họ, dùng buổi tối dưới ánh nến và hút xì gà Cuba bị đày ra khỏi Hoa Kỳ, người Việt Nam luôn luôn dùng buổi tối trong "Babylone", được che chắn khỏi giới công khai. Thức uống họ thích nhất: bia ướp lạnh.

Nhân viên hình sự Pháp bảo vệ tầng của họ, các phòng còn lại trên cùng hàng lang được bỏ trống. Trong lúc các người được họ bảo vệ đang thương lượng tại bàn đàm phán, những người cảnh sát hình sự đọc tiểu thuyết hình sự.

Trong những ngày đầu tiên họ đến Paris, người Việt Nam đã gửi hơi cay trong phòng của họ mặc cho mọi sự bảo vệ, nhưng hơi cay không phải là dành cho họ.

Các con đường quanh đó vang dội tiếng hét của giới trẻ đang phản đối, lựu đạn cay nổ giữa đó. Ở phía dưới các nhà ngoại giao của Hồ đang tò mò nhìn qua rèm cửa sổ, sinh viên Paris đang đánh nhau trên đường phố với cảnh sát Paris. Các sinh viên hô to tên Hồ Chí Minh.

Vào cuối tuần vừa rồi, trong khi những cơn bão chống đối mới đang đe dọa Paris và ngày càng có nhiều dân nhà báo tò mò tìm đến "Lutetia", người Việt Nam chạy trốn: họ thích sự yên tĩnh của một ngôi biệt thự ở ngoại ô hơn.

Phan Ba dịch từ Der Spiegel 21/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46050050.html>



## Thuyết dẫn đường sai lầm trong chính trị của Hoa Kỳ

### Phân tích Thuyết Domino

Donald Zagoria

Phan Ba dịch từ *Der Spiegel* 22/1968 (27.05.1968)



Các lý thuyết gia Domino: Eisenhower, Dulles. Ảnh: Der Spiegel

Từ thời Eisenhower, các chính phủ Hoa Kỳ đã biện hộ cho chính sách của Mỹ ở châu Á ngoài những việc khác là với Thuyết Domino. Toàn bộ Đông Nam Á, thuyết này nói như thế, sẽ rơi vào tay của Cộng Sản Trung Quốc nếu như Mỹ rút ra khỏi Việt Nam. Trong bài viết dưới đây, Donald S. Zagoria, giáo sư tại New York City University, phân tích Thuyết Domino đã từng được Ngoại trưởng Dulles của Eisenhower tuyên bố vào thời trước. Ông ấy đi đến kết luận, rằng không phải sự hiện diện của Mỹ ở Việt Nam quyết định cho việc những gì sẽ xảy ra ở Đông Nam Á; quyết định cho thành công của Cộng Sản trong từng quốc gia một trước hết là hoàn cảnh xã hội.

Từ gần hai thập niên nay, chính sách đối ngoại của Mỹ có trước hết là một mục đích: ngăn chặn Chủ nghĩa Cộng sản. Tất cả đều được hướng đến mục đích đó: giúp đỡ về quân sự và kinh tế của chúng ta, sự lựa chọn đồng minh của chúng ta và cả cam kết của chúng ta, chống lại Chủ nghĩa Cộng sản ở Việt Nam.

Hầu như lúc nào chính sách này cũng được biện hộ với cái được gọi là Thuyết Domino, lần đầu tiên được công bố bởi Tổng thống Eisenhower, cái từ Chiến tranh Triều Tiên luôn luôn là hòn đá thử vàng cho chính sách châu Á của chúng ta và cái cũng phục vụ cho chính phủ Johnson như là lý do cho hoạt động của chúng ta ở Việt Nam.

Sáng kiến hòa bình mới của Mỹ và quyết định gây xúc động sâu sắc của Tổng thống Johnson, không bước ra tái tranh cử, đã khiến cho việc kiểm nghiệm lý thuyết này trở nên hết sức cần thiết. Người ta phải xem xét xem nó dựa vào đâu, nhưng trước hết là nó đúng cho tới đâu và liệu nói chung là nó có đúng cho Việt Nam hay không.

Thuyết Domino đi từ những khẳng định sau đây, những cái phải được xem xét riêng biệt:

- Trung Quốc hướng đến địa vị thống trị ở châu Á, và mỗi một giải pháp cho Việt Nam, cái không phù hợp với ý tưởng của chính phủ Mỹ, sẽ khiến cho Trung Quốc dễ dàng đạt đến mục tiêu đó và những mục tiêu khác hơn;
- Một giải pháp như vậy sẽ làm suy yếu niềm tin tưởng của các đồng minh phi Cộng sản chúng ta, rằng nước Mỹ sẽ sẵn sàng bảo vệ họ.
- Một giải pháp như vậy sẽ làm tăng khả năng của những cuộc "chiến tranh giải phóng" Cộng sản khác.

Thế lực của Trung Quốc ở trong châu Á tất nhiên là phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác hơn là chỉ vào diễn tiến ở Việt Nam. Thuộc vào trong đó là:

- Khả năng của Trung Quốc, phát triển thành một quyền lực công nghiệp hiện đại trong tương lai gần;
- Khả năng của Trung Quốc, tạo ảnh hưởng đến chính sách đối nội và đối ngoại của các quốc gia châu Á ; lợi dụng các vụ việc và sự kình địch giữa các quốc gia châu Á; sự hiện diện của các cường quốc khác ở châu Á và
- Thành công của Trung Quốc trong phát triển vũ khí hạt nhân.

Trung Quốc vẫn còn xa mới là một quốc gia công nghiệp hiện đại. Có thể khẳng định rằng trong tương lai gần, Trung Quốc vẫn còn là một nước kém phát triển, dù xảy ra điều gì ở Việt Nam cũng vậy.

Không phụ thuộc vào kết cuộc của Chiến tranh Việt Nam, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ sẽ vẫn hiện diện ở châu Á – ngay khi có lẽ là trong một quy mô nhỏ hơn.



Lính Mỹ hy sinh ở Việt Nam. Ảnh: Der Spiegel

Và cho tới chừng nào mà Moscow và Bắc Kinh vẫn còn chia rẽ thì sự hiện diện của Liên bang Xô viết ở châu Á là có khả năng – và còn đáng mong đợi nữa.

Người ta chỉ cần nghĩ đến vai trò xây dựng của người Xô viết trong cố gắng giảng hòa Ấn Độ và Pakistan – một bước đi chống lại sự lan rộng của ảnh hưởng Trung Quốc ở Nam Á.

Thêm nữa, người ta hãy nghĩ đến kết quả quan trọng của hiệp định ngưng thù nghịch nguyên tử: việc Nga và Hoa Kỳ sẵn sàng cùng nhau ngăn chặn và trừng phạt một cuộc xâm lược của các cường quốc hạt nhân khác – như Trung Quốc – chống lại các nước phi hạt nhân.

Vì thế mà nhiều quốc gia châu Á nhìn nước Nga như là một đối trọng với Trung Quốc.

Cuối cùng thì không nên không nhìn thấy vai trò kinh tế và chính trị đang tăng lên của Nhật Bản trong Đông Nam Á và gắn liền với việc đẩy là tầm quan trọng cho sự ổn định của vùng này.

Tức nhìn chung, thế lực của Trung Quốc trong châu Á phụ thuộc vào các yếu tố như thế nhiều hơn là vào các sự kiện ở Việt Nam.

Một chính sách châu Á giàu sáng tạo của Mỹ phải cố gắng đặt giải pháp Việt Nam ở đầu của một chính sách giảm căng thẳng với Trung Quốc. Ngay khi giảm căng thẳng dưới thời cầm quyền của Mao là việc không thể đi chăng nữa, thì sẽ là khôn ngoan nếu như đưa ra các đề nghị ngay bây giờ, những cái mà những người kế nghiệp Mao có thể nắm lấy. Có một điều là chắc chắn: quan hệ của chúng ta với Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng đến sự phát triển của châu Á và trên thế giới nhiều hơn là kết cuộc của xung đột ở Việt Nam.

Lý lẽ thứ nhì của Thuyết Dominp nói rằng một giải pháp cho Việt Nam, một giải pháp mà có quan tâm đến các mục đích hiện nay của Mỹ, sẽ làm suy yếu đi niềm tin của các đồng minh ở châu Á chúng ta trong việc chúng ta sẵn sàng bảo vệ họ.

Vào đầu những năm 60, ý muốn bảo vệ người Á của Mỹ đã bị nghi ngờ trong nhiều phần của châu Á. Nhưng sau khi người Mỹ đóng hiện giờ là trên 500.000 quân ở Việt Nam và đầu tư hàng năm khoảng 30 tỉ dollar, thì ý muốn của người Mỹ không còn bị nghi ngờ nữa, mà là khả năng giúp đỡ của các chính phủ của Mỹ, các chính phủ mà không còn nhận được sự ủng hộ từ chính người dân của họ nữa.

Các chính phủ và người dân châu Á biết rằng giới lãnh đạo Nam Việt Nam đã thất bại và rằng việc đẩy không phải là vì người Mỹ thiếu quyết tâm. Bài học quan trọng nhất mà Nam Việt Nam đưa ra cho chúng ta là quyền lực của Mỹ không thể làm đầy một khoảng chân không chính trị, cái hình thành qua sự yếu kém của một giới tinh hoa châu Á.

Khi chúng ta bây giờ, vì tham gia vào ở Việt Nam đã quá nhiều, không thể đơn giản là xếp va li, biến mất và bỏ mặc những người Nam Việt Nam, những người đã chiến đấu cùng với chúng ta, mà phải ở lại để tạo những điều kiện tốt nhất có thể cho một giải pháp, thì qua đó chúng ta sẽ cho tất cả người châu Á thấy rõ rằng, nếu trong trường hợp Nam Việt Nam trở thành Cộng sản thì đây hoàn toàn không phải là vì sự thiếu quyết tâm của Mỹ.

Phần lớn lãnh tụ phi Cộng sản của châu Á không lo sợ một giải pháp cho xung đột ở Việt Nam mà hậu quả của nó là người Cộng sản có thể nắm lấy quyền lực. Họ lo sợ nhiều hơn thế là việc chúng ta từ thái cực này rơi sang thái cực khác, rằng tiếp theo sự tham chiến toàn bộ có thể là sự rút lui hoàn toàn ra khỏi vùng này.



Quan điểm này mới đây đã vang lên trong một bài diễn văn của Tổng thống Philippines Marcos. Marcos tuyên bố, một giải pháp ở Việt Nam mà không có nghĩa là hòa bình bằng mọi giá hay một đầu hàng hoàn toàn trước những người Cộng sản, thì sẽ không có ảnh hưởng nhiều lắm đến Philippines.

Phần thứ ba và là phần có hại nhất của Thuyết Domino cho rằng kết cuộc của cuộc xung đột ở Việt Nam sẽ quyết định chiến lược tương lai của Cộng Sản trong toàn châu Á. Tất nhiên là các đảng Cộng Sản trong toàn châu Á sẽ chăm chú theo dõi các phát triển ở Việt Nam và sẽ rút ra những kết luận nào đó. Nhưng kết cuộc ở Việt Nam sẽ không mang tính quyết định trong lúc các đảng Cộng Sản ở châu Á đưa ra chiến lược cho tương lai.



Người lính Việt Cộng, 1965. Ảnh: AP

Một vài đảng Cộng Sản châu Á, như ở Thái Lan và Miến Điện, ngay bây giờ đã áp dụng chiến thuật du kích – nhưng không có thành công lớn. Mặt khác, những người Cộng Sản ở Ấn Độ lại tham gia bầu cử quốc hội ở những tiểu bang nào đó với thành công đáng chú ý. Có nhiều khả năng, rằng trong bất cứ trường hợp nào thì kinh nghiệm trong đất nước của mình sẽ quyết định chiến lược tương lai của người Cộng Sản nhiều hơn là kết cuộc của cuộc chiến ở Việt Nam.

Ví dụ như người Huk [Hukbalahap, lực lượng quân đội của Đảng Cộng sản Philippines] lại xuất hiện ở vùng nông thôn trong miền Trung Luzon, và không phải vì những sự kiện ở Việt Nam mà là vì chính phủ Philippines không có khả năng giải quyết các vấn đề tô thuế và nợ nần ở nông thôn, những cái lâu nay đã trở nên gay gắt trong vùng này.

Ở Thái Lan, người Cộng Sản cố gắng trục lợi từ tình trạng tồi tệ của các dân tộc thiểu số. Tình hình ở Việt Nam không có ảnh hưởng đến những người Cộng Sản ở Ấn Độ, những người đang cố gắng lợi dụng sự thất bại của chính phủ Ấn Độ trong lúc hiện đại hóa đất nước.

Khuynh hướng của chúng ta, trong quá khứ đã xem Chủ nghĩa Cộng sản như là một liên minh đồng nhất, rất đáng tiếc là đã đặt dấu ấn lên các ý tưởng của chúng ta. Như là một quốc gia, chúng ta chưa rút ra được các kết luận đúng đắn, rằng tại sao một phong trào do Cộng sản lãnh đạo lại thành công ở Việt Nam, và trong lúc thực hiện một chính sách ngăn chặn trên toàn cầu, chúng ta không xử lý các tình thế hoàn toàn khác nhau một cách khác nhau, mà lại như nhau.

Không một nước châu Á nào khác có những điều kiện ban đầu như Việt Nam. Chỉ ở Việt Nam, một phong trào Cộng Sản mới có khả năng đứng đầu của một phong trào giải phóng dân tộc sau Đế nhị thế chiến.



Hồ Chí Minh. Ảnh: Der Spiegel

Không một nước nào khác của châu Á có một người lãnh tụ Cộng Sản như Hồ Chí Minh với thanh thế như một người anh hùng dân tộc vì thành tựu lịch sử độc nhất vô nhị của ông ấy.

Nhưng ngay cả với lợi thế đó, những người Cộng Sản ở miền Nam Việt Nam vẫn yếu và chia rẽ cho tới cuối những năm 50. Thế nhưng khi Tổng thống Diệm tự làm cho mình xa lạ với mọi khu vực quan trọng trong xã hội Việt Nam qua chính sách độc tài nghiêm khắc của ông ấy, Việt Cộng đã lợi dụng tình trạng kỳ lạ đó cho lợi thế của họ.

Còn hai sự việc khác, cũng mang tính quyết định nhưng không phù hợp với Thuyết Domino: sức thu hút của Chủ nghĩa Cộng sản và các tầng lớp xã hội mà những người theo nó xuất phát từ đấy.

Chủ nghĩa Cộng sản ở châu Á tương đối mạnh ở đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ hay ở những vùng đồng bằng cạnh bờ biển, có mật độ dân số cao, với một nền nông nghiệp cần nhiều lao động như trồng lúa hay mía, và với một con số lớn tá điền, công nhân đồn điền và địa chủ sống ở nước ngoài.

Chủ nghĩa Cộng sản châu Á và Chủ nghĩa Cộng sản trong nhiều vùng kém phát triển qua đó thường là phong trào của những người nông dân nghèo, công nhân đồn điền và những người tá điền bị bóc lột chống lại chủ của họ và chống lại các cơ quan nhà nước ở thành thị.

Tức là trong nhiều nước châu Á, cơ hội thành công của Chủ nghĩa Cộng sản phụ thuộc nhiều vào các điều kiện ở trong nước hơn là vào kết cuộc của cuộc Chiến tranh Việt Nam hay vào một xung đột tương tự nào đó ở nước ngoài. Nhưng trước hết là: Chủ nghĩa Cộng sản yếu ở khắp nơi trong châu Á ngoài Việt Nam.

Chúng ta hãy xem xét tình trạng của một vài Đảng Cộng sản ở Đông Nam Á. Chúng ta hãy bắt đầu với Thái Lan, nước rất thích hợp như là một ví dụ, vì người ta quả quyết rằng một thành công của Chủ nghĩa Cộng sản ở Việt Nam chắc chắn sẽ dẫn tới một thành công tương tự ở Thái Lan.h

Thật sự là lâu nay Chủ nghĩa Cộng sản ở Thái Lan rơi xuống một ảm ảnh đất không màu mỡ – trước hết là vì Thái Lan là nước duy nhất ở Đông Nam Á chưa từng là thuộc địa.

Vì thế nên Thái Lan không có một tầng lớp có học nhưng thất nghiệp và bất bình, tầng lớp thường dẫn đầu các phong trào Cộng sản trong các nước kém phát triển.

Trong Thái Lan cũng không có sự cùng khổ thật sự ở nông thôn, người nông dân không mắc nợ và không có mâu thuẫn giữa chủ đất và tá điền, cái ở nơi khác đã đẩy người nông dân đến với những người cộng sản. Vì thế mà Chủ nghĩa Cộng sản ở Thái Lan thiếu đầu và thân hình.

Tầm quan trọng của các yếu tố này trở nên đặc biệt rõ, khi người ta nghĩ đến nhiều tình trạng xã hội tồi tệ của những nhóm người dân tộc thiểu số, những cái mà người Cộng sản lợi dụng để lôi kéo:

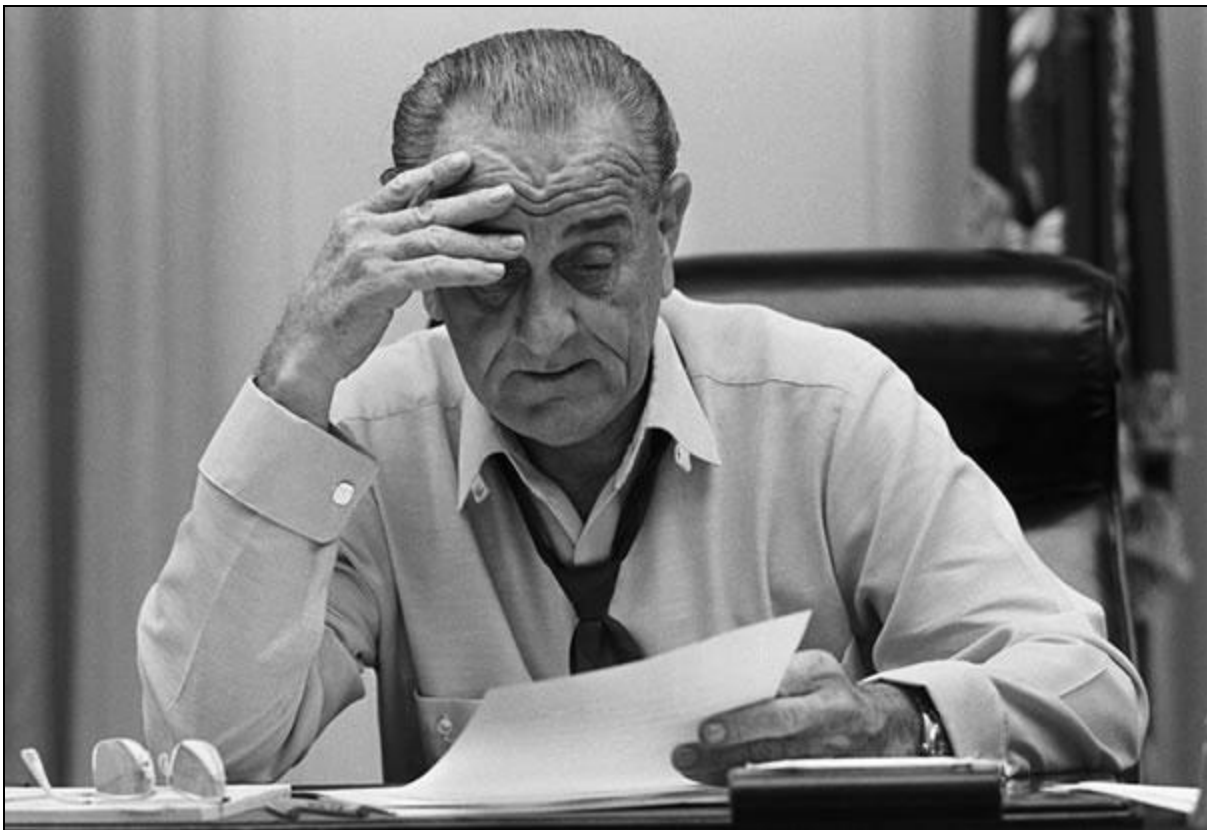
- Một nhóm thiểu số ở phía Đông Bắc của đất nước này, gần gũi với nước Lào láng giềng nhiều hơn là với trung tâm Thái Lan và nổi dậy chống lại sự khinh rẻ của chính phủ trung ương;
- Khoảng 40.000 người Việt tỵ nạn ở Đông Bắc Thái Lan, những người đã chạy tỵ nạn vào vùng này trong thời gian chiến tranh giữa Việt Minh và người Pháp và từ lúc đó bị đối xử như là người dân hạng nhì;
- Khoảng 250.000 người thuộc các bộ tộc trong những vùng đất mang tính chiến lược ở Bắc Thái Lan gần Trung Quốc, những người ít có tiếp xúc với chính phủ Thái Lan;
- Một con số người Hoa đáng kể, tập trung trong các vùng đô thị.

Với tất cả các tiềm năng đó, những người Cộng sản Thái Lan sau nhiều năm tuyên truyền và tổ chức chỉ huy động được một nhóm nòng cốt khoảng 1000 hay 1500 chiến binh ở miền Đông Bắc Thái Lan.

Nhưng Chủ nghĩa Cộng sản ở Thái Lan đã thất bại trong việc trở thành một lực lượng chính trị quốc gia mang tầm quan trọng. Liệu nó có tiếp tục phát triển và thành công hay không, điều này phụ thuộc phần lớn vào chính sách của chính phủ Thái Lan đối với những nhóm thiểu số của đất nước này. Một sự hiện diện quá mức của Mỹ ở Thái Lan cũng có thể là cơ sở cho những người Cộng sản Thái Lan huy động đến những lực lượng xem Hoa Kỳ như là cường quốc thuộc địa mới ở châu Á.

Ở Miến Điện, tuy các Đảng Cộng sản nằm trong bí mật và kinh địch với nhau ("Cờ Đỏ" và "Cờ Trắng") đã cố gắng dọn sân cho một cuộc "chiến tranh giải phóng" toàn bộ từ gần 20 năm nay. Nhưng cho tới nay thì họ vẫn thất bại.

Thất bại của Chủ nghĩa Cộng sản Miến Điện dựa trên hai yếu tố: họ không thành công cả trong việc nhận dạng mình với Chủ nghĩa Dân tộc ở Miến Điện lẫn thống nhất những nhóm người dân tộc thiểu số, những nhóm rõ ràng là đã nổi dậy chống chính phủ trung ương từ nhiều năm nay. Họ càng thất bại thì họ lại càng sử dụng khủng bố và bạo lực và qua đó chỉ càng tách rời ra xa khỏi dòng chảy chính của chính trị Miến Điện. Những người Cộng Sản Miến Điện đang đứng ở rìa của một thảm họa, mặc dù có sự giúp đỡ ra mặt của Bắc Kinh và mặc dù người Mỹ đã giảm cường độ hoạt động của họ ở Việt Nam.



Tổng thống Johnson. Ảnh: Der Spiegel

Ở Campuchia, cũng như ở Thái Lan, những người Cộng sản không thành công trong việc huy động nhóm dân tộc chính – người Campuchia, chiếm 85% dân số. Họ tập trung vào ba nhóm dân tộc thiểu số: khoảng 40.000 người Hoa, khoảng chừng ấy người Việt và khoảng 40.000 người thuộc các bộ tộc trên các vùng núi hẻo lánh.

Khả năng hoạt động lật đổ Campuchia bởi các nhóm thiểu số người Hoa và người Việt tuy là có, nhưng đã bị làm suy yếu đi nhiều bởi những tiền đề ở địa phương. Chủ nghĩa Cộng sản ở Campuchia tự thể hiện mình là một lực lượng xa lạ, khi được nhận dạng cùng với các thế lực ngoại quốc – người Hoa và người Việt –, cái không có khả năng bám rễ vào đa số người dân Campuchia.

Ngoài ra, hoàng tử Sihanouk đã thành công tốt đẹp trong việc tạo ra một cảm giác của sự nhận dạng quốc gia, cái không có ở Nam Việt Nam.

Duy nhất tình thế của Lào dường như là gắn bó chặt hơn với kết cuộc của xung đột ở Việt Nam. Nhiều phần đất rộng lớn của Lào đã bị người Cộng sản Lào kiểm soát, được người Bắc Việt trợ giúp.

Ở Malaysia, đặc biệt là trên Borneo, khả năng hoạt động lật đổ Cộng sản cũng bị giới hạn ở các cộng đồng người Hoa, đặc biệt là giới trẻ, cảm thấy bất bình vì sự phân biệt đối xử của số đông người Malaysia.

Đảng có định hướng Cộng sản ở Malaysia, từ khi bắt đầu tổ chức trong giới công nhân người Hoa ở Singapore và ở trong các bang của Malaysia vào cuối những năm 20, bao gồm chủ yếu là người Hoa. Trong vùng Sarawak trên Borneo, những người Cộng sản tuyển mộ người phần lớn là từ cộng đồng người Hoa.

Nhưng điều này lại cản trở sự phát triển của một mặt trận rộng rãi bao gồm cả người Malaysia, các bộ tộc thổ dân và người Indonesia.

Cách xa đất liền Đông Nam Á, những người Cộng sản Indonesia, từng là ĐCS không cầm quyền mạnh nhất của thế giới, đã bị quân đội Indonesia làm cho tiêu hao nhiều trong một cuộc nội chiến ngắn ngủi nhưng đẫm máu – con số nạn nhân được ước lượng là trên nửa triệu.

Những người Cộng sản trên đảo Java ít đất đai phục hồi nhanh cho tới đâu, điều này có lẽ phụ thuộc trực tiếp vào việc chế độ độc tài quân sự mới cải tổ nền kinh tế vô hy vọng của Indonesia cho tới đâu.

Việc quân đội chống lại những người Cộng sản Indonesia và chống lại người bảo trợ cho họ, cựu tổng thống Sukarno, ít có liên quan hay hoàn toàn không có liên quan gì đến sự hiện diện của chúng ta ở Việt Nam. Nó được gây ra qua một cuộc đảo chính thất bại chống lại giới lãnh đạo quân đội, cái rõ ràng là đã được Sukarno và những người Cộng sản trợ giúp.

Toan tính tại địa phương, chứ không phải Việt Nam, tạo nên hậu trường cho các phát triển ở đó, những cái đã dẫn đến việc tàn sát những người Cộng sản Indonesia và quay mặt đi với Trung Quốc đỏ. Nhưng sự phát triển này hoàn toàn mâu thuẫn với Thuyết Domino vì chúng ta nói chung là không có mặt ở Indonesia nhiều năm trời.

Trên Philippines, cũng như trên Indonesia, Chủ nghĩa Cộng sản cả một thời gian dài đã không dựa trên một thiểu số sắc tộc mà là trên những người nông dân khát đất, mắc nợ, bị chủ nợ và địa chủ bóc lột. 70% nông dân trong sáu tỉnh do người Cộng sản thống trị ở trung tâm Luzon là tá điền không sở hữu đất. Phần lớn ruộng đất do những người tá điền trồng trọt đều rộng chưa tới hai hecta. Các tỉnh trồng lúa của Luzon từ những năm 30 đã là thành trì của Cộng sản, nhiều phần ruộng lớn được phiến quân Huk quản lý trong thời Nhật Bản chiếm đóng.

Tóm lại, khả năng một cuộc lật đổ của Cộng sản ở Đông Nam Á phần lớn dựa trên hai căng thẳng xã hội khác nhau:

- Tình trạng tệ hại của các nhóm thiểu số, xa rời dân tộc đa số đang thống trị và bị họ đàn áp.
- Tình trạng tệ hại kinh điển của tá điền và công nhân trong những vùng nhất định của đất nước.

Khả năng của một sự bùng nổ Cộng sản trong châu Á lớn nhất là ở nơi mà một tầng lớp vô sản bất bình ở nông thôn liên kết với lòng nhiệt tình quốc gia – như trong trường hợp Trung Quốc và Việt Nam.

Sự liên kết này lúc nào cũng đặc biệt dễ nổ ra, khi nó đi cùng với một giai cấp thống trị không có khả năng, đã mất đi tính chính thống của nó – như chế độ Diệm ở Nam Việt Nam.



Hiện nay, không còn quốc gia nào ở châu Á mà những người Cộng Sản ở đó có thể kết hợp những tình trạng tệ hại cơ bản đó. Tuy là họ có thể duy trì được khả năng hoạt động lật đổ và khủng bố, nhưng không thể gây ra một cuộc cách mạng có nhiều triển vọng. Mặc dù là người Mao-ít lúc nào cũng khẳng khăng cho rằng một mặt trận thứ nhì liên kết với Việt Nam là cần thiết, nhưng cho tới nay thì chẳng xảy ra điều gì theo chiều hướng này cả – không phải vì thiếu sự cố gắng của những người Mao-ít và đồng minh của họ, mà là vì thiếu tiên đề.

Thuyết Domino, cũng như mỗi một điển đạt hệ tư tưởng khác, có sức hấp dẫn trong tính đơn giản của nó và tính bao quát của nó, giống như thế giới quan Mao-ít. Đó là một sự mĩa mai của số phận, khi những người đấu tranh chính yếu cho chúng lại ngồi ở Bắc Kinh và Washington. Nếu như Thuyết Domino còn có lý do nhất định để tồn tại trong một thế giới mà Chủ nghĩa Cộng sản còn là một khối thuần nhất thì ngày nay nó không thể là một sợi chỉ đỏ dẫn đường còn có thể đáp ứng được cho chính trị Hoa Kỳ.

Khi Thuyết Domino đã thể hiện ra là không thể đứng vững được, thì chúng ta cũng có thể điềm tĩnh mà nhìn vào khả năng là Nam Việt Nam cuối cùng rồi cũng thuộc những người Cộng sản.

Đầu tiên, chúng ta có thể giảm dần hoạt động của mình ở Việt Nam, việc có thể kéo dài một hay hai năm. Trong thời gian đó sẽ có một "giai đoạn làm nguội" xuất hiện ở miền Nam mà trong đó chính phủ ở Sài Gòn bắt buộc phải đối phó với tình trạng của họ.

Trong giai đoạn trung gian này và có lẽ cả sau những hoạt động rút quân đầu tiên, chúng ta có thể bắt đầu bàn về bầu cử với sự tham gia của Việt Cộng và về những bước dần dần tiến đến sự tái thống nhất Bắc và Nam Việt Nam thể theo Hiệp định Genève năm 1954. Cả hai biện pháp này có thể được giám sát bởi một Ủy Ban Kiểm soát Quốc tế được tăng cường trong liên kết với Liên Hiệp Quốc.

Trong trường hợp xấu nhất, Nam Việt Nam có thể rơi vào sự thống trị của Cộng sản sau vài năm. Nhưng nó cũng có thể trở thành một Campuchia thứ nhì với một chính phủ có thiện ý với những người Cộng sản, nhưng không bị họ thống trị. Không khả năng nào trong hai khả năng này cần phải dẫn đến một thảm họa.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 22/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46039808.html>*

## Việt Cộng dư thừa vũ khí

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 24/1968 (10/06/1968)*

Ở Paris, các phái đoàn của Washington và Hà Nội đã đấu trận thứ bảy vào thứ tư tuần rồi – chỉ là một trận đấu rút rè.

Ở Sài Gòn, cách bàn hội nghị 10.000 kilômét, thì ngược lại, quân đội Mỹ và Bắc Việt Nam đã đánh nhau ác liệt – dữ dội như chưa bao giờ có.

Các đơn vị Việt Cộng – theo thông tin của một sĩ quan Cộng sản đào ngũ bao gồm cho tới 95% là quân đội Bắc Việt Nam – đã bao vây thủ đô của Nam Việt Nam trong tuần rồi, xung phong chiếm các khu phố trong Chợ Lớn – khu phố người Hoa – và Gia Định. Hàng ngày, họ bắn có cho tới 49 hỏa tiễn vào trung tâm của Sài Gòn.

Họ kiên cường bảo vệ những ngôi nhà đã chiếm được. Pháo thủ xe tăng và pháo binh đồng minh sau đó đã bắn nát cả khu phố. Trong vòng bốn tuần vừa rồi, họ đã phá hủy hơn 10.000 căn nhà của người Việt.

1920 lính Mỹ và 1733 lính Việt đã tử trận trong tháng rồi, 8695 người Mỹ và 5520 người Nam Việt bị thương. Con số tổn thất của lính Mỹ tăng 64% so với năm ngoái.



Một lính xe tăng người Việt đang dùng khẩu súng máy cỡ 50 bắn vào một vị trí Việt Cộng ở Gia Định vào ngày 4 tháng 6. Ảnh: The Vietnam Center and Archiv

Dưới những đợt tấn công của quân Đỏ, quyền lực chính phủ trong một vài tỉnh của Sài Gòn đã tan vỡ. Nông dân, những người chạy vào thủ đô, cho tới nay vẫn còn tương đối yên tĩnh, để

trốn sự khủng bố Đò và napalm Mỹ, lại phải chạy ty nạn: trở về quê – bị Việt Cộng thống trị - của họ.

Quân đội của chính phủ Nam Việt Nam và lính Mỹ được rút về Sài Gòn chỉ có thể chặn đứng được cuộc tấn công của Việt Cộng một cách chật vật. Vì quân Đò đánh lừa họ: họ tấn công theo một biểu thời gian chính xác ở những điểm đối nghịch nhau của thành phố và qua đó bắt buộc những người bảo vệ thủ đô phải luôn luôn gửi lực lượng xe tăng của họ đi xuyên qua khu nội thành Sài Gòn chật cứng người ty nạn, dân phu và xe bò. Khi xe tăng rời xuất hiện trong khu đang có chiến sự thì quân du kích biến mất.

Vũ khí cơ động nhất của họ, máy bay trực thăng chiến đấu, chỉ còn được người Mỹ sử dụng một cách cẩn trọng: chủ nhật trước nữa, một chiếc máy bay lên thẳng đã bắn một hỏa tiễn vào một ví trị chỉ huy của quân đội Nam Việt. Sáu sĩ quan cao cấp và nhân viên nhà nước đã bị giết chết. Từ lúc đó, xạ thủ trực thăng Mỹ chỉ còn được phép bắn hỏa tiễn sau khi đã hỏi lại.

Sau những cuộc chiến ác liệt trên đường phố mà quân Đồng minh phải chiến đấu từ nhà này qua nhà khác, từ tầng này sang tầng khác, Việt Cộng – dường như là thế – đã rút lui. Nhưng rồi họ lại đến – giả trang như là những người buôn bán và nông dân.

Họ không ngừng lén lút mang vũ khí vào thủ đô và phân chia chúng ra cho các tổ bí mật, những cái – theo các tường thuật của Mỹ – thường bao gồm năm du kích quân mỗi tổ.

Tờ "Figaro" ở Paris tường thuật rằng quân đội Đồng minh đã phát hiện thấy "vũ khí dư thừa" trong tuần vừa rồi vào lúc bắt được lính Việt Cộng – nhiều đến mức ví dụ Biệt Động Quân Nam Việt Nam đã chiến đấu chống lại những người anh em đỏ với vũ khí chiến lợi phẩm đỏ.

Ngày nay, tiếp tế từ miền Bắc chảy vào nhiều hơn bao giờ hết. Phi công thám thính của Hoa Kỳ tường thuật về những đoàn xe với khoảng 100 chiếc xe tải – cho tới nay nhiều nhất chỉ là mười. Và trên Tây Nguyên, các nhóm thám báo Mỹ đã tìm thấy những vị trí pháo binh của Việt Cộng với đại bác 100 milimét.

Trong khi người vẫn còn là tổng tư lệnh Mỹ ở Việt Nam, tướng Westmoreland, thêm một lần nữa loan báo chiến thắng cuối cùng đang cận kề với Tổng Thống của ông ấy ("Địch quân dường như đang tiến đến gần sự kiệt quệ, quân đội của họ suy giảm về số lượng và chất lượng"), người đàm phán hòa bình của Mỹ Averell Harrimann ở Paris đang cố gắng thuyết phục đối tác Hà Nội Xuân Thủy của ông ấy có một sự đáp trả khi người Mỹ chấm dứt ném bom ở phía Bắc của vĩ tuyến 20.

Ông ấy không thành công. Thủy mĩa mai: "Đất nước chúng tôi cam kết ngay lập tức từ bỏ các cuộc ném bom và tất cả các hành động thù địch khác trên toàn bộ lãnh thổ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ."

Phan Ba dịch từ Der Spiegel 24/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-46020984.html>



## Những dấu hiệu nhỏ bé của hòa bình

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 29/1968 (15/07/1968)*

Từ khi bàn về hòa bình thì cuộc chiến lại càng ác liệt hơn nữa.

Vào ngày 31 tháng 3, Tổng thống Lyndon Johnson từ bỏ ra ứng cử và với lời tuyên bố chấm dứt ném bom một phần ở Bắc Việt Nam đã tạo khả năng cho những cuộc đàm phán về hòa bình giữa Hà Nội và Washington.

Nhưng kể từ lúc đấy, Lầu Năm Góc đã phải đánh điện khoảng 5000 lần về cho các gia đình Mỹ: "Chúng tôi đau buồn thông báo cho ông bà ..."



Lính Mỹ trước khi rút khỏi Khe Sanh, Ảnh: Der Spiegel

Mỗi một bức điện tín này báo tin cái chết của một người lính Mỹ trong rừng rậm: trong nửa đầu năm 1968, có 9557 người Mỹ chết ở Việt Nam – hơn khoảng 200 người so với cả năm 1967.

Từ đầu tháng 4, bom rơi trên phần phía Nam của Bắc Việt Nam, trên phần đất mà lần ngưng ném bom không có hiệu lực, nhiều hơn là trước đây trên toàn bộ nước Cộng hòa Đỏ. Người Mỹ còn chấp nhận cả sự rủi ro mất những chiếc siêu máy bay ném bom B-52, để dùng những tấm thảm bom khổng lồ mà xới tung từng mét vuông đất một của các tuyến đường tiếp tế ở Bắc Việt Nam.

Thủ đô Sài Gòn của Nam Việt Nam đã phải chịu đựng cuộc tấn công – lần thứ hai – của Cộng sản, cái bắt đầu sau khi những cuộc đàm phán về hòa bình ở Paris khai mạc, nhiều hơn là làn sóng tấn công đầu tiên trong tháng 2 nhiều: 16.000 căn nhà bị phá hủy.

Từ tháng 4, sếp chiến lược Giáp của Bắc Việt Nam gửi hàng tháng có cho tới 30.000 người lính Hà Nội vào miền Nam, trước đây là 7.000.

Chính phủ Nam Việt Nam đã ban lệnh tổng động viên. Quân đội Sài Gòn cần phải được tăng cường thêm 135.000 người lên thành 800.000 người.

Tiếng ồn ào của chiến trường từ Viễn Đông đã át mất tin tức từ Paris, nơi các nhà ngoại giao cao cấp của Hoa Kỳ và Bắc Việt Nam từ trên hai tháng nay đang cố gắng chấm dứt cuộc chiến tranh trong rừng rậm.

Tất nhiên là cho tới nay Harriman của Mỹ và Xuân Thủy của Bắc Việt Nam trong mười hai cuộc họp đã tự giới hạn họ ở việc trình bày hàng giờ liền những lời buộc tội và phỉ báng.

Nếu như có được một cuộc đối thoại, thì nó là như thế này:

Thủy: "Khi nào thì Hoa Kỳ sẽ chấm dứt vô điều kiện tất cả các cuộc ném bom và các hành động chiến tranh khác nhằm chống Bắc Việt Nam để cho các cuộc trao đổi có thể chuyển sang những vấn đề khác của một quy định về hòa bình ở Việt Nam?"

Harriman: "Khi nào thì phái đoàn của ông sẵn sàng để bàn thảo về những vấn đề như thế?"

Thủy: "Tôi đã nói rồi đấy, rằng Hoa Kỳ phải chấm dứt ném bom, trước khi các vấn đề khác có thể được thảo luận."

Harriman: "Tôi chỉ có thể bày tỏ niềm hy vọng, rằng những câu hỏi đấy có thể được bàn thảo vào một ngày gần đây, vì đó là những câu hỏi có liên quan với nhau."

Các cuộc thương lượng cứ xoay vòng tại chỗ, vì cả hai bên đều cho rằng mình đã thực hiện bước đầu tiên:

Người Mỹ qua việc giới hạn ném bom và sáng kiến đàm phán.

Người Bắc Việt qua việc sẵn sàng đối thoại mặc dù việc chấm dứt ném bom chỉ có giới hạn và chấp nhận Paris là nơi đàm phán – thay vì, như họ mong muốn, Warszawa hay Pnom Penh.

Sau các cuộc họp vừa rồi, cả hai bên đã công khai thống nhất rằng họ còn hoàn toàn không thống nhất: Thủy nói rằng người ta đã không tiến tới được một "xãngtimét" nào cả, Harriman cho rằng việc phá hỏng của người Bắc Việt có "quy mô đáng buồn cười".

Tuy vậy, ngày càng có nhiều dấu hiệu nhỏ bé, rằng cả hai bên đang tiến lại gần nhau, ngay khi chỉ với vận tốc ốc sên – trên chiến trường cũng như ở cạnh bàn đàm phán.

Ở Việt Nam, vào đầu tháng 7 lính cổ da Mỹ đã rời bỏ pháo đài Khe Sanh phô trương uy thế của họ ở gần biên giới Bắc Việt Nam, nơi vào đầu năm có khoảng 6000 lính Mỹ bị 25.000 người Bắc Việt bao vây hai tháng rưỡi trời.

Tổng tư lệnh Hoa Kỳ Tướng Westmoreland đã phải viết giấy bảo đảm cho vị Tổng Thống của mình, rằng có thể giữ được Khe Sanh. Nó đã được giữ vững – với giá của 200 người lính Mỹ

chết và 1600 bị thương và của lần tập trung ném bom lớn nhất trong lịch sử chiến tranh: tổng cộng có 100.000 tấn bom rơi xuống khu vực quanh Khe Sanh.

Bây giờ, người kế nhiệm Wetsmoreland, tướng Abrams, rút lính cổ da từ Khe Sanh về. Cuộc chiến, lý lẽ của ông ấy là thế, trong tương lai cần phải được tiến hành một cách di động hơn.

Qua đó, các nhà chiến lược Hoa Kỳ tiêu hủy mọi nguy hiểm của một cuộc đối đầu vì uy thế mới, cái chắc chắn sẽ tiếp tục leo thang chiến tranh. Người Bắc Việt đáp trả, bằng cách trong những tuần vừa rồi đã không thực hiện lời đe dọa của họ, bắn thủ đô Sài Gòn "một trăm ngày liền với một trăm hỏa tiễn mỗi ngày".

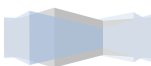
Ngay ở Paris ngày cũng có nhiều dấu hiệu hơn, rằng các cuộc trao đổi không chỉ là tiếp tục cuộc chiến với những phương tiện khác. Những cái được gọi là nghỉ giải lao dùng trà trong các cuộc đàm phán ngày càng kéo dài hơn. Vừa rồi, những người đàm phán đã thảo luận trên 40 phút liền trong các lần nghỉ này – và trong lúc đó họ không cần phải nói những điều vô nghĩa.

Người ta cho rằng một cuộc trao đổi trong giờ nghỉ uống trà như thế là nhờ vào một cử chỉ mới đây của người Bắc Việt: trả tự do cho ba phi công Hoa Kỳ bị bắt giam vào ngày 4 tháng 7, ngày Quốc Khánh Mỹ.

Và cả một bước leo thang trên chiến trường cũng có thể là bậc đầu của một sự xuống thang. Người Mỹ chỉ ném bom ác liệt như thế, người ta nói như vậy ở Paris, là để có thể phá hủy càng nhiều mục tiêu quân sự càng tốt trước khi chấm dứt ném bom hoàn toàn.

"Các cuộc đàm phán ở Paris sẽ dẫn đến một kết thúc cho cuộc chiến, như thế nào đấy", nhà báo nổi tiếng Walter Lippmann tiên đoán, "vì cả hai bên sẽ được quá nhiều khi họ thông hiểu nhau, và mất quá nhiều, nếu như họ không thể thống nhất với nhau."

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 29/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45996069.html>*



## Chiến tranh ác liệt hơn trước

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 42/1968 (14/10/1968)*

Những người lính thủy quân lục chiến mệt mỏi cho nổ tung các công sự mà ở trong đó họ đã sống sót qua được những loạt đạn đại bác bắn liên hồi của quân địch 77 ngày. Họ san phẳng những con hào và phá hủy đường băng, cái nhiều tuần liền là dây kết nối duy nhất của họ ra thế giới bên ngoài.

Lúc đó là trước đây bốn tuần, lính cô da Mỹ và những nhóm hỗ trợ Nam Việt Nam rút khỏi pháo đài Khe Sanh trong rừng rậm gần biên giới với Bắc Việt Nam – sau mười một tuần bị bao vây bởi 25.000 lính tinh nhuệ của Hồ Chí Minh và sau khi tổn thất 1800 người chết và bị thương.

Cuối tuần trước nữa, lính cô da quay trở lại nơi họ đã phải chịu đựng gian khổ. Nhóm tiên phong 250 người của một lực lượng 7000 người đến thung lũng đã bị bom đạn cày nát. Máy bay ném bom chiến lược B-52 cũng lại được sử dụng nhiều hơn là trong mùa hè để đánh phá lại các vị trí Cộng sản ở Việt Nam.



Máy bay B-52 ném bom vùng bờ biển Bắc Việt Nam

Và giống như một con khủng long thời tiền sử, một cựu chiến binh từ Đệ nhị thế chiến và Chiến tranh Triều Tiên được tái kích hoạt trong tháng rồi đã nhả khói đến Vịnh Bắc Bộ trước bờ biển Việt Nam: chiếc "New Jersey", một chiến hạm 57 600 tấn gần 26 năm tuổi, cái đã

được phủ bụi và chi 160 triệu Mark để tân trang chỉ vì Việt Nam. Kể từ lúc đấy, chiếc "New Jersey" phủ đạn nặng hàng tấn lên dãy đất gần bờ biển của Bắc Việt Nam qua chín nòng súng 40,6 xăngtimét của nó.

Sau gần tám năm chiến đấu, có 28.500 người Mỹ, 95.000 người Nam Việt Nam và hơn 400.000 người Cộng Sản hy sinh – theo thống kê mới nhất của Hoa Kỳ – và năm tháng sau khi những cuộc đàm phán sơ bộ về hòa bình bắt đầu, cuộc chiến ở Việt Nam thêm một lần nữa lại ác liệt hơn. Và sáu tháng rưỡi, sau khi Tổng thống Lyndon B. Johnson vì Việt Nam mà từ bỏ không ra tranh cử tổng thống thêm một lần nữa, người ta bất thành linh nhận thấy rằng chiến cuộc ở Viễn Đông là "chiến cuộc tốt nhất như chưa từng có" ("Newsweek").

Từ cuộc tấn công hồi đầu năm, các tiểu đoàn Cộng Sản, những tiểu đoàn mà vào thời điểm đấy đã tràn ngập các thành phố, căn cứ và tỉnh của Nam Việt Nam, đã không đánh trận lớn nào thành công nữa. Các cuộc tấn công vào thủ đô Sài Gòn đuối dần. Tập kích vào căn cứ hiểm khi xảy ra.

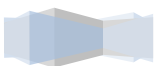
Người Mỹ không còn phải phân tán lực lượng ra trong nhiều hoạt động chống lại những nhóm du kích quân nhỏ. Họ đã lặng lẽ thực hiện một kế hoạch mà trước đây một năm còn bị phản bác dữ dội ở Washington: lời đề nghị của người tướng lĩnh trong Đệ nhị thế chiến hiện đã về hưu Gavin, hãy tập trung vào những vùng đất quan trọng – nhưng bảo vệ chúng có hiệu quả nhiều hơn. Thay vì, như ngày trước, đi tìm kẻ địch với những chuyên viên chinh không lồ trong rừng rậm xa xôi, quân đội Hoa Kỳ đã thành lập những vành đai vòng thủ nhiều lớp quanh các thành phố lớn và căn cứ dọc theo bờ biển.

Người ủng hộ chiến thuật mới này là Tướng Creighton Abrams, người kế nhiệm sếp của mình, đã được Tổng thống Johnson ca ngợi triệu về quê hương gần bốn tháng trước đó, tướng Westmoreland hay khoe khoang.

Vì các ưu điểm của những vùng đất an toàn mà Abrams chấp nhận bỏ mặc phần lớn đồng bằng cho Việt Cộng. Ông ấy chấp nhận, rằng một mục tiêu chính vào lúc ban đầu của cuộc chiến, bình định các tỉnh Nam Việt Nam, đã bị từ bỏ hoàn toàn. Chỉ còn những người quan liêu được bổ nhiệm trong phòng của các chuyên gia có thẩm quyền thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn là nói về bình định – tức là tranh thủ người dân ở nông thôn, xây dựng một xã hội dân chủ. Trên thực tế, không còn bình định ở bất cứ nơi nào nữa.

Chiến thuật của Abrams là quân sự hóa Nam Việt Nam nhiều hơn nữa. Ông ấy không cho lính Mỹ mới bay sang (quân số hiện nay: 538.000 lính trên đất liền, thêm vào đó là 35.000 lính trên tàu trước bờ biển Việt Nam), ông ấy cho vũ khí sang: vũ khí cho quân đội Nam Việt Nam, quân đội mà cho tới năm tới đây cần phải đạt đến quân số gần một triệu người (ở dân số gần 17 triệu người).

Người Nam Việt Nam lại cần phải tiếp nhận gánh nặng của chiến tranh nhiều hơn nữa – Tổng thống Nam Việt Nam Nguyễn Văn Thiệu không chỉ mở rộng quân đội của ông ấy, ông ấy cũng củng cố vị thế của mình. Mục đích của ông ấy: không còn chỉ lệ thuộc vào những người



Mỹ bảo vệ, về quân sự cũng như chính trị, đạt đến một vị trí mà ở đây chính ông ấy có thể thương lượng được với Hà Nội.



USS New Jersey đang bắn phá các mục tiêu quân địch ở bờ biển miền Trung Việt Nam, cuối tháng 3 năm 1969

Tuần vừa rồi, dường như vị trí của ông ấy bị tranh chấp: có những tường thuật – mâu thuẫn với nhau – xuất phát từ Sài Gòn về một cuộc đảo chính không thành, xe tăng bảo vệ Dinh Tổng Thống.

Từ nhiều tháng nay, Thiệu tăng cường thêm cho những người theo mình trong quân đội, chính phủ và hành chính bằng các cựu đảng viên của nhà độc tài Diệm bị giết chết năm 1963. Sĩ quan Diệm tiếp nhận hai cơ quan an ninh quan trọng nhất của Nam Việt Nam, một người cháu trai của Diệm là cố vấn thân cận của tổng thống.

Nhưng Thiệu cũng triệu hồi Tướng Dương Văn Minh được nhiều người ưa thích từ chốn lưu vong ở Bangkok bên Thái Lan về, nơi Minh, người dẫn đầu của cuộc đảo chính năm 1963, sống nhờ vào số tiền hưu 7200 Mark.

Trong khi đấy, các cuộc đàm phán về hòa bình giữa người Mỹ và người Bắc Việt ở Paris kéo dài ngày càng dai dẳng hơn. Sau năm tháng đàm phán và 25 lần hội họp, các đối thủ chỉ thống nhất nhau ở một điểm: họ thường xuyên ngồi vào bàn đàm phán ở mỗi thứ tư.

Họ rời nó, khi họ đã trao đổi xong những lời lên án lẫn nhau. Hoa Kỳ không muốn – được tăng cường bởi cảm giác đã củng cố vị trí của họ về mặt quân sự – thực hiện thêm một sự

nhượng bộ nào nữa ngoài việc ngưng ném bom một phần của họ. Người Bắc Việt đến Paris với ý định muốn chiến thắng ở bàn thương lượng, không nhượng bộ người Mỹ trong bất cứ trường hợp nào.

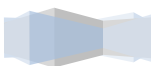
Theo đúng sự thật, rằng các điều kiện cho hòa bình trước hết là phụ thuộc vào tình hình trên chiến trường, nên các sư đoàn Bắc Việt rõ ràng là đang chuẩn bị một chiến dịch tấn công mới sau những chạm trán nhỏ trong mùa hè. Tướng Giáp, nhà chiến lược của Hồ Chí Minh tập trung – cũng như trong mùa xuân vừa rồi – nhiều sư đoàn ở miền Bắc của Nam Việt Nam, gần căn cứ Mỹ ở Đà Nẵng và thành phố Huế của các hoàng đế.

Để ngăn chặn không cho các tiểu đoàn đổ thành công vang dội thêm lần nữa – hồi cuối tháng 1 họ đã chiếm Huế và đã giữ Hoàng Thành gần bốn tuần liền –, Tướng Abrams lại gửi lính cõ da của ông ấy đến Khe Sanh.

Ở đó, cách xa các mục tiêu tấn công quan trọng, họ cần phải cầm chân càng nhiều lính đỏ càng tốt, khiêu khích để họ tập trung lại, trở thành những mục tiêu đáng để ném bom.

Trong bóng tối của lần chiếm đóng Praha và của lần diệt chủng ở Biafra, các chiến tuyến ở Việt Nam được thêm người cho trận đánh kế cuối. Ở nơi mà dường như đã có những cuộc rút lui dè chừng trước đây nhiều tháng bây giờ lại có những tiểu đoàn mới hành quân đến.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 42/1968 <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45950016.html>*



## Cuộc chiến tranh ném bom của Mỹ

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 45/1968 (04/11/1968)*

Gần 120.000 lần trong vòng ba năm rưỡi, các "Giôn xon" (Johnsons) – như nông dân Bắc Việt gọi máy bay chiến đấu Mỹ – đã bay để đánh phá nước cộng hòa của Hồ Chí Minh.

Trên một triệu rưỡi tấn bom nổ và bom cháy, bom mảnh – mới – và napalm, bom tấn và hỏa tiễn đã đào xới gần như mỗi một mét vuông của đất nước có độ lớn như nước Cộng hòa Liên bang không có bang Bayern – nhiều hơn bom đã rơi xuống toàn châu Âu trong Đệ nhị thế chiến.

Người Mỹ đã mất trên 900 máy bay, trong đó là những loại hiện đại nhất "Phantom" và "F-111", trong cuộc chiến tranh trên không lớn nhất trong lịch sử; chỉ riêng tổn thất vật chất đã vượt quá tám triệu Mark – nhiều hơn là toàn bộ đoàn "Starfighter" đắt tiền của quân đội Đức đã ngốn mất.



Trên 600 phi công đã chết hay bị quân đỏ bắt giam – việc đào tạo mỗi một người như thế tiêu tốn mất trên một triệu Mark.

Không đáng công: theo các ước lượng lạc quan của giới quân đội Mỹ, ném bom Bắc Việt Nam chỉ làm giảm khả năng chiến đấu và tiếp tế trên chiến trường trong rừng rậm Nam Việt Nam vào khoảng 15 đến 20%. Mặt khác, cuộc chiến tranh ném bom lại đẩy Liên bang Xô viết lại gần với Bắc Việt Nam hơn và có thể leo thang trở thành một cuộc chiến tranh nguyên tử. Nó phá vỡ yêu cầu của Hoa Kỳ, là một cường quốc có tinh thần trách nhiệm, và nó làm hao mòn lòng tin của Mỹ vào chính sức mạnh của mình.



Trong đêm rạng sáng ngày thứ sáu vừa rồi, 1363 ngày sau mệnh lệnh xuất kích đầu tiên, vị tổng thống sắp thôi nhiệm rút lại mệnh lệnh tiến hành cuộc chiến tranh trên không, "quyết định gây tranh cãi nhiều nhất và có hậu quả nặng nề nhất trong nhiệm kỳ năm năm của ông ấy". Trong một bài diễn văn trên truyền hình, ông ấy tuyên bố chấm dứt toàn bộ tất cả các cuộc ném bom lên Bắc Việt Nam, và qua đó đã bước bước đầu tiên "trên con đường có thể dẫn đến một giải pháp chính trị ở Đông Nam Á" ("New York Times").

Năm ngày trước cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ, Lyndon Johnson qua đó cũng cố gắng giúp người phó đứng ở vị trí thứ hai và người được ông ấy nâng đỡ là Hubert Humphrey. Nhưng trước hết là: ba tháng trước lần từ giã chính thức của mình, ông ấy cố gắng chỉnh sửa hình ảnh của mình cho lịch sử.

Liệu ông ấy có thành công hay không, điều đầy dường như là đáng nghi ngại. Quyết định đấy thật là đã đến quá muộn. Johnson có quyết định điều gì bây giờ thì thật ra là ông ấy – với nhiều triển vọng thành công hơn – đã có thể làm điều đấy trước đây hàng tháng rồi, có lẽ là hàng năm. Qua đó, lẽ ra ông ấy đã có thể giữ được mạng sống của hàng chục ngàn người và có thể đã tránh được cho Hoa Kỳ điều ô nhục có lẽ là lớn nhất trong lịch sử của họ.

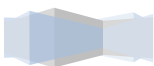
Chiến dịch ném bom ngay từ đầu đã là một điều ô nhục cho cường quốc quân sự mạnh nhất thế giới. Chỉ trong vòng sáu tuần, một đại tá thuộc bộ chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn đã bảo đảm như thế với SPIEGEL vào ngày 7 tháng 2 năm 1965, ngày đầu tiên của những lần xuất phát ném bom, người Bắc Việt sẽ quỳ xuống, Hà Nội sẽ bị "bỏ bom đến bàn đàm phán".

Trong vòng sáu tuần, thượng nghị sĩ Fulbright, sau này là người chống đối chính sách ngoại giao bỏ bom kịch liệt nhất, cũng đã nhắc đến vào lúc đấy, Hà Nội sẽ không chịu đựng được nữa và sẽ nhân nhượng.

Thế nhưng khi các chiếc máy bay phản lực đầu tiên của Mỹ tấn công cảng tàu và giao điểm đường sắt thì Hồ Chí Minh đang có khách đến thăm ở Hà Nội: chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Xô viết Kosygin.

Người Nga này tức giận, vì cường quốc tư bản lại ném bom một quốc gia cộng sản đúng vào lúc người sếp của chính phủ cường quốc cộng sản lại có mặt ở đó. Moscow, bị người Trung Quốc buộc tội đồng lõa với Washington, không thể để cho đất nước anh em bị ném bom tan nát mà không bị mất uy tín trong luồng ý kiến cộng sản trên thế giới. Vì thế mà Liên bang Xô viết hứa sẽ đưa cho người Bắc Việt mọi sự giúp đỡ cần thiết.

Liên bang Xô viết giữ lời hứa của mình. Họ trang bị cho Bắc Việt Nam mạng lưới phòng không hiện đại nhất trong lịch sử chiến tranh, cái bắn hạ ngày càng nhiều "Giôn xon" hơn. Cứ một chiếc xe tải bị phá hủy thì người Nga cung cấp cho hai chiếc mới; khi cuộc chiến tranh ném bom đạt đến một đỉnh cao – vào đầu năm nay –, thì người Cộng sản cũng mạnh nhất về quân sự.



Người Mỹ không dám ngăn chặn dòng chảy tiếp tế. Để làm việc đấy, họ phải phá hủy cảng Hải Phòng – cảng mà lúc nào cũng có tàu Xô viết thả neo đậu ở đó: việc đánh chìm một chiếc tàu chở hàng của người Nga có thể mang lại mối hiểm họa của một thế chiến.

Nhưng nếu không bỏ bom toàn phần thì tác dụng chỉ có giới hạn. Chỉ ba tháng sau khi chiến dịch bắt đầu, Johnson đã cố gắng phá vỡ vòng lẩn quẩn này. Trong tháng 5 năm 1965 – và sau đó tổng cộng là tám lần – Tổng thống Hoa Kỳ đã ra lệnh tạm ngưng ném bom, để mang Bắc Việt Nam lại bàn đàm phán – hoài công. Bị thúc đẩy bởi các "điều hâu" cực đoan, những người cho rằng mỗi một lần ngưng ném bom là một món quà cho Hà Nội và là một mối nguy hiểm cho mạng sống của những người lính Mỹ, Johnson lại ra lệnh bay mới.



Không quân Mỹ bắn trúng một vị trí tên lửa SAM cách thành phố Đồng Hới 13 dặm về phía Tây Bắc. Vị trí này bị phi công máy bay F-105 Thunderchief phát hiện vào sáng ngày 12 tháng 10 năm 1966.

"Chúng ta biết rằng", ông ấy bảo vệ đường lối của mình, "chúng ta không thể đạt đến những mục đích của chúng ta chỉ với những cuộc không kích. Nhưng với những nhận thức và niềm tin tốt nhất của chúng ta, chúng là một đoạn cần thiết trên con đường an toàn nhất dẫn đến hòa bình. Chúng ta hy vọng rằng hòa bình sẽ đến một cách nhanh chóng."

98

Hồ Chí Minh diễn giải chiến thuật của Johnson như là một thế yếu. Ông ấy muốn dựa trên sự chán ngán chiến tranh ngày càng tăng của nước Mỹ (và có lẽ đã đánh giá quá cao những

người chống chiến tranh ở Hoa Kỳ), dựa trên ý kiến chống chiến tranh ném bom của thế giới và dựa trên sức mạnh quân sự của chính mình.

Việc không thể hiểu nổi đã xảy ra, tính toán của người thống trị trên 20 triệu nông dân châu Á chống lại cường quốc Mỹ đã thành công. Trong tháng 2, quân đỏ trong một cuộc tấn công lớn đã tràn ngập mỗi một thành phố quan trọng của Nam Việt Nam và đã giữ thành phố Huế, từng là thủ đô, bốn tuần liền. Mãi đến bây giờ Johnson mới hiểu rằng ông ấy không thể thắng cuộc chiến này được, nếu như ông ấy không sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh toàn phần và qua đó có thể là cho một xung đột nguyên tử trên thế giới.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 1968, Johnson rút ra những quyết định; ông ấy tuyên bố sẵn sàng đàm phán hòa bình với Hà Nội, ra lệnh ngưng ném bom một phần (có hiệu lực cho ba phần tư Bắc Việt Nam) và công bố quyết định của ông ấy, không ra ứng cử thêm một nhiệm kỳ tổng thống nữa.

Sáu tuần sau đó, các đối thoại đầu tiên giữa Washington và Hà Nội đã bắt đầu ở Paris. Nước Mỹ đã không mang người Bắc Việt mà đã mang chính mình đến bàn đàm phán. Đối với người Mỹ, đây là những cuộc đàm phán về hòa bình, trong khi Hà Nội chỉ muốn nói về việc "chấm dứt vô điều kiện các cuộc ném bom và tất cả các hoạt động chống Bắc Việt Nam khác" và ngoài ra thì không về điều gì cả.

Qua 28 cuộc họp, các đối tác đàm phán đã làm cho nhau kiệt quệ với bài thuyết trình về những quan điểm không thể hòa hợp được. Cuộc chiến, cái đã cướp đi nửa triệu sinh mạng con người trong tám năm, vẫn tiếp tục diễn ra.

Ngay trong tháng 7, hai tháng sau khi đàm phán bắt đầu, trưởng phái đoàn đàm phán của Johnson, Harriman, đã đề nghị với tổng thống, rằng ông ấy nên chấm dứt toàn bộ việc ném bom Bắc Việt Nam, để khởi động những cuộc đàm phán hòa bình thật sự. Nhưng lúc đấy Johnson vẫn còn tin rằng ông ấy đã thực hiện những bước đi trước đã đủ rồi, người Bắc Việt phải đi nước cờ kế tiếp.

Họ không làm việc đó. Thế nhưng khi các cuộc bầu cử tổng thống và lần từ giã của ông ấy càng tiến đến gần thì Johnson lại càng gấp rút tìm kiếm một giải pháp. Vì lần tự hy sinh của ông ấy ở ngày 31 tháng 3 sẽ là vô nghĩa, nếu như vào cái ngày mà người tổng thống rời Tòa Nhà Trắng vẫn còn những người Mỹ trẻ chết không có một triển vọng cho chiến thắng hay chiến tranh sẽ kết thúc ở châu Á.

Cuối tháng 9, Johnson báo cho đối thủ Hồ của ông ấy biết rằng ông ấy sẽ chấm dứt ném bom hoàn toàn, nếu như Hà Nội bảo đảm sẽ không lợi dụng bước đi này cho các lợi thế về quân sự, đàm phán nghiêm chỉnh và cũng đồng ý cho chính phủ Nam Việt Nam tham gia các cuộc đàm phán tại Paris. Trong trường hợp này, người Mỹ cũng sẽ chấp nhận Việt Cộng ở tại các cuộc đàm phán.



Hà Hội trì hoãn. Chính phủ Pháp đứng ra làm trung gian – họ lúc nào cũng biết rõ tin tức về diễn tiến của các cuộc đối thoại vì de Gaulle đã cho nghe lén các bên của hội nghị –, và Moscow khuyên Hà Nội nên có hạn chế.

Về phần mình, Johnson đề cho các cơ quan mật vụ của ông ấy xác nhận rằng người Bắc Việt trên thực tế đã giảm bớt các cố gắng quân sự của họ – người ta cho rằng họ đã rút 40.000 quân lính từ Nam Việt Nam về trong những tuần vừa rồi. Tại một hội nghị bí mật trong Tòa Nhà Trắng vào tuần rồi, Tổng Thống đã tạo dịp cho vị tổng chỉ huy Việt Nam của mình, tướng Abrams, tuyên bố rằng chấm dứt ném bom sẽ không làm gia tăng con số nạn nhân trong quân lính Mỹ, mặc dù cho tới nay Johnson luôn luôn khẳng định điều ngược lại.

Vào ngày thứ năm lúc 8 giờ tối – ở New York thì trước đó 22 phút, vì một công ty truyền hình không chú ý đến thời hạn cấm – Tổng Thống ban lệnh ngừng tất cả các hoạt động quân sự chống nước Cộng hòa Bắc Việt kể từ thứ sáu, 14 giờ giờ mùa Hè Trung Âu.

Johnson: "Những gì mà chúng ta chờ đợi và những gì mà chúng ta có quyền đòi hỏi là những cuộc đàm phán có hiệu quả, nghiêm chỉnh và có cường độ cao ... những cái không thể diễn ra trong một bầu không khí mà trong đó các thành phố bị bắn phá."

Rồi vị nguyên thủ quốc gia yêu cầu thánh giả của mình hãy cầu nguyện để "bước đi này dẫn đến một nền hòa bình dài lâu và đầy danh dự ở Đông Nam Á".

Những lời cầu nguyện dường như là cần thiết. Vì trong khi Johnson tuyên bố chấm dứt ném bom thì du kích quân cộng sản lần đầu tiên từ nhiều tuần nay đã bắn phá thủ đô Sài Gòn của Nam Việt Nam bằng hỏa tiễn. Họ bắn trúng một nhà thờ Công giáo đầy người – 23 người chết, trên 70 người bị thương.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 45/196: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45935137.html>*

## Vào Dinh Tổng Thống sau nửa đêm

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 46 / 1968 (11/11/1968)*

Đại sứ Hoa Kỳ Ellsworth Bunker đã đến gặp Tổng thống Nam Việt Nam Nguyễn Văn Thiệu trong Dinh Độc Lập ở Sài Gòn mười lần trong vòng hai tuần.

Người Mỹ này, người qua giải pháp cho xung đột Hà Lan – Indonesia quanh New Guinea và cho cuộc Khủng hoảng Dominica đã có tiếng là một nhà đàm phán cứng rắn, đã đến hai lần vào thời điểm rất không ngoại giao: giữa nửa đêm và sáng sớm.

Một lần, rất lâu sau nửa đêm, chuông điện thoại của người đang đối thoại, Thiệu, vang lên. Ở đầu dây bên kia là Tòa Nhà Trắng ở Washington. Tổng thống Johnson và Tổng tư lệnh Việt Nam của ông ấy, Tướng Abrams, trợ giúp cho vị đại sứ của họ qua điện thoại.

Nhưng giống như một con la, càng bướng bỉnh hơn khi người ta đánh đập nó càng nhiều hơn, ông Tổng Thống của Nam Việt Nam lại càng cứng rắn hơn khi người Mỹ gây áp lực với ông ấy càng nhiều hơn.

Vì thế mà đã thành hình một tình trạng phi lý vào tuần rồi: tuy Washington đã không thể bỏ bom để Hà Nội bước đến bàn đàm phán cho một hòa bình ở Việt Nam như đã hy vọng, nhưng qua việc ngừng ném bom thì ít nhất là đã khiến cho họ sẵn sàng đàm phán. Nhưng bây giờ thì đồng minh Nam Việt Nam không cùng tiến hành.

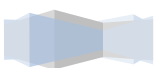
Về cơ bản, Thiệu không chống đàm phán. Ông ấy đã nhiều lần đề nghị nói chuyện trực tiếp giữa Sài Gòn và Hà Nội. Cái mà ông ấy sợ là sự tham gia của một phái đoàn độc lập và bình quyền của Việt Cộng trong các cuộc đàm phán ở Paris, cái được người Mỹ nhượng bộ. Theo lời của mình, ngay từ đầu Thiệu đã không để cho nghi ngờ rằng nếu thế thì Sài Gòn phải từ chối.

"Anh có biết việc gì sẽ xảy ra khi chúng ta ngồi vào cùng bàn với Việt Cộng không?", Thiệu hỏi một người nói chuyện với ông ấy dưới tư cách cá nhân: "Vào ngày hôm sau đó lực lượng dân quân của chúng ta và nhân dân tự vệ của chúng ta sẽ chạy sang phe đỏ – và đó là 400.000 người, nửa quân số của chúng ta."

"Nam Việt Nam", theo Tổng Thống, "không phải là cái toa xe lửa được gắn vào một cái đầu máy và có thể được kéo đi bất cứ nơi nào mà đầu máy muốn."

Trong cuộc chiến tranh ngoại giao chống lại nước Mỹ bảo vệ, Thiệu nhận được sự ủng hộ ở đối thủ lớn nhất của ông ấy, phó Tổng Thống Kỳ: "Người Mỹ nói về Hoa Kỳ, về Hà Nội và về Mặt trận Giải phóng, nhưng họ không bao giờ nói về lợi ích của chúng tôi."

Vào thứ tư vừa rồi, người Mỹ, người Bắc Việt và một phái đoàn Việt Cộng dưới sự lãnh đạo của Madame Nguyễn Thị Bình đã hoài công chờ người đối thoại Nam Việt Nam.



Người Cộng Sản hả hê vì phen bẽ mặt của người Mỹ. Trưởng phát ngôn viên của Bắc Việt Nguyen Thanh: "Hoa Kỳ không giữ đúng những điều mà họ đã cam kết." Phái đoàn Việt Cộng mỉa mai đề nghị, người Mỹ nên đại diện luôn cho Sài Gòn.

Lần ngưng ném bom vô điều kiện của Johnson, gây tranh cãi ngay từ đầu, càng hiện ra như là một sự cố gắng giúp tranh cử cho Humphrey phó của ông ấy. Nhưng nó chẳng những không giúp gì được cho ông ấy, nó còn gây hại cho ông ấy. Nó chứng tỏ thêm một lần nữa: ngoại giao Mỹ hầu như không còn có thể đối phó được với những thách thức bất thường.

Trong khi người Mỹ vào thứ sáu vừa rồi vẫn còn hy vọng mang Sài Gòn đến bàn đàm phán "nội trong vòng mười ngày" – theo tờ "New York Times" –, Thiệu đưa ra những điều kiện để ông ấy cùng đàm phán:

Trong tương lai cũng chỉ có hai phái đoàn đàm phán ở Paris, thế nhưng: đồng minh dưới sự lãnh đạo của Nam Việt Nam, cộng sản dưới sự lãnh đạo của Bắc Việt Nam. Nếu cần thiết, sẽ có những "đại diện của các đồng minh khác" thuộc về phái đoàn Sài Gòn, đại diện Việt Cộng thuộc phái đoàn Hà Nội.

Chỉ khi đề nghị này được chấp nhận, theo Thiệu, thì mới "dẫn đến một nền hòa bình lâu dài ở Việt Nam và Đông Nam Á".

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 46 / 1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45878730.html>*

## Bốn sự công bằng

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 51/1968 (16/12/1968)*

Nguyễn Cao Kỳ, phó Tổng Thống cứng rắn của Nam Việt Nam, tỏ ra khiêm tốn. "Chúng tôi không yêu cầu phía bên kia đầu hàng, mà chỉ yêu cầu công bằng và lý trí phải chiến thắng", ông ấy nói lúc đến Paris.

Nhưng lý trí và công bằng trên chiến trường Việt Nam cũng như ở các cuộc đàm phán hòa bình tại Paris lúc nào cũng là bốn quan điểm lý trí và bốn quan điểm công bằng đấy, cái đã nuôi dưỡng cuộc chiến từ nhiều năm nay và hầu như không mang hòa bình lại gần hơn từ nhiều tháng nay – mặc cho tất cả những cái được gọi là điểm ngoặt của năm 1968:

- Vào ngày 31 tháng 3, Tổng Thống Johnson tuyên bố giới hạn cuộc chiến tranh ném bom ở phần tư phía Nam của Bắc Việt Nam
- Vào ngày 13 tháng 5, Washington và Hà Nội lần đầu tiên đàm phán – liên tục kể từ lúc đấy - ở Paris.
- Vào ngày 31 tháng 10, Johnson cũng chấm dứt phần còn lại của cuộc chiến tranh ném bom chống Bắc Việt Nam.
- Vào ngày 26 tháng 11, Nam Việt Nam ngừng gây bế tắc chống ngưng ném bom và Hội nghị Paris
- Vào ngày 8 tháng 12, phó Tổng Thống Kỳ với đội ngũ trên 80 người bước ra khỏi chiếc Boeing của ông ấy ở Paris.

Bốn phái đoàn đã đủ. Nhưng bây giờ lại bắt đầu cái mà một thành viên của phái đoàn Mỹ gọi là "chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ chuẩn bị": phó đoàn đàm phán Mỹ Cyrus Vance và phó đoàn đàm phán của Hà Nội Đại tá Hà Văn Lâu thống nhất trong một cuộc nói chuyện kéo dài bảy giờ ngoài những việc khác là về việc rằng quy trình cho các phiên họp tiếp theo cần phải được bàn thảo chi tiết trong phiên họp đầu tiên. Các phái đoàn cần phải bước vào gian sảnh đàm phán qua hai cửa; nhà báo không được phép vào.

Cho tới cuối tuần vừa rồi họ còn chưa thống nhất về hình dạng của cái bàn đàm phán – vuông, chữ nhật hay tròn – và ngày tháng của phiên họp đầu tiên.

Vì Bắc Việt Nam tiếp tục khẳng định yêu cầu rằng phải nhận rõ ra được đại diện của cả bốn bên ở Paris: Hoa Kỳ, Bắc Việt Nam, Nam Việt Nam và Mặt trận Giải phóng, tổ chức chính trị của Việt Cộng. Để làm việc đấy thì phải cần một cái bàn hình vuông.

Nhưng Nam Việt Nam, để tránh công nhận Mặt trận Giải phóng, trước sau cũng chỉ muốn có hai đối tác đàm phán – "phía đồng minh" và "phía bên kia" – ở hai bàn chữ nhật. Thứ tư vừa rồi, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Sài Gòn Trần Chánh Thành còn giải thích rằng phái đoàn của ông ấy sẽ rời gian sảnh nếu như Mặt trận Giải phóng dưới quyền của nữ trưởng đoàn Bình được phép có một bảng tên riêng hay còn được phép trưng cờ của họ nữa.



Sài Gòn phủ nhận – không đúng – rằng Việt Cộng nhiều hơn là cánh tay nối dài của Hà Nội. Việt Cộng và Hà Nội khẳng định – đúng –, rằng Sài Gòn không đại diện cho người dân Nam Việt Nam. Và Hà Nội phủ nhận – không đúng –, rằng họ can thiệp vào Nam Việt Nam.

Sự rối rắm của những lời buộc tội và yêu cầu này che dấu bốn quan điểm – quan điểm nào tự nó cũng mâu thuẫn:

- Washington muốn rút quân mà không để cho Nam Việt Nam rơi ngay vào tay của người Cộng sản.
- Hà Nội muốn chiếm miền Nam mà không phải lại bị Mỹ ném bom.
- Sài Gòn muốn giữ người Mỹ ở lại trong nước mà không bị họ bắt buộc phải bước vào trong một liên minh – có lẽ là không thể tránh khỏi được – với Việt Cộng.
- Việt Cộng thì lại muốn thông qua đúng một chính phủ liên minh để nắm lấy quyền lực trong phần đất mà họ vẫn còn chưa chiếm được của Nam Việt Nam.

Vì tình trạng này không để cho người ta chờ đợi những giải pháp nhanh chóng nên cả bốn bên đều đặt hy vọng của họ vào một yếu tố mà vào thời điểm này vẫn còn chưa lường trước được: chính sách của tân Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon từ ngày 20 tháng 1. Ở Paris, người ta dự đoán rằng các phiên họp làm việc có thể sẽ không diễn ra trước tháng 3 hay tháng 4.

Tất nhiên là Richard Nixon cũng sẽ ít có tự do quyết đoán cho chính sách của ông ấy cũng như Lyndon Johnson, mà về cơ bản là lệ thuộc vào Hà Nội: nếu Bắc Việt Nam cứ tiếp tục theo đuổi mục đích tối đa của họ, thống nhất miền Bắc và miền Nam dưới lá cờ của họ, thì nước Mỹ không thể giảm lực lượng quân đội của họ trên đất liền châu Á một cách đáng kể mà không bỏ rơi chính phủ ở Nam Việt Nam. Nhưng nước Mỹ phải bỏ gánh nặng Việt Nam, nếu như muốn giải quyết các vấn đề nội bộ ngày một cấp bách hơn.

Giới quân sự của ông ấy vì thế mà đã – tập – bỏ rơi. Ở Sài Gòn cũng như ở Washington, họ chuẩn bị những nghiên cứu để giảm lực lượng quân đội Hoa Kỳ từ hiện nay là 537.500 người xuống còn 200.000 người hay ít hơn thế nữa.

Mặt trận Giải phóng lợi dụng thời gian chờ đợi cho một mục đích. Trong những vùng do họ thống trị, lâu nay họ đã thành lập một nền hành chính có hiệu quả cho tất cả các lĩnh vực của cuộc sống – kinh tế, quân sự, trường học, an ninh và ngay cả bưu điện nữa. Bây giờ họ còn nỗ lực cố gắng nhiều hơn trước đây để làm toàn hảo mạng lưới đó trong những vùng tranh chấp – những vùng mà Việt Cộng thống trị vào ban đêm và chính phủ vào ban ngày: họ cho in tiền riêng để cũng có thể đánh bại Sài Gòn về mặt tiền tệ vào thời điểm thích hợp.

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel 51/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45865144.html>*



## Chiến tranh và tham nhũng ở Việt Nam

*Lederer, William J.*

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 44/1968 (28/10/1968)*

**Kẻ thù nguy hiểm nhất của Mỹ ở Việt Nam là tham nhũng. Nhưng Hoa Kỳ không thể xóa bỏ nó – từ nỗi lo sợ phải làm tổn thương người chủ nhà Việt Nam của họ. "Tôi nhìn thấy Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ bị bại trận như thế nào – không phải vì sức mạnh của đối thủ, mà vì những sai lầm của chính họ, sự bất lực của chính họ", tác giả William J. Lederer, người trước đây mười năm đã (cùng với Eugene Burdick) viết quyển sách bán chạy gây tranh cãi "Người Mỹ xấu xí". Lederer sau chuyến sang Việt Nam lần thứ chín: "Chúng ta hầu như đã làm hỏng tất cả những gì mà chúng ta động đến ở Việt Nam".**

Mỗi một chính phủ được Hoa Kỳ giúp nắm lấy quyền lực ở Việt Nam đều chứng tỏ là mình không có khả năng. Tất cả họ đều bị người dân Việt Nam khước từ: đầu tiên là chế độ người Pháp, rồi chính phủ Ngô Đình Diệm, cuối cùng, sau một thời gian đảo chính và đảo chính ngược lại, chính quyền quân đội dưới Tướng Thiệu và Thống chế Kỳ.

Một thước đo cho tính kém cỏi của các chế độ khác nhau là quy mô của tham nhũng trong chính phủ. Ở đây, tôi không nói về thói quen châu Á đã được chấp nhận chung của "tiền boa" thích đáng cho những dịch vụ đã được thực hiện – một thói quen đã phát triển từ việc trả lương thấp truyền thống cho nhân viên nhà nước.

Tham nhũng ở Việt Nam đã đi quá xa quy mô truyền thống này. Ví dụ như nó là cách thông thường để có được một chức vụ trong chính phủ, và cũng là lý do thông thường để ham muốn chức vụ đấy – và là ở tất cả các bậc của hệ thống, từ viên cảnh sát đến tướng lĩnh hay tỉnh trưởng.

Tôi biết chợ đen Việt Nam lần đầu tiên ở Sài Gòn. Tôi giải thích cho viên sĩ quan của Public Relation của Lục Quân trong Juspao (Joint United States Public Affairs Office), rằng tôi muốn đi hành quân với quân đội, và hỏi rằng tôi có thể mua quân phục và giày ủng đi rừng ở đâu.

"Chúng tôi có rất nhiều thứ cho phóng viên, nếu như họ có đúng các loại giấy tờ", ông ấy trả lời và đưa cho tôi một giấy phép mua quân phục trong cửa hàng PX riêng của quân đội.

Một người bạn chở tôi trên chiếc xe gắn máy của anh ấy đến cửa hàng PX lớn trong khu phố người Hoa Chợ Lớn của Sài Gòn. Ở bên ngoài khu vực được bảo vệ bằng bao cát và lính Mỹ cầm súng có một bãi đậu xe cho khách hàng. Ở đấy, có những đứa bé người Việt chạy đến với cánh tay chìa ra và đòi "tiền giữ xe Jeep (hay xe máy)" – để đừng "có người" cắt dây của bộ đánh lửa hay xì hơi ra khỏi bánh xe.

Tôi bực tức mô tả lại tình trạng đấy cho một sĩ quan của gian hàng PX. Thế nhưng ông ấy trả lời: "Con đường này là lãnh thổ quốc gia Việt Nam. Chúng tôi chỉ là khách trong đất nước này. Chúng tôi không có thẩm quyền cho những gì xảy ra trên con đường này. Những đứa trẻ ở đây có thể bán hàng ăn cấp từ PX ra ở ngoài đấy mà chúng tôi không được phép làm gì để

chống lại chúng cả. Chỉ có cảnh sát Việt Nam là có thể can thiệp. Chúng tôi là khách trong đất nước này – Tướng Westmoreland đã ra lệnh như thế."

Để đáp lại lời nhận xét dễ hiểu của tôi, rằng đây là một cách thức đối xử kỳ lạ với khách, những người đã hy sinh hàng ngàn mạng sống của họ để bảo vệ cho chủ nhà, viên thiếu tá chỉ nhún vai: "Đây là đất nước của họ. Chúng tôi chiến đấu và chết trong chiến đấu, vì chúng tôi được người Việt Nam cho phép tiến ra các chiến trường này. Việc đậu xe gắn máy trên đường phố của họ thì là một việc khác!"

Một hạ sĩ quan dẫn tôi đến gian quân phục. Nhưng khi tôi đưa cho người bán hàng tờ giấy phép của tôi, ông ấy lắc đầu: "Từ nhiều tháng nay chúng tôi đã không còn quân phục và giày ủng đi rừng nữa."

"Anh nghĩ khi nào thì có hàng mới?"

Ông ấy bắt lực giơ hai tay lên và nhún vai.

Bạn tôi và tôi trở ra đường, sửa chữa dây đã bị cắt ngang của bộ đánh lửa ở chiếc xe gắn máy và chạy trở về Juspao. Ở đây, tôi tường thuật lại cho viên sĩ quan Public Relation, rằng cửa hàng PX không có sẵn quân phục đi rừng. Ông ấy cười và nói rằng tôi phải cố mua chúng ở nơi mà cả ông ấy và người của ông ấy cũng mua chúng – ở chợ đen. "Có thể là người ta sẽ yêu cầu ông trả nhiều hơn một vài dollar, nhưng bù vào đấy thì trang thiết bị bao giờ cũng có ở đó và đủ các cỡ."

Tôi đi dọc theo con đường, ngang qua ngôi nhà của USO (United Service Organisation), qua những chợ bán hoa và quán ăn. Sau khoảng năm phút, tôi gặp "Chợ Đen Nhỏ" (cái tên này nói rằng ở nơi khác còn có chợ lớn hơn nữa).

Hàng trăm khách hàng, trong số họ có bốn hạ sĩ quan Mỹ, một đại úy Lục Quân và một sĩ quan hành chính của Hải Quân Hoa Kỳ, chen qua các gian hàng đầy người và xem xét hàng được bày bán. Bốn cảnh sát người Việt giữ trật tự.

Các loại hàng PX được ưa chuộng đều có cả: radiô bán dẫn, chảo, máy nướng toast, máy trộn, đồng hồ đeo tay và những loại đồng hồ khác, bút mực, thuốc điếu, thuốc lá, áo sơ mi, máy truyền hình, máy chụp ảnh, phim, hàng vệ sinh, dược phẩm, đồ lót phụ nữ, tất, nhiều loại rượu mạnh ngon nhất của Mỹ và hầu như tất cả các loại đồ hộp có trong cơ quan hậu cần của quân đội.

Tôi hỏi một nhân viên người Việt Nam, rằng có phải là phạm luật không, khi bán hàng được ăn cắp ra từ cửa hàng PX. Tất nhiên điều đây là vi phạm luật pháp, ông ấy trả lời tôi; nhưng hoàn toàn không thể chứng minh được rằng các loại hàng hóa này thật sự là hàng ăn cắp. Tôi chỉ ra rằng hầu như món hàng nào cũng mang nhãn PX và cửa hàng PX chắc chắn là người duy nhất nhập những loại hàng này.

"Đúng là vậy", ông ấy trả lời, "nhưng ở trong nước này, để có thể tuyên bố hàng đây là hàng ăn cắp thì phải bắt được quả tang tên ăn cắp. Người ta phải hết sức cẩn thận với những lời buộc tội. Dấu PX đóng trên chai cognac này có lẽ cũng là một nhãn hiệu?"

Trên đường tìm quân phục và ủng đi rừng, tôi đi qua lại các gian hàng, nhưng không thể phát hiện ra chúng ở đâu cả. Rồi một người phụ nữ bán hàng ở chợ đen bước đến với tôi và hỏi tôi bằng tiếng Anh, tôi tìm gì. Tôi nói cho bà ấy biết, sau đấy bà ấy nói: "Chúng tôi có đủ quân phục – mũ, quần, giày, áo, tất cả những gì mà ông muốn có. 4800 đồng hay 30 dollar. Ông có muốn không?"

"Tôi muốn nhìn thấy chúng trước đã."

"Ông có mua nếu như chúng còn hoàn toàn mới và đúng cỡ không?"

"Vâng, tất nhiên rồi. Tôi có phải trả tiền ngay bây giờ không?"

Người đàn bà quay sang một đứa trẻ, nói điều gì đấy bằng tiếng Việt và đưa cho nó một tờ giấy. "Ông đi theo thằng bé này và trả tiền khi ông nhận được trang bị."

Đứa bé dẫn tôi đi dọc theo con đường vào một cửa hàng có bày bán bình bằng đồng ở cửa sổ. Một người đàn ông già lạch cạch với những hạt của một cái bàn tính. Ông già lặng lẽ dẫn tôi đi qua cửa sau của cửa hàng, qua một sân trong vào một hành lang có mùi hôi của rau cải thối, và rồi lên hai cái cầu thang tối tăm cũng như hôi thối vào trong căn gác của một ngôi nhà khác.

Ở đây trông giống như trong một kho vũ khí của quân đội Mỹ. Tất cả dường như được sơn màu nâu và có mùi dầu hay mùi sơn còn mới. Trang thiết bị, có gắn bảng giá được in ra, được dựng ngay ngắn thành hàng. Súng tự động có giá 250 dollar, một súng cối hạng nặng 400 dollar.

Khoảng 1000 cây súng Mỹ nhiều loại khác nhau được xếp thành hàng ngay ngắn. Một cây M-16 có giá 80 dollar. Treo ở phía bên kia của căn gác là quân phục của tất cả các binh chủng, kể cả của Không Quân Hoa Kỳ. Ngay thiết bị lặn của Hải Quân cũng có.

Người đàn ông già hỏi số của tôi và rồi mang ra cho tôi bộ quân phục và giày ủng như ý muốn.

Sau đó, cũng vào tối hôm đấy, tôi nói chuyện với một người bạn cũ, người mà tôi muốn gọi là Tran Trong Hoc (và người mà tôi sẽ tường thuật thêm về anh ấy sau này), về chợ đen. "Cái mà anh thấy thì chẳng là gì cả", anh ấy nói. "Anh hãy đi xe ra bờ biển và xem những người buôn bán lớn hoạt động. Toàn bộ chính phủ Nam Việt Nam đều có dính líu vào những thương vụ này." "Cả người Mỹ nữa?"

"Nhiều người đã trở thành triệu phú ở đây – giống y như thời trước, khi quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật và Đức. Điều đấy thì anh có thể tin tôi; vì số mua bán chợ đen ở Việt Nam hàng năm là vào khoảng mười tỉ dollar – tính bằng hàng hóa Mỹ và bằng tiền. Nếu không có sự âm thầm đồng ý của người Mỹ thì những thương vụ này không thể nở rộ được – nếu thế thì không thể." Tôi không trả lời.

"Chợ Đen Nhỏ" ở gần Đại sứ quán Mỹ và Juspao là một trong những "thắng cảnh" của Sài Gòn. Nó được chính thức chỉ cho khách tham quan xem cũng như Tòa đại sứ Mỹ, nhà ga và chợ công khai.



Người Mỹ cũng như người Việt Nam mua trên "Chợ Đen Nhỏ", vì có lúc nó còn có hàng hóa tốt hơn là trong các cửa hàng chính thức của chính phủ Mỹ, những cửa hàng mà hàng hóa này được ăn cắp ra từ đó.

Tất cả mọi người – kể cả các nhân viên có trách nhiệm – đều biết hàng hóa bày bán ở đó được lấy trộm như thế nào từ cửa hàng PX và cơ quan hậu cần Mỹ; người ta còn biết được là từ ai và ai trả tiền nữa. Nếu như chính phủ Mỹ và chính phủ Việt Nam muốn thì tình trạng mua bán chợ đen ở Sài Gòn có thể được xóa bỏ hầu như chắc chắn là trong vòng một tuần.

"Chúng tôi làm việc không chính xác cho lắm trong lúc đó", một nhân viên đào tạo cảnh sát người Mỹ giải thích, "vì chúng tôi không muốn gây bất hòa với người Nam Hàn và người Phi Luật Tân (cả hai đều tham gia mạnh vào trong các thương vụ chợ đen và cả hai đều là đồng minh của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ) – và vì chợ đen giúp làm giảm lạm phát. Tại sao, tôi không biết, nhưng các chuyên gia kinh tế của chúng ta quả quyết điều đấy."

Tôi muốn biết chợ đen có những món hàng xa xỉ của nó bằng cách nào, vì thế nên tôi đến tìm các nhà cung cấp chính trong Sài Gòn – các cửa hàng PX. Cửa hàng PX lớn trong khu phố người Hoa Chợ Lớn còn chưa mở cửa khi tôi đến đấy. Ở cuối hàng của những người đang chờ có hai người lính Mỹ. Họ phải trở về từ vùng có chiến sự: quần áo đi rừng của họ dơ bẩn, mũ của họ có lưới ngụy trang.

Tò mò, muốn xem hai người lính từ mặt trận mua gì trong PX, tôi đứng xếp hàng ở phía sau họ. Cả hai người lính đến từ một trạm hẻo lánh của nhóm thông tin ở sau Pleiku; họ muốn mua một tú ướp lạnh, cho thức uống lạnh và sandwich.

Họ kể lại cho tôi nghe họ đã chuẩn bị những gì để mang chiếc tú ướp lạnh lên máy bay, và viên sĩ quan của bộ phận phục vụ quân đội đã phát hiện những cái tú ướp lạnh đã về đến Sài Gòn vào ngày hôm qua như thế nào.

Khi những cánh cửa của gian hàng PX mở ra và các người lính đó đến lượt mình thì không còn tú ướp lạnh nữa. Đợt hàng về vào trưa ngày hôm qua; lúc đóng cửa thì tất cả các tú ướp lạnh đã được bán xong. Mười hai trong tổng số 16 tú ướp lạnh, theo tôi biết, đã được bán cho lính Phi Luật Tân và Hàn Quốc.

Nhưng làm sao mà người Phi Luật Tân và Hàn Quốc lại biết có tú ướp lạnh và có thể mua chúng nhanh đến như thế? Câu trả lời lại hết sức đơn giản: quân đội Mỹ, nhà điều hành của hàng PX ở Sài Gòn, đã nhận người Phi Luật Tân và Hàn Quốc làm trưởng cửa hàng. Khi một món hàng được ưa thích về đến, những người này báo tin cho bạn bè người Hàn Quốc và Phi Luật Tân của họ.

Khi những người lính thất vọng rời cửa hàng PX, một người trong họ nói: "Mày có nhớ kho hậu cần của Việt Cộng mà chúng mình tóm được hồi tháng rồi không?"

"Có, tao biết. Ở đó có một cái tú ướp lạnh – có nhãn PX ở sau lưng; cái tú khôn nạn đó đầy thuốc kháng sinh Mỹ."

Hệ thống PX Mỹ ở Việt Nam – theo thông tin của viên sĩ quan có trách nhiệm – là một công việc thương mại có doanh thu hàng năm là 300 triệu dollar. Nó chứng minh trong quy mô nhỏ, tại sao Hoa Kỳ lại lún sâu vào trong những khó khăn ở Việt Nam – và ở trong chính sách ngoại giao của nó.

Trong các cửa hàng PX có trên 5000 phụ nữ người Việt được nhận vào để bán hàng. Họ không biết đến các món hàng, nói chung là không có sự quan tâm và không lịch sự – và ăn cắp. Trong tháng 5 năm 1967, cửa hàng PX nhỏ cho tổng hành dinh ở Sài Gòn đã mất 65.000 dollar chỉ riêng vì ăn cắp vặt. Và đó chỉ là một cửa hàng nhỏ.

Có một thời gian, ban giám đốc cho khám xét những người Việt bán hàng lúc họ rời cửa hàng. Những người phụ nữ dọa sẽ đình công, nếu như việc kiểm tra này không chấm dứt. Chúng chấm dứt. Vì người Mỹ thích bị ăn cắp hơn là "gây ấn tượng không tốt" với người Việt.

Chính tôi đã nhìn thấy những phụ nữ bán hàng lôi hàng PX ra từ quần áo lót của họ ở trên đường chính bên ngoài một cửa hàng PX và quẳng vào một cái giỏ như thế nào. Một người Việt đứng cạnh đấy và ghi chép loại hàng và số lượng những gì mà mỗi một cô gái đã lấy đi cùng với mình.

Hàng hóa dành cho các cửa hàng PX – và cả cho kho hậu cần – đã bị đánh cắp từ trước khi nói chung là chúng đến nơi – và cả sau khi chúng được xếp lên kệ hàng. Thế nhưng tham nhũng không giới hạn ở chợ đen.

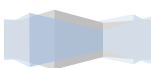
Đó không phải là một điều bí mật, rằng các cửa hàng PX và kho hậu cần thông qua con đường vòng của chợ đen mà có thể cung cấp hàng xa xỉ cho hầu như bất cứ người nào có đủ tiền ở Nam Việt Nam. Một nhà nhập khẩu kể cho tôi nghe, ông ấy không còn mua bán tủ lạnh và máy khâu âm được nhập khẩu chính thức nữa – có thể mua chúng rẻ tiền hơn và nhanh hơn từ những cửa hàng PX, tức là thông qua chợ đen.

Các nhà nhập khẩu thực phẩm nước ngoài cũng nằm trong cùng tình trạng tồi tệ đấy. Với chính mắt mình, tôi đã nhìn thấy người Phi Luật Tân và Nam Hàn trong quân phục dỡ thịt hộp và nước trái cây xuống trước khách sạn Continental từ một chiếc xe tải quân đội vào lúc 6 giờ sáng như thế nào. Trên thực đơn của khách sạn Continental có món "Đồ hộp Mỹ". Nếu như người ta gọi nước ép cà chua vào lúc ăn sáng, thì người bồi bàn sẽ mang ra một cái lon nhỏ còn dấu của kho hậu cần Mỹ: mười cent.

Trong thời gian ở Sài Gòn, tôi đã quan sát thấy bốn lần chiếc xe tải đẩy cung cấp thực phẩm từ cửa hàng PX và kho hậu cần cho khách sạn Continental như thế nào. Có một lần, một kiện thịt to, có tên Tướng Westmoreland, được đưa cùng với nước ép cà chua vào Continental. Hầu như không có quán rượu nào ở Sài Gòn mà không bán rượu từ kho hàng Mỹ.

Trong lúc khảo sát các cung cách làm ăn PX này, tôi xin được phỏng vấn một trong số các sĩ quan chịu trách nhiệm. Tôi được phép – với một viên đại tá và dưới điều kiện là tôi sẽ không trích dẫn trực tiếp ông ấy.

Hệ thống PX, ông ấy nói, nhận trên 5000 phụ nữ người Việt vào làm việc, vì đấy là nghĩa vụ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, đào tạo cách thức bán hàng cho những người phụ nữ này. Sau



khi chiến tranh chấm dứt, họ sẽ làm việc trong các cửa hàng Việt Nam như những người đã học nghề buôn bán và qua đó có thể giúp phát triển nền thương mại của đất nước này.

Lời giải thích này là vô lý đối với tôi. Mỗi một cửa hàng mà được điều hành như PX thì chắc hẳn sẽ bị phá sản ngay.

Viên đại tá tiếp tục, PX nhận nhân viên bán hàng người Việt và trưởng cửa hàng người Hàn Quốc và Phi Luật Tân, vì họ rẻ tiền hơn là người Mỹ – và vì người Phi và người Hàn Quốc đã có kinh nghiệm với PX ở Seoul và Manila rồi.

Tôi nói với viên đại tá rằng phục vụ không được tốt. Ngoài ra, hàng hóa với tổng giá trị có lẽ là 75 triệu dollar hàng năm phần lớn đã bị đánh cắp hay bị đưa sang chợ đen chỉ vì người nước ngoài được nhận vào làm nhân viên bán hàng, cửa hàng trưởng, lái xe tải và công nhân bến tàu.

Viên đại tá phủ nhận rằng việc phục vụ là không tốt. Ông ấy cũng phủ nhận rằng một phần đáng kể của hàng hóa trong các cửa hàng của ông ấy được tuồn ra chợ đen. Ông ấy không thừa nhận, rằng hàng hóa với giá trị 65.000 dollar bị đánh cắp hàng tháng từ cái cửa hàng PX nhỏ trong Sài Gòn. (Chính tôi đã nhìn thấy con số thất thoát ước tính vì ăn cắp từ cửa hàng PX trong Sài Gòn. Hoặc là viên đại tá không biết những gì đang xảy ra trong chính những cửa hàng của ông ấy, hoặc là ông ấy nói dối.)

Một lý do khác cho việc nhận trên 5000 người ngoại quốc vào làm việc trong PX, theo thông tin của viên đại tá, là tạo việc làm cho những người Việt Nam xứng đáng, có tư cách tốt, và qua đó mà giúp đỡ nền kinh tế chiến tranh. Tôi hỏi ông ấy, liệu ông ấy có biết sự lừa dối trong tạo việc làm hoạt động như thế nào không. Trong thực tế, người nam bán hàng và người nữ bán hàng nào cũng cần phải có một tờ giấy giới thiệu của nhân viên nhà nước Việt Nam. Phải trả tiền cho giấy giới thiệu này – giá bình thường là khoảng một tháng lương.

Viên đại tá chưa từng nghe nói về việc này. Rồi ông ấy kể cho tôi nghe rằng các cửa hàng PX này là một cơ quan tuyệt vời như thế nào. Người ta có được lợi nhuận với chúng và qua đó chi trả cho phim truyện và những khả năng giải trí khác cho những người lính Lục Quân và Không Quân. Ông ấy cũng giải thích rằng những người Mỹ ưa thích hoạt động có thể chi dollar của họ trong những cửa hàng PX – thay vì quẳng tiền của họ vào trong nền kinh tế Việt Nam và qua đó tạo ra lạm phát.

"Không phải các cửa hàng PX trước hết là để phục vụ cho quân nhân sao?" tôi hỏi viên đại tá.

Ông ấy đồng ý. Thế nhưng trong cửa hàng PX lớn trong Sài Gòn, quân đội đứng ở hạng cuối cùng. Đầu tiên là việc đào tạo người Việt, rồi lợi nhuận để chi trả cho các khả năng giải trí, rồi cải thiện nền kinh tế Việt Nam, sau đây là "án tượng tốt". Người lính đứng hàng cuối cùng.

Không phải tỷ lệ nhỏ nhoi của những người chiến đấu thật sự hưởng lợi nhiều nhất từ các cửa hàng PX, mà là những kẻ mập mạp trong các thành phố và tổng hành dinh cũng như hàng

ngàn người dân thường – công nhân xây dựng, giới báo chí, nhân viên và những người trong Đại sứ quán.

Hệ thống PX trong hình thức hiện nay của nó đã làm cho Hoa Kỳ trở thành một kẻ đồng lõa với hình thức tham nhũng tồi tệ nhất. Tất cả, kể cả người Mỹ, đều biết rằng có một vài người Mỹ dính líu vào trong đó. Ai cũng biết rằng nhiều nhân viên bán hàng người Việt tham nhũng và rằng nhân sự Phi Luật Tân và Hàn Quốc trong những cửa hàng PX và kho hậu cần thường móc ngoặc với bạn bè của họ. Vì những cung cách đó trong các cửa hàng PX và kho hậu cần mà một người Việt Nam bình thường sẽ cho rằng người Mỹ ăn hối lộ.

Gian lận trong các cửa hàng PX và việc bán hàng PX trên chợ đen với giá trị nhiều triệu dollar tất nhiên giống như là việc nhỏ khi so với những gì mà tôi phát hiện ra sau này.

Cùng với Tran Trong Hoc, người bạn thân của tôi, tôi đi dọc theo sông Sài Gòn. Tran, một nhân viên của sở cảnh sát tại Hà Nội khi còn dưới thời thống trị của Pháp, giống như một ông quan đã về hưu. Ông ấy lui về sống ẩn dật và quan sát tất cả, lắng nghe tin đồn và những mẩu chuyện mà người ta bàn tán, đọc báo và theo dõi cuộc tranh dành quyền lực có mặt ở khắp mọi nơi trong chính trị Việt Nam.

Con và cháu của ông ấy sống rải rác trên toàn Đông Nam Á. Một vài người làm việc cho chính phủ Nam Việt Nam, những người khác cho chính phủ Mỹ, lại những người khác nữa cho Mặt trận Giải phóng. Một vài người cũng hoạt động trong kinh tế.

Tran Trong Hoc là một Central Intelligence Agency nhỏ - đối với ông chỉ là một cách để giết thời gian, một thú vui tiêu khiển. Khi tôi lưu ý ông ấy đến những mối nguy hiểm của thú vui ông ấy, ông ấy chỉ mỉm cười và chậm rãi nói: "Một người đàn ông già còn làm gì khác được để giúp đất nước của mình chứ?"

Chúng tôi đi dạo về hướng Bắc. Nhiều tàu chở hàng Mỹ thả neo trên sông Sài Gòn, gần chúng tôi nhất là một chiếc tàu chở hàng lớn màu xám. Hàng của nó đang được chuyển sang sà lan chở hàng.

"Chúng mình hãy quan sát con tàu này", Tran nói. "Nhưng để cho an toàn hơn thì chúng ta hãy làm điều này từ trong xe của tôi. Cuối cùng thì chúng ta đang do thám, điều tra lấy tin tức. Chúng ta là thám tử, chúng ta muốn nhìn xem ai bòn rút hàng hóa cung cấp cho quân đội Mỹ. Đứng lại ở đây trên đường phố với ông nhòm có nghĩa là thách thức số phận đấy." Ông ấy kéo ngón trở đi ngang qua cổ của ông ấy, hết sức có ý nghĩa.

Chúng tôi quay lại và đi trở về đến chiếc Citroen lạch cạch cũ kỹ của Tran. Chỉ trong vòng vài phút, chúng tôi lại ở cạnh dòng sông và ngừng lại ở cách bến tàu vào khoảng 150 mét, bến tàu mà những chiếc sà lan hướng đến từ chiếc tàu chở hàng của Mỹ.

"Các xà lan chở hàng này", Tran giải thích, "thuộc một công ty Việt Nam của một vài tướng lĩnh người Việt. Người Mỹ của họ trả tiền cho việc sử dụng các sà lan này. Người Mỹ của họ



trả tiền cho đặc quyền, được gửi đạn dược, thực phẩm và vật liệu chiến tranh vào trong đất nước này."

Đỗ ở bến tàu là tám chiếc xe tải năm tấn, trước kia đã từng là xe của quân đội Mỹ. Mấy chiếc sà lan neo lại ở bến tàu, công nhân cảng người Việt dỡ hàng xuống – và dỡ trực tiếp sang các chiếc xe tải màu nâu.

"Hiệp Chúng Quốc Hoa kỳ trả tiền lương cho các công nhân cảng người Việt này", Tran nói.

Không thấy lính Mỹ hay nhân viên dân sự giám sát và kiểm tra ở đâu cả. Lời giải thích của Tran: "Chính phủ Nam Việt Nam đã có ý nói với chính phủ Mỹ, rằng họ không nên can thiệp vào công việc nội bộ."

Tôi bực mình trả lời: "Nhưng hàng hóa này là vật liệu chiến tranh Mỹ. Mấy cái thùng gỗ mang dòng chữ BỘ QUỐC PHÒNG, THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ, XIN ĐỪNG ĐÁNH RỒI. Chúng đến từ Hoa Kỳ và do công dân Mỹ trả tiền."

"Bill", Tran nói, "Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ không có quyền thuế quan ở Việt Nam. Họ phải hiểu rằng người Mỹ chỉ là khách ở đây mà thôi. Đó là tư thế công khai của đất nước bạn. Có lẽ vì thế mà không có ai ở đây để giám sát hàng chiến tranh cả. Người khách thường không kiểm soát sự không chân thật của chủ nhà họ."

"Nhưng đây là hàng Mỹ cho quân đội Mỹ." – "Vâng."

Chúng tôi tiếp tục quan sát sự việc. Sau khoảng một giờ đồng hồ, tám chiếc xe tải đã chất đầy 40 tấn hàng Mỹ. Các tài xế hồi hộp thấy rõ. Họ nhìn đồng hồ liên tục và bồn chồn nói chuyện với nhau.

"Bình thường", Tran nhận định, "thì thời gian ít quan trọng đối với chúng tôi. Khi tài xế người Việt bắt đầu bồn chồn thì điều đấy chỉ có nghĩa là: họ phải chạy qua vùng do Việt Cộng kiểm soát. Việt Cộng được trả tiền để cho một đoàn xe tải đi qua vào một giờ nhất định. Nếu đoàn xe này đến sớm quá hay muộn quá thì có thể là những chiếc xe tải sẽ bị cho nổ tung."

Một chiếc xe Jeep quân đội Việt Nam với một lá cờ Việt Nam nhỏ ở trên cái chắn bùn phía trước bên trái chạy đến bến tàu. Một người Việt to béo, khoảng 35 tuổi, trong quân phục ka ki (nhưng không có quân hàm), bước xuống.

Mấy người tài xế quay quanh ông ấy. Người đàn ông to béo đấy đưa cho mỗi người một tờ giấy. Ông ấy nói đi nói lại với những người tài xế, gần giống như một huấn luyện viên bóng đá đang ra chỉ thị cho đội bóng. Cuối cùng, ông ấy gật đầu: các tài xế nhanh chóng bước lên những chiếc xe to của họ và nổ máy. Tất cả các tài xế đều nhét giấy tờ của mình vào trong một cái bọc nhựa và gắn nó vào cái chống nắng trên xe tải của mình.

Người Việt to béo trong quân phục ka ki đẩy lại gập đầu; chiếc xe tải đầu tiên chạy, những chiếc khác theo sau nó. Đoàn xe rời vùng sông và chạy chậm chậm qua thành phố hướng về



vào nội địa. Rồi chúng tôi không nhìn thấy chúng nữa, nhưng Tran biết tuyến đường của đoàn xe cũng như nơi chúng đến. Trong số hàng trăm bạn bè và người cung cấp thông tin cho ông ấy có một người luôn đi trên tuyến đường này.

Khi tám chiếc xe tải với 40 tấn thiết bị điện tử Mỹ đến con đường từ Sài Gòn đi Biên Hòa, họ bị một trạm lính gác Việt Nam có một người lính Mỹ đi cùng chặn lại. Các tài xế trình giấy tờ của họ. Người lính gác Việt đi từ xe này sang xe khác, kiểm tra nhanh chóng từng tờ giấy và nói với người Mỹ, người không biết đọc và không biết nói tiếng Việt và phải dựa vào đối tác người Việt của mình. Người Mỹ đưa ra lời "O.K." của ông ấy và lui về ven đường. Lính gác người Việt cho đoàn xe tiếp tục đi.

Mấy chiếc xe tải tiếp tục lăn bánh trên con đường số 1 cũ; nó dẫn đến Pnom Penh, thủ đô của Campuchia. Biên giới chỉ cách khoảng 80 kilômét. Lính gác cầm súng chặn những chiếc tải lại bốn lần, giấy tờ được kiểm soát bốn lần. Hai lần lính gác mặc quân phục Lục quân Nam Việt Nam, hai lần họ mặc pyjama màu đen của nông dân.

Cuối cùng, các chiếc xe tải đến được mục đích của chúng: Gò Dầu Hạ, một ngôi làng ở ngay gần biên giới Campuchia-Việt Nam, cách thủ đô Sài Gòn 80 kilômét hay khoảng hai giờ và hai mươi phút.

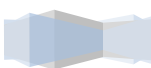
Họ ngừng lại cạnh một con đường không được trải nhựa, có tên là Tú Xương. Ở ngã tư của con đường đó với con đường Văn Lang còn nhỏ hơn có một ngôi nhà bằng gỗ với mái rơm, tương đối lớn. Lính canh có súng của Nam Việt Nam bước ra, một người trong số họ ký nhận và thu giấy của những người tài xế. Một người lính hô to điều gì đấy. Các tài xế bước xuống, bước lại cạnh một cái bàn bên cạnh ngôi nhà mái rơm. Hai người đàn bà trong pyjama màu đen mang thức ăn đến. Có mùi cá và tỏi.

Trong khi những người tài xế còn đang ăn, có một đoàn xe tải sơn đen đến từ hướng kia, từ Campuchia. Một nhóm công nhân hoạt động ngay lập tức: hàng của hai đoàn xe được chuyển qua cho nhau. Thiết bị điện tử Hoa Kỳ đi sang Campuchia, thùng các tông từ Campuchia sang các xe tải Việt Nam.

Sau nửa giờ, đoàn xe Việt Nam, chở hàng tấn hàng hóa của Trung Quốc đỏ, bắt đầu chuyển trở về Sài Gòn. Người ta còn chẳng buồn che dấu điều gì hết, đến cả đều được ghi rõ trên những thùng các tông lớn: bàn chải đánh răng, kem đánh răng, vitamin, bút Parker giả và bình thủy.

Ba giờ trôi qua. Những chiếc xe tải đã về đến Chợ Lớn ở rìa của Sài Gòn. Họ đổ trước những căn nhà kho bằng gỗ, hàng hóa từ nước Trung Quốc Cộng sản được mang vào. Nhiều cảnh sát Nam Việt Nam đứng nhìn ở đó.

Trong ngôi nhà kho có nhiều đồng lớn lấp xe cho xe Jeep và xe quân đội Mỹ khác. Ở phía sau là hàng trăm bao tải xi măng Mỹ được chất chồng lên với nhau (với nhãn hiệu USAID) và hàng trăm bao gạo Mỹ. Ngôi nhà kho là của Hop Tan, một người Hoa.



Đã xảy ra như thế đấy với xe tải chở 40 tấn hàng chiến tranh Mỹ. Người to béo, mặc đồ ka ki, người nhận chúng ở cảng Sài Gòn, thuộc sở cảnh sát tỉnh Tây Ninh ở cạnh biên giới Campuchia. Ông ấy đến cảng mỗi ngày ít nhất một lần và trao giấy tờ cho tài xế xe tải.

Đó là giấy tờ chính thức, chứng nhận rằng hàng trên xe tải được cung cấp cho lực lượng thông tin Nam Việt Nam.

Tất nhiên là các lực lượng thông tin không bao giờ nhìn cái gì trong số những vật đó. Chúng được gửi trên con đường số 1 cũ đến Gò Dầu Hạ, Ta Loc hay Nan Pi, tất cả đều là trạm trung chuyển sang Campuchia. Ngay khi chúng đến đấy, hàng trên xe tải được giao cho một người Hoa quốc gia từ Đài Bắc; ông ấy đại diện cho một nhóm [kartell] chợ đen quốc tế.

Hưởng những món tiền tạo khả năng cho tất cả những việc đấy là các sĩ quan cao cấp của lực lượng thông tin Nam Việt Nam, của cảnh sát tỉnh Tây Ninh, đại diện của Bộ Ngoại giao và chính phủ trong Sài Gòn.

Tất cả đều được kết hợp với nhau một cách tuyệt vời; nhân viên nào đó ở Cảng Sài Gòn biết tàu Mỹ nào và hàng nào sẽ đến Sài Gòn. Khoảng hai tuần trước khi một chiếc tàu chở hàng Mỹ đến Sài Gòn, những người có thể là khách hàng được thông báo trước về hàng hóa của chiếc tàu Mỹ: Việt Cộng, người Bắc Việt, thỉnh thoảng là Trung Quốc đỏ, có lẽ là một người trung gian ở Hongkong – hay ở một quốc gia nào đó trên thế giới, những người cần món hàng đấy và sẵn sàng trả một giá cao tương ứng.

Theo một nguồn từ Phi Luật Tân, Israel trong mùa Hè 1967 là một trong số các khách hàng chợ đen. Israel rất cần đạn đại bác 175 milimét; chỉ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ là sản xuất chúng với lượng lớn. Chúng có giá 400 dollar cho mỗi một viên. Đạn đại bác, thật ra là dành cho quân đội Hoa kỳ ở Việt Nam, được chuyển qua Manila. Ở đấy, một chiếc tàu khác nhận những viên đạn đấy – và mang chúng sang Israel.

Có nhiều người tham gia vào trong vụ mua bán này. Vì đấy ít nhất cũng là nhiều tỉ dollar.

Các đối tác sau đây thuộc trong số đó:

- Tướng lĩnh và nhân viên Nam Việt Nam, thương gia Nam Việt Nam, những người có quan hệ thân mật với người Việt có chức vụ trong chính phủ;
- Mặt trận Dân tộc Giải phóng (Việt Cộng)
- Người Mỹ mua bán hàng chợ đen
- Điệp viên Bắc Việt Nam
- Thương gia Trung Hoa Quốc gia, cả ở Việt Nam lẫn trên Formosa.
- Lính, thương gia và nhân viên Hàn Quốc
- Lính, thương gia và nhân viên Phi Luật Tân.

Nói cách khác: hầu như ai cũng làm tiêu hao các cố gắng chiến đấu của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

"Anh là một người bạn cũ, và chúng ta đang ở tại một buổi tiệc gia đình, vì thế mà tôi muốn nói với anh những gì tôi cho là sự thật. Dân giáo sư chúng tôi gọi các nhà ngoại giao và tướng lĩnh của anh là "những người Mỹ nịnh bợ". Họ sẽ thích hôn mê của một người sẵn lòng chức vụ chính trị có quê từ miền Bắc như Tướng Kỳ giữa ban ngày ban mặt trước tòa nhà Quốc Hội hơn là chấp nhận rủi ro làm cho người Việt phải đau buồn ..."

Giáo sư Vo Van Kim nói điều đấy với tôi sau vài ly rượu ở buổi tiệc mừng sinh nhật 70 tuổi của ông ấy.

Điều đấy thật là bi thảm: nhân viên người Mỹ mắc một chứng tê liệt, khiến cho họ không có khả năng bắt buộc chính phủ Nam Việt Nam phải bãi trừ tham nhũng. Họ sợ làm cho người Việt phải đau buồn. Vì sự bất lực này mà người Việt khinh rẻ và coi thường chúng ta. Họ hạ nhục chúng ta ở mỗi một cơ hội – và chúng thì có nhiều lắm.

Trong một căn cứ lớn của Không quân Hoa Kỳ (tôi không muốn nêu tên ra để bảo vệ một trong các sĩ quan), vào một sáng thứ hai nóng bức, các sĩ quan quân y của tất cả các binh chủng đã đến để họp một hội nghị đặc biệt. Hai đề tài có trên chương trình nghị sự: thiếu thuốc kháng sinh đa dụng và một chứng bệnh kỳ bí.

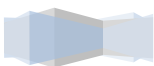
Một bệnh nhiễm trùng da nguy hiểm xuất hiện với con số bệnh nhân ngày một tăng của một bác sĩ không quân trẻ tuổi. Nó làm cho nạn nhân không đi lại được: người bác sĩ trẻ tuổi hy vọng các đồng nghiệp nhiều tuổi hơn của anh ấy có thể giúp đỡ được cho anh ấy. Không ai có được một lời khuyên, nhưng tất cả đều tường thuật về những ca bệnh giống như thế trong đơn vị của họ.

Đại diện của y tế chính phủ bay đến, một cuộc xét nghiệm tỉ mỉ được ban hành. Kết quả thử nghiệm cho thấy rằng trên quần áo của họ có nhiều loại nấm và vi trùng khác nhau, tấn công da của con người.

Dấu vết của chứng bệnh da đấy dẫn đến những tiệm giặt ủi của một công ty Việt Nam tại địa phương. Phụ nữ người Việt giặt quần áo bằng tay, trong nước lạnh. Nước này bị nhiễm bẩn bởi nước thải ô uế mà người ta có thể chứng minh được ký sinh trùng đường ruột ở trong đó một phần.

Các bác sĩ quân y và nhân viên của y tế chính phủ ra lệnh cho những người giặt ủi phải nấu sôi nước, đưa cho họ thuốc khử và chỉ dẫn cho họ cách sử dụng. Những người điều hành các tiệm giặt ủi nói rằng nhân viên của họ đã hiểu mọi việc và sẽ làm theo như thế. Mặc dù vậy, những người phụ nữ giặt giũ vẫn tiếp tục giặt đồ trong nước lạnh nhiễm bẩn và những người lính vẫn cứ mắc những chứng bệnh da.

Một trong số các sĩ quan đang phục vụ ở đó – tôi muốn gọi ông ấy là Đại tá John Adams – tìm ra giải pháp cho vấn đề. Adams thương lượng với một công ty không phải thuộc người Việt và giao cho họ nhiệm vụ thành lập một tiệm giặt ủi hiện đại trong căn cứ. Sau khoảng sáu tuần, tiệm giặt ủi này hoạt động, dịch bệnh da chấm dứt. Những người lính bây giờ nhận được



quần áo của mình trong vòng hai ngày (thay vì là năm như trước đây), y phục được tẩy trùng và được là.

Ai cũng cảm ơn Đại tá Adams vì sáng kiến của ông ấy – ngoại trừ người Việt của những tiệm giặt ủi, các sĩ quan người Việt và gái mại dâm người Việt. Sự kết hợp này dường như là kỳ lạ đối với người Mỹ, nhưng hết sức dễ hiểu theo cách nhìn của những thói quen đang thống trị ở đây.

Hầu như bất cứ một vụ kinh doanh nào ở Việt Nam đều cũng có bàn tay của chính quyền quân đội Nam Việt Nam ở trong đó, hay họ kiểm soát nó toàn bộ. Việc giặt, tẩy và sửa chữa quần áo lính Mỹ là một công việc kinh doanh 120 triệu dollar mỗi năm. Nhân viên nhà nước Việt Nam nhận tiền hối lộ từ mỗi một người phụ nữ giặt đồ, mỗi một chủ tiệm giặt ủi và thợ may, người làm việc cho quân đội nước ngoài. Khi bây giờ Đại tá Adams cho dựng một tiệm giặt ủi hiện đại, do người ngoài cuộc điều hành, ông ấy tự động đã làm giảm đáng kể lợi nhuận của các người sếp Nam Việt Nam.

Các cô gái mại dâm tham dự một cách ít trực tiếp hơn: những người điều hành tiệm giặt ủi mua bột giặt qua quân nhân từ PX. Cứ mười hộp bột giặt thì những người đàn ông đó nhận được một tấm phiếu mà họ có thể đổi nó tại một trong số các nhà chứa khá hơn. Tức là với việc khai trương tiệm giặt ủi hiện đại, mua bán bột giặt trong PX – và việc kinh doanh trong nhà chứa đã giảm xuống.

Vài tuần sau khi tiệm giặt ủi mới đi vào hoạt động, Đại tá John Adams nhận được một mệnh lệnh từ cấp trên của ông ấy. Viên chỉ huy người Việt trong vùng của Adams đã khiếu nại về việc thành lập tiệm giặt ủi mới, vì qua đó mà phụ nữ người Việt đã mất việc làm của họ. Vì thế mà mệnh lệnh cho Adam là nếu như ông ấy không thể tạo ra những khả năng thu nhập tương đương cho những người phụ nữ Việt Nam thì ông ấy phải đóng cửa tiệm giặt ủi mới và lại trao công việc đó về cho người Việt tại địa phương.

Ý nghĩ, trở thành người môi giới việc làm cho phụ nữ giặt giũ và là người trung gian cho những kẻ gian lận người Việt, hoàn toàn không khiến cho Đại tá Adams cảm thấy dễ chịu. Rằng phúc lợi của có lẽ là 100 cô gái mại dâm người Việt quan trọng hơn là sức khỏe của hàng ngàn người lính Mỹ, những người chiến đấu cho người Việt Nam, khiến cho ông ấy tức giận.

Nhưng Đại tá Adams thông minh và có suy nghĩ thực tế. Ông ấy hiểu rằng ông ấy không có sự lựa chọn khác. Những người đàn bà giặt quần áo trước đây được nhận làm người đưa hàng; họ thu quần áo bẩn trong các doanh trại lại, mang chúng đến tiệm giặt ủi mới và sau đó mang quần áo sạch đi trả, công việc của họ hoàn toàn không cần thiết; trong thực tế, họ kéo dài thời gian hoàn trả và làm tăng giá giặt ủi lên. Nhưng như thế thì mới có thể giữ cho tiệm giặt ủi mới hoạt động và giữ cho những người lính được khỏe mạnh.

Và bây giờ thì cả các cô gái mại dâm ở gần căn cứ Mỹ cũng có thể tiếp tục hành nghề: quân nhân đưa xà phòng từ cửa hàng PX ra cho những người đàn bà giặt quần áo – và bù lại nhận từ họ phiếu cho nhà chứa. Xà phòng được bán đi trên chợ đen.

"Cuối cùng, tất cả đều ôn – ít nhất thì những người lính của chúng ta không lại mắc bệnh da", Đại tá Adams nói. "Nhưng người ta học được từ đây, rằng Hoa Kỳ đầu tiên là phải hạ bệ những kẻ kinh doanh của chính phủ Nam Việt Nam, nếu họ muốn chiến thắng cuộc chiến này. Chiến thắng Việt Cộng và người Bắc Việt Nam – mẹ kiếp, đây rồi thì chỉ còn là việc nhỏ!"

Chỉ một phần nhỏ của trên 500.000 người Mỹ ở Việt Nam là chiến đấu thật sự. Vì thế mà chỉ có một phần nhỏ của họ là sống ở chiến trường. Đại đa số, giới quân đội cũng như dân sự, sống trong thành phố.

Tôi tham quan vài căn nhà được người Việt mượn cho nhân viên người Mỹ. Nhà đầu tiên được đưa ra như là "biệt thự với hai phòng ngủ".

Lúc bước vào, tôi nghĩ là đã lầm: nó hôi thối như một hố phân. Lúc trời mưa, nước ô uế chảy tràn từ nhà vệ sinh lên sàn nhà đã mục nát và đọng lại ở giữa đó và ở dưới sàn.

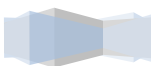
Mái nhà có hai lỗ, xô được treo ở dưới đây – chúng hứng nước mưa. Một phòng ngủ rộng khoảng mười mét vuông rưỡi, phòng kia hơn sáu mét vuông. Phòng bếp không có bếp nấu, tủ lạnh là một cái tủ ướp lạnh cỡ nhỏ.

Chính phủ Mỹ trả cho cái chuồng heo này hàng tháng 200 dollar, khoảng gấp ba lần tiền thuê nhà cho phép. Sống trong căn nhà tồi tàn đây với hai phòng ngủ là tám người lính Mỹ. Viên sĩ quan Hoa Kỳ mà lính của ông ấy sống ở đây khiếu nại về căn nhà, nhưng cấp trên của ông ấy nói với ông: "Anh hãy yên lặng, viên thiếu tá đây đã chiếu cố cho chúng ta rồi. Nếu ông ấy muốn, ông ấy còn có thể tăng thêm tiền nhà."

Căn nhà thứ nhì mà tôi xem xét có bốn phòng ngủ tí hon. Người ta có thể gọi một phòng là phòng tắm; nó có một cái bồn vệ sinh và một vòi tắm mà chỉ có nước lạnh chảy ra từ đó.

Hai phòng ngủ có bồn rửa mặt với nước lạnh: vì thế mà ngôi nhà này được người Việt Nam gọi là "nhà có ba phòng tắm". Theo luật lệ Việt Nam, một ngôi nhà với ba phòng tắm được phép gọi là khách sạn – và nâng tiền thuê nhà. Cái căn nhà tồi tàn này tất nhiên được xem như là khách sạn; chính phủ Hoa Kỳ trả hàng tháng 400 dollar tiền thuê nhà.

Khắp nơi trong Việt Nam, người Mỹ để cho người ta lừa dối mình và bị cho là thằng ngu. Quân đội Hoa Kỳ bị đánh cắp xe Jeep và xe tải nhiều cho tới mức phương tiện vận tải cho quân đội của chúng ta đã trở nên khan hiếm. Từ ít lâu nay, quân đội mượn lại chính những chiếc xe Jeep đã bị đánh cắp của mình từ những người mua bán trên chợ đen với giá 250 dollar hàng tháng.



Ở Nam Việt Nam có trên bốn triệu người tỵ nạn và những người bị đuổi ra khỏi quê hương họ. Phần lớn trong số họ phải chạy trốn, vì làng mạc của họ bị bom Mỹ hay đạn đại bác Mỹ phá hủy; Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đền bù cho việc đấy.

Tất nhiên là tiền bạc và hàng cứu trợ cần phải đến với người Việt Nam mà tài sản của họ đã bị hư hại hay phá hủy. Nhưng khi tôi hỏi vào khoảng 100 người Việt Nam tại hai vùng cách xa nhau trong Nam Việt Nam, tôi không thể tìm ra được một trường hợp duy nhất nào mà có một gia đình người Việt thật sự đã nhận được tiền. Theo ý nhất quán của họ thì nó đã chui vào trong túi của nhân viên nhà nước người Việt.

Cả khi có ai đó vô tình bị gây thương tích hay bị giết chết, Hoa Kỳ trả tiền cho người đó hay cho gia đình của người đó.

"Ồ, ai cũng biết", một phụ nữ người Việt nói với tôi, "rằng người Mỹ đưa tiền cho nhân viên nhà nước, nhưng nó không bao giờ đến được với người dân."

"Anh của tôi là nhân viên trong quân đội. Anh ấy nói rằng lúc nào mà sĩ quan cần tiền thì họ đi tới người Mỹ với một yêu cầu đòi trả tiền bồi thường. Rất đơn giản – họ viết tên của một thành phố mà trong đó có một viên đạn đại bác hay một quả bom rơi xuống, và chuyển giao một danh sách tên của những người chết hay bị thương."

"Thình thoảng, người Mỹ gửi một thông dịch đến để kiểm tra vụ việc. Nhưng người thông dịch nhận tiền của nhân viên người Việt; tức là ông ấy nói rằng yêu cầu đấy là đúng. Chỉ lực lượng Thủy Quân Lục Chiến là thình thoảng dứt khoát yêu cầu được kiểm tra xác chết và hư hại. Vì thế mà những người thông dịch quân đội căm ghét lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ."

Tôi xin bằng chứng cho việc lừa đảo tiền bồi thường. Người ta tường thuật cho tôi về một huyện trưởng trong tỉnh Quảng Nam. Tôi đi theo vụ việc này và được chính viên sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến Mỹ là người trong cuộc thuật lại.

Vào một ngày nào đó, huyện trưởng thiếu tá Hao xuất hiện ở cơ sở chỉ huy dã chiến của một trung tá Thủy Quân Lục Chiến. "Trung tá", ông ấy nói, "tôi muốn nhận tiền bồi thường cho năm người dân làng mới vừa bị giết chết ở cạnh sông."

"Họ bị giết chết như thế nào và bởi ai?", viên sĩ quan muốn biết. Người Việt mở một tấm bản đồ ra: "Người của anh bắn súng cối vào nơi này; một vài quả đạn rơi cạnh làng và giết chết ba người đàn ông và hai người đàn bà. Đây là huyện của tôi; tôi đến để nhận tiền cho các gia đình đó."

"Ba người đàn ông và hai phụ nữ? Đã xảy ra vào lúc nào?" Viên thiếu tá người Việt nêu ra ngày tháng. Viên sĩ quan Hoa Kỳ biết rằng vào khoảng ngày đó và giờ đó, người Thủy Quân Lục Chiến đã bắn vào hướng đó –, họ cho rằng có du kích quân tụ tập ở đấy.

"Anh chỉ cho tôi xem các xác chết", người Mỹ nói. Câu trả lời: "Họ ở ngoài trên xe Jeep của tôi."

Họ đi ra ngoài. Ở phía sau chiếc xe Jeep có năm xác chết được bọc cẩn thận trong các bao xác chết. Viên sĩ quan Hoa Kỳ yêu cầu: "Thiếu tá, anh hãy đặt các xác chết xuống đất và cắt các bao xác chết ra." – "Ồ không", viên thiếu tá người Việt chống lại, "họ đều đầy máu và thi thể không toàn vẹn."

"Anh đặt họ xuống đất và cắt bao xác chết ra. Tôi muốn nhìn thấy họ." – "Trung tá, tôi bảo đảm với anh rằng anh không muốn nhìn thấy họ đâu. Họ đã bị làm biến dạng và không toàn thân, ngực bụng lòi ra ngoài, đầu họ nát tan, và bắt đầu thối rữa rồi."

Nhưng viên sĩ quan Mỹ dỡ các xác chết xuống từ trên chiếc xe Jeep, lấy con dao bỏ túi của mình ra và cắt đứt mấy cái bao.

Đó là xác chết của năm người đàn ông, không có phụ nữ trong số đó. Không có xác chết nào mà không toàn thân hay đầy máu, mỗi xác chỉ có một dấu đạn bắn trúng; rõ ràng là những người này bị giết chết bằng đạn của súng cá nhân.

Viên sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến lặng lẽ chất các xác chết lên trở lại chiếc xe Jeep, nắm lấy khuỷu tay của viên thiếu tá người Việt và đẩy ông ấy lên ghế trước. "Thiếu tá", rồi ông ấy nói, "nếu như anh muốn thu tiền bồi thường cho Việt Cộng chết, tôi đề nghị anh nên đòi nó ở tổng hành dinh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng chứ không phải tại Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Bây giờ thì anh cút đi." Thiếu tá Hao chạy đi.

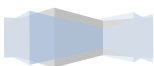
Cụ chiến hữu trên tàu của tôi, O'Leary – tên của ông ấy được nghĩ ra – có lần muốn chỉ cho tôi xem cuộc sống về đêm ở Sài Gòn. Thế nhưng khi O'Leary đến thì anh ấy mặc quân phục. "Tôi phải trực đêm nay", ông ấy nói, "nhưng còn thời gian vài phút".

"Sếp", tôi nói, trong khi chúng tôi đi lang thang, "tôi thấy rằng người Việt lương gạt chúng ta và sống rất tốt trong lúc đó. Thật ra thì đây là một câu chuyện như thế nào?"

"Nhục nhã lắm", ông ấy nói, "họ lừa gạt chúng ta, và chúng ta xấu hổ vì sự luồn cúi của chúng ta cho tới mức không ai nói lên sự thật. Tất cả các ông to mặt lớn – dân sự cũng như quân đội – sợ người Việt, sợ phải dẫm lên chân của họ. Khi ngẫu nhiên có ai đó trong số chúng tôi phàn nàn thì các ông to mặt lớn nhanh chóng nhắc cho chúng tôi nhớ rằng chúng ta chỉ là khách ở đây." O'Leary thêm vào: "Điều đấy đúng, chúng ta là khách. Khách trả tiền."

Ông ấy chỉ vào một cái máy phát điện lớn trên vỉa hè. "Cái máy phát điện này cung cấp điện cho ngôi nhà này mà phòng ở và văn phòng của nó được quân đội của chúng ta sử dụng. Chúng tôi đã thuê lại căn nhà này từ người Việt, chúng tôi trả tiền cho việc đó. Vâng, chúng tôi có điện riêng vì chúng tôi không thể tin cậy vào người Việt được. Nhưng đường dây điện của chúng tôi chạy qua đồng hồ điện của họ, và vào cuối tháng, người Việt đọc đồng hồ – và chúng tôi phải trả tiền. Chúng tôi phải trả tiền điện cho họ, điện mà chúng tôi sản xuất ra."

"Làm sao mà có thể như thế được?"



"Người Việt dọa sẽ đuổi người Mỹ ra khỏi nhà, nếu như chúng tôi không chịu. Ngoài ra: Nếu chúng tôi trả tiền mà không lâu bầu và tất cả đều diễn ra tốt đẹp, thì một đại tá hay viên tướng nào đó sẽ được khen ngợi cho việc "quên mình hoàn thành nhiệm vụ và cộng tác" khi thời gian phục vụ ở Việt Nam của ông ấy chấm dứt.

O'Leary chỉ vào một chiếc xe quân đội Mỹ. "Anh có thấy bản số xe ở đây không? Thế này, chính phủ Hoa Kỳ trả cho người Việt một lệ phí cho việc đăng ký chiếc xe tải mà chúng ta gửi đến đây để tiến hành cuộc chiến của họ. Người Việt từ chối giao ra chiếc xe tải cho tới chừng nào mà lệ phí được trả."

"Anh hãy tự nhìn đi", O'Leary tiếp tục, "chính chúng ta yêu cầu người Việt hãy đối xử tệ bạc với mình. Gần như là chúng ta mang trước trán một tấm bảng to: "Tôi là người Mỹ. Xin hãy đối xử tệ bạc với tôi"."

Trên một ngọn núi, nhiều kilômét bên ngoài Đà Nẵng, Không quân Hoa Kỳ đã lắp đặt thiết bị bí mật có giá trị khoảng 15 triệu dollar.

Nhưng Hoa Kỳ không sở hữu ngọn núi đó, và họ cũng không thuê nó. Để có thể dựng thiết bị của mình ở trên đó, họ cần sự đồng ý của người Việt. Ngọn núi thuộc quyền của một thiếu tá quân đội Việt Nam. Không có sự đồng ý của ông ấy thì Không quân Hoa Kỳ không thể làm gì được trên ngọn núi đó. Bất cứ viên thiếu tá muốn gì: ông ấy thường nhận được điều đó, ngay cả khi nó đi ngược lại lợi ích chiến tranh của Hoa Kỳ.

Vào đầu 1967, Không quân bắt đầu xây một trạm phát sóng ở gần đỉnh núi. Khi nền móng đã xong, thiếu tá người Việt tìm đến gặp viên chỉ huy của Không quân Hoa Kỳ và giải thích rằng ông ấy trước nay rất muốn có một ngôi nhà nghỉ hè ở trên núi. Điều tình cờ là nền móng bê tông đáy trùng hợp chính xác với ước muốn của ông ấy cho căn nhà, về vị trí, độ lớn và hình dạng.

Viên chỉ huy Không quân Mỹ phản đối. Người Việt đầy cú khăng khăng đòi nền bê tông đáy phải được dùng cho căn nhà mùa hè của ông ấy. Nếu không, ông ấy sẽ không cho phép Không quân Hoa Kỳ tiếp tục xây thiết bị điện tử của mình ở trên núi.

Viên chỉ huy Không quân Hoa Kỳ xin ý kiến của cấp trên ông ấy ở Đà Nẵng và Sài Gòn. Tổng hành dinh ở Sài Gòn cho ông ấy biết rằng, "từ những lý do chính trị" mà nên cộng tác.

Thế là Không quân Hoa Kỳ xây cho viên thiếu tá ngôi nhà, trang bị cho nó – và nhận người làm để chăm sóc cho ngôi nhà và khu đất.

Viên thiếu tá ra quy định, tất cả các dịch vụ cá nhân cho lính Không quân Mỹ ở trên núi phải do người Việt tiến hành. Phí tổn nhân sự của các đầu bếp, thợ may và thợ cắt tóc cho Không quân Mỹ này cao khoảng gần gấp đôi so với các dịch vụ tương tự trong các căn cứ Hoa Kỳ khác quanh Đà Nẵng. Khi người ta hỏi lý do, các thợ cắt tóc nói không úp mở. "Chúng tôi phải giao lại cho ngài thiếu tá phân nửa tổng thu nhập. Vì thế mà giá cao gấp đôi."



Không quân Mỹ không thể làm gì để chống lại việc đó được. Họ đã nhận chỉ thị phải nhân nhượng. Mặc cho người Việt muốn gì ở Hiệp Chúng Quốc, Hoa Kỳ đưa cho họ điều đấy. Cuối cùng thì "Chúng ta là khách ở đây".

*Phan Ba dịch từ Der Spiegel số 44/1968: <http://www.spiegel.de/spiegel/print/d-45949919.html>*

